



SỞ XÂY DỰNG HẢI DƯƠNG

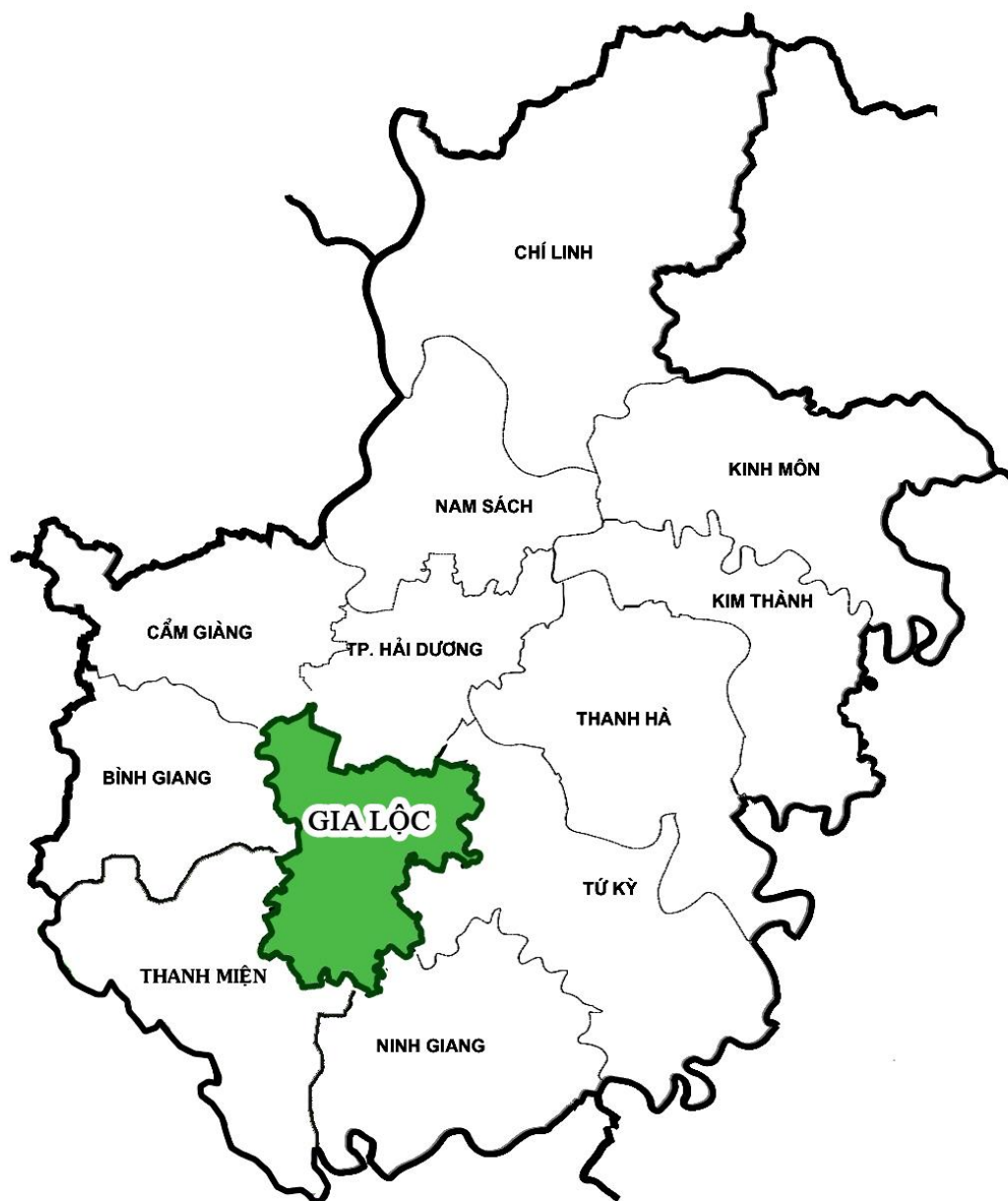
TRUNG TÂM QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN

HAI DUONG URBAN & RURAL PLANNING CENTRE - HURPC. Tel +84.320.383.78.56

THUYẾT MINH

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN GIA LỘC ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Địa điểm: Huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương)



HẢI DƯƠNG, NĂM 2022

SỞ XÂY DỰNG HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH
ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hải Dương, ngày tháng năm 2022

THUYẾT MINH

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN GIA LỘC ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Địa điểm: - Huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương;
Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: - UBND huyện Gia Lộc;
Đơn vị lập quy hoạch: - Trung tâm quy hoạch đô thị và nông thôn.

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH
**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
**TRUNG TÂM QUY HOẠCH
ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN**

MỤC LỤC

PHẦN I: MỞ ĐẦU	1
I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH	1
II. CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH	1
1. Căn cứ pháp lý	1
2. Các văn bản, hồ sơ liên quan	3
3. NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH CẦN ĐIỀU CHỈNH	5
III. TÍNH CHẤT, MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ	6
1. Tính chất, chức năng	6
2. Quan điểm	7
3. Mục tiêu	7
PHẦN II. TỔNG QUAN THỰC TRẠNG VÀ NGUỒN LỰC VÙNG HUYỆN GIA LỘC	8
I. VỊ TRÍ VÀ PHẠM VI LẬP QUY HOẠCH	8
1. Vị trí	9
2. Quy mô	9
II. ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN	9
1. Điều kiện tự nhiên	9
2. Tài nguyên	10
III. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI	11
IV. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI	12
1. Thực trạng phát triển các ngành và các lĩnh vực	12
2. Hiện trạng dân số - xã hội	18
V. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN	18
1. Thực trạng phát triển hệ thống đô thị	18
2. Thực trạng phát triển nông thôn	19
VI. HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT	19
1. Hiện trạng hệ thống giao thông	19
2. Hiện trạng cấp nước	22
3. Hiện trạng cấp điện	23
4. Hiện trạng hệ thống công trình thủy lợi	23
5. Hiện trạng vệ sinh môi trường	24
6. Hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc	24
VII. HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT	25
1. Hiện trạng hệ thống giao thông	25
2. Hiện trạng cấp nước	28
3. Hiện trạng cấp điện	28
4. Hiện trạng hệ thống công trình thủy lợi	29
5. Hiện trạng vệ sinh môi trường	29
6. Hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc	30
VIII. CÁC QUY HOẠCH XÂY DỰNG LIÊN QUAN	30
1. Các đồ án, dự án lớn đã và đang triển khai thực hiện	30
2. Đánh giá việc thực hiện quy hoạch	31
IX. ĐÁNH GIÁ NGUỒN LỰC VÀ ƯU THẾ PHÁT TRIỂN	31
1. Tiềm năng, thế mạnh vùng	31
2. Hạn chế khó khăn	33
3. Cơ hội	34
PHẦN III: NỘI DUNG ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN GIA LỘC	34
I. CÁC TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÙNG	34
1. Quan điểm quy hoạch và mục tiêu phát triển vùng	34
2. Các dự báo phát triển vùng	35
II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN VÙNG HUYỆN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050	38
1. Mô hình phát triển không gian vùng	38
2. Định hướng phân vùng kiểm soát quản lý phát triển	38
3. Định hướng bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh	39
4. Định hướng phát triển hệ thống đô thị	40
5. Định hướng phát triển vùng nông thôn	42
6. Định hướng phát triển phân bố mạng lưới dân cư	44
III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ	46

1. Mục tiêu và định hướng phát triển nông nghiệp	46
2. Định hướng phát triển công nghiệp	56
3. Định hướng phát triển thương mại – dịch vụ, du lịch	59
IV. QUY HOẠCH HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG XÃ HỘI.....	64
1. Hệ thống giáo dục và đào tạo.....	64
2. Hệ thống y tế, bảo vệ sức khỏe.....	65
2.1. Mục tiêu	65
3.1. Mục tiêu	66
4. Dự báo quy mô đất đai toàn huyện.	67
V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT	68
1. Quy hoạch hệ thống giao thông.....	68
2. Chuẩn bị kỹ thuật.....	74
3. Quy hoạch hệ thống thoát nước mặt.	75
4. Quy hoạch cấp nước.....	76
5. Quy hoạch cấp năng lượng.....	79
6. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc	83
7. Quy hoạch thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang.....	85
PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC	88
I. MỤC TIÊU	88
II. PHẠM VI NGHIÊN CỨU VÀ NỘI DUNG NGHIÊN CỨU	89
III. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG KHI THỰC HIỆN QUY HOẠCH	89
1. Nhận diện, đánh giá diễn biến các vấn đề MT khi thực hiện quy hoạch.....	89
2. Nhận dạng và đánh giá những tác động riêng lẻ.....	94
3. Biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu, khắc phục các tác động tiêu cực	96
IV. CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU VÀ QUẢN LÝ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.....	98
1. Các giải pháp quản lý, kiểm soát môi trường.....	98
2. Chương trình quan trắc và giám sát chất lượng môi trường	99
PHẦN V: CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ, DỰ BÁO NHU CẦU VỐN VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH.....	100
I. MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG ĐẦU TƯ.....	100
1. Mục tiêu	100
2. Phương hướng thực hiện.....	100
II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN.	102
1. Giai đoạn đến năm 2030.	102
2. Giai đoạn 2030-2050: Giai đoạn ổn định và phát triển bền vững	104
III. GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ.	105
PHẦN VI: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	106

PHẦN I: MỞ ĐẦU

I. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH.

Gia Lộc là một huyện thuộc tỉnh Hải Dương có 18 đơn vị hành chính, trong đó có 17 xã và 01 thị trấn. Quy mô diện tích toàn huyện là 9.971,10ha. Nằm trong khu vực có mạng lưới giao thông thông suốt, một số tuyến giao thông quan trọng như: Quốc lộ 5B Hà (Nội – Hải Phòng); Quốc lộ 38B (Hưng Yên - Hải Dương – Quảng Ninh); Đường vành đai 5 (đoạn Hà Nội - Hải Dương - Quảng Ninh) Quốc lộ 37 (Thái Bình- Hải Dương – Quảng Ninh); Trục Bắc – Nam (từ cầu Hiệp Ninh Giang đi thành phố Hải Dương và các khu vực trọng điểm phía Bắc tỉnh Hải Dương). Các trục Đường tỉnh 395, 393; Đường vành đai I, II thành phố Hải Dương tại phía Bắc của huyện. Gia Lộc có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, sản xuất hàng hoá trong nông nghiệp.

Hồ sơ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 725/QĐ-UBND, ngày 20/3/2020. Từ khi có quyết định phê duyệt quy hoạch, đến nay các hoạt động quy hoạch và xây dựng được UBND huyện sát sao chỉ đạo theo đúng theo nội dung hồ sơ đã duyệt.

Sau khi rà soát quá trình thực hiện, dẫn đến việc cần thiết phải điều chỉnh Quy hoạch vùng huyện với các lý do chính như: Định hướng phát triển tổng thể vùng huyện theo nội dung chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 (*Nghị Quyết số 01-NQ/ĐH ngày 27/10/2020*); Điều chỉnh giai đoạn quy hoạch đến năm 2050 để phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội toàn tỉnh; Đồng bộ với Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*đã được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch tại Quyết định số 442/QĐ-TTg ngày 25/3/2021*); Nhằm mục đích rà soát quỹ đất sản xuất nông nghiệp làm cơ sở để UBND tỉnh triển khai việc quản lý bảo vệ quỹ đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Đây là cơ sở quan trọng để huyện định hướng phát triển hệ thống đô thị và các khu dân cư nông thôn. Góp phần xây dựng Gia Lộc phát triển bền vững trên cơ sở khai thác được các tiềm năng lợi thế, khắc phục được những hạn chế, khó khăn và thách thức.

Với các lý do trên, việc điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là cần thiết:

II. CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/06/2009;
- Luật Quy hoạch năm 2017;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Luật Di sản văn hoá số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật Di sản văn hoá sửa đổi số 32/2009/QH12 ngày 18/06/2009;
- Luật Du lịch số 44/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;
- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;
- Luật Điện lực số 28/2004/QH11 và Luật sửa đổi bổ sung Luật Điện lực số 24/2012/QH13;
- Luật Phòng cháy chữa cháy số 27/2001/QH10, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy;
- Luật phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 17/6/2020;
- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017;
- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015;
- Luật trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018;
- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 08 năm 2019 “Nghị định Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng”;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP của Chính phủ: Về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.
- Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 5/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ Quyết định ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020;
- Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;
- Văn bản số 1156/TTg-KTN ngày 14/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương;
- Quyết định số 1272/QĐ-TTg, ngày 19/8/2020 của Thủ Tướng chính phủ “Quyết định Công nhận huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019”;

- Quyết định số 442/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ Tướng Chính phủ, Quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, ban hành sổ tay hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

- Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

- Thông tư số: 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 2374/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Quyết định Phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số của Thông tin và Truyền thông giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT, ngày 25/12/2014 về việc ban hành “Hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020”;

- Quyết định số 3958/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành Quy định cụ thể Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

- Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh Hải Dương Quy định phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật và cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh Hải Dương.

- Các văn bản, quy chuẩn và các tiêu chuẩn khác có liên quan.

2. Các văn bản, hồ sơ liên quan.

- Cập nhật các Quyết định, chủ trương của tỉnh ủy và UBND tỉnh về việc quy hoạch: Đô thị, khu dân cư mới, khu đô thị, Khu và cụm công nghiệp...;

- Nghị quyết số 01-NQ/HĐ, ngày 27/10/2020 “ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025”;

- Chỉ thị số 03-CT/TU ngày 22-12-2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Thông báo số 35-TB/TU ngày 18/12/2020 - Thông báo Kết luận của ban thường vụ Tỉnh ủy về kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020 và đề xuất nhu cầu sử dụng đất công nghiệp, đất ở thời kỳ 2021-2030);

- Thông báo số 527-TB/TU ngày 17/12/2021 “Thông báo Kết luận của ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”;

- Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 15/11/2011 của UBND tỉnh Hải Dương v/v phê duyệt Quy hoạch vùng tỉnh Hải Dương đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040;

- Văn bản số 232/UBND-VP ngày 22/1/2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất và khẩn trương hoàn thiện quy hoạch tỉnh;

- Thông báo số 219/TB-VP, ngày 11/9/2020 “Thông báo Kết luận của phó chủ tịch Lưu Văn Bản tại cuộc họp với một số Sở, ngành và UBND huyện, thị xã (hoặc Quận), thành phố”;

- Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh Hải Dương Quyết định về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Hải Dương đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 3169/QĐ-UBND ngày 21/12/2020 của UBND tỉnh Hải Dương về việc bổ sung quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

- Thông báo số 18/TB-VP, ngày 15/01/2021 “Thông báo Kết luận của Phó Chủ tịch Lưu Văn Bản tại buổi làm việc với thường trực Huyện Ủy, UBND huyện Gia Lộc”;

- Văn bản chỉ đạo số 1657/UBND-VP, ngày 20/5/2020 của UBND tỉnh Hải Dương về việc tổ chức rà soát lập quy hoạch xây dựng vùng huyện và quy hoạch xây dựng nông thôn;

- Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND tỉnh Quyết định Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình số 22-Ctr/TU ngày 19/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Phát huy giá trị văn hóa xứ Đông

và xây dựng con người Hải Dương đáp ứng yêu cầu phát triển giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”;

- Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Gia Lộc lần thứ XXV, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Gia Lộc “Nghị quyết về việc thông qua phương án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050”;

- Tình hình phát triển kinh tế xã hội thực tế tại địa bàn huyện Gia Lộc;

- Văn bản số 2601/SYT-KHTC ngày 27/8/2021 của Sở Y tế tỉnh Hải Dương v/v Góp ý về phương án Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Văn bản số 1879/SGTVT-P2 ngày 30/8/2021 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Hải Dương v/v điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc đến năm 2030, định hướng đến năm 2050;

- Văn bản số 2614/STC-ĐT ngày 30/8/2021 của Sở Tài chính tỉnh Hải Dương V/v tham gia góp ý về phương án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc đến năm 2030, định hướng đến năm 2050;

- Văn bản số 1432/SNN-QLXDCT ngày 30/8/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Hải Dương v/v tham gia ý kiến điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc đến năm 2050;

- Văn bản số 1911/KCN-XDMT ngày 30/8/2011 của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương v/v phúc đáp Công văn số 420/UBND-KTHT ngày 18/8/2021;

- Văn bản số 1384/SCT-KHĐT&HTQT ngày 06/9/2021 của Sở Công thương tỉnh Hải Dương v/v tham gia ý kiến về phương án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc đến năm 2030, định hướng đến năm 2050;

- Văn bản số 1309/SVHTTDL-KHTC ngày 06/9/2021 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hải Dương v/v lấy ý kiến thống nhất về Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Các tài liệu, văn bản và những hồ sơ Quy hoạch điều tra có liên quan.

3. Những nội dung chính cần Điều chỉnh .

** Điều chỉnh kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.*

- Điều chỉnh Các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội: Gắn việc xây dựng và phát triển Gia Lộc với nội dung chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Điều chỉnh phát triển mạng lưới đô thị và nông thôn: Đáp ứng nội dung chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Hải Dương về việc phân đầu xây dựng Hải Dương sớm trở thành đô thị trực thuộc Trung Ương;

- Điều chỉnh giai đoạn tầm nhìn quy hoạch đến năm 2050 (*Quy hoạch đã duyệt tầm nhìn đến năm 2040*) để đồng bộ với nội dung Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Rà soát quỹ đất phát triển từ đó làm cơ sở để UBND tỉnh triển khai công tác rà soát, quản lý bảo vệ quỹ đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Khớp nối về tổ chức không gian của Gia Lộc với các vùng huyện giáp ranh.

- Theo nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Gia Lộc lần thứ XXV, nhiệm kỳ 2020-2025 & Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Gia Lộc lần thứ XXV, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Cập nhật các dự án có liên quan nhằm phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện, tỉnh.

** Điều chỉnh quy mô diện tích nghiên cứu quy hoạch.*

Cập nhật Quy mô diện tích toàn huyện theo số liệu hiện trạng.

** Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành*

- Phù hợp với Quyết định số 3958/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc ban hành Quy định cụ thể Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

- Cập nhật các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành khác.

** Điều chỉnh các dự báo phát triển.*

- Dự báo phát triển các lĩnh vực phát triển kinh tế: Công nghiệp, nông nghiệp, thương mại dịch vụ, đô thị.

- Điều chỉnh các dự báo phát triển về: Dân số; Lộ trình phát triển hệ thống đô thị và nông thôn; sử dụng đất đai; Hệ thống hạ tầng kỹ thuật...

** Cập nhật những quy hoạch mới đã và đang triển khai thực hiện.*

- Cập nhật những quy hoạch, những dự án, những kế hoạch phát triển...có liên quan từ đó điều chỉnh phương án quy hoạch cho phù hợp.

- Khớp nối các quy hoạch vùng huyện lân cận.

** Các nội dung khác vẫn tuân thủ hồ sơ đã duyệt tại Quyết định số: 725/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040.*

III. TÍNH CHẤT, MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ

1. Tính chất, chức năng.

- Là vùng huyện của tỉnh Hải Dương với định hướng phát triển kinh tế trên các lĩnh vực: Công nghiệp, Dịch vụ - thương mại; Các ngành kinh tế phụ trợ là: Nông nghiệp, Chế biến nông sản, du lịch,...

- Gia Lộc là cửa ngõ phía Nam của thành phố Hải Dương; Là đầu mối giao thông quan trọng của Hải Dương với các thành phố lớn: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh.

2. Quan điểm

- Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện đảm bảo: Phù hợp với đường lối chính sách và chủ trương của Đảng và Nhà nước; Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, huyện.

- Đặt huyện Gia Lộc trong sự phát triển liên kết vùng; gắn kết chặt chẽ và hài hòa hệ thống đô thị Gia Lộc với các vùng lân cận; Trên cơ sở khai thác tối đa các tiềm năng và lợi thế của huyện, thu hút đầu tư, phát huy nội lực phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, góp phần tạo động lực cho phát triển khu vực phía Nam thành phố Hải Dương.

- Từng bước xây dựng hệ thống đô thị trong huyện mang nét đặc trưng, có bước phát triển bền vững, có cơ sở hạ tầng đồng bộ, khai thác hiệu quả tài nguyên đất đai – địa hình – cảnh quan, có môi trường sống tiện nghi, đáp ứng định hướng phát triển không gian kinh tế, đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng cao của nhân dân.

- Xây dựng mô hình phát triển hệ thống các đô thị hiện đại, đậm đà bản sắc, sinh thái, phù hợp với lộ trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

3. Mục tiêu.

- Cụ thể hóa nội dung Quy hoạch vùng tỉnh Hải Dương; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hải Dương.

- Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng và phát triển các khu vực trên địa bàn huyện Gia Lộc phù hợp với quy hoạch sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo an ninh quốc phòng; bảo vệ cảnh quan môi trường, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

- Điều chỉnh mạng lưới đô thị lựa chọn mô hình phát triển; góp phần phấn đấu xây dựng Hải Dương sớm trở thành đô thị trực thuộc Trung Ương;

- Điều chỉnh định hướng quy hoạch sử dụng đất toàn huyện đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050; Rà soát, quản lý bảo vệ quỹ đất sản xuất nông nghiệp từ đó làm cơ sở để UBND tỉnh triển khai công tác rà soát, quản lý bảo vệ quỹ đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Quy hoạch xây dựng vùng Huyện Gia Lộc sẽ giúp địa phương tập trung khai thác có hiệu quả tiềm năng thế mạnh của huyện để giải quyết việc làm cho người lao động, tăng thu cho ngân sách, đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế xã hội của Huyện.

- Khai thác hiệu quả mối quan hệ nội ngoại vùng, các thế mạnh của huyện và cảnh quan nhằm tạo lập môi trường sống tốt, đáp ứng các nhu cầu vật chất, tinh thần của nhân dân, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững giữa đô thị và nông thôn;

- Tạo cơ sở hình thành hệ thống đô thị, phân loại, phân cấp đô thị, xác định tính chất đô thị cải tạo, xây mới, nâng cấp... Lựa chọn mô hình phát triển. Đề xuất phân bố không gian xây dựng công nghiệp, du lịch, hệ thống hạ tầng xã hội, và các điểm dân cư nông thôn, khu công nghiệp, du lịch... trong đó xác định các vùng động lực phát triển kinh tế- xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế- xã hội theo hướng cân bằng và bền vững.

- Xác định khung hạ tầng kỹ thuật diện rộng, làm cơ sở cho việc kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp tỉnh đi qua địa bàn huyện và lựa chọn quỹ đất hợp lý để phát triển đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, các khu chức năng khác trong vùng huyện.

- Tạo lập cơ sở pháp lý cho các công tác quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị và nông thôn trong huyện, xây dựng các chương trình kế hoạch và hoạch định các chính sách phát triển, các dự án đầu tư, sử dụng hợp lý các nguồn lực

4. Nhiệm vụ quy hoạch

- Đánh giá thực trạng và tiềm năng, lợi thế cũng như hạn chế của huyện.

- Điều chỉnh dự báo cơ cấu phát triển dân số, lao động sản xuất, đất đai đô thị - nông thôn và các chỉ tiêu đô thị hoá cho các giai đoạn phát triển.

- Điều chỉnh các mô hình định hướng phát triển không gian huyện và các khu vực giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Điều chỉnh tổ chức không gian lãnh thổ, các đô thị trung tâm, các điểm dân cư đô thị - nông thôn và định hướng phát triển công nghiệp, nông nghiệp; phát triển các trung tâm chuyên ngành khác như giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá - thể thao; thương mại - dịch vụ - du lịch...

- Điều chỉnh khung hạ tầng kỹ thuật cấp vùng: giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, chất thải rắn, đánh giá tác động môi trường chiến lược.

- Đề xuất các chương trình dự án ưu tiên đầu tư phát triển và cơ cấu điều hành thực hiện, kiểm soát phát triển.

PHẦN II. TỔNG QUAN THỰC TRẠNG VÀ NGUỒN LỰC VÙNG HUYỆN GIA LỘC

I. VỊ TRÍ VÀ PHẠM VI LẬP QUY HOẠCH

1. Vị trí

Vùng Huyện Gia Lộc thuộc phía Nam Tỉnh Hải Dương. Ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc: Giáp thành phố Hải Dương; Huyện Cẩm Giàng;
- Phía Nam: Giáp huyện Thanh Miện; Ninh Giang;
- Phía Đông: Giáp huyện Tứ Kỳ;
- Phía Tây: Giáp huyện Bình Giang.



2. Quy mô

Vùng huyện Gia Lộc bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính huyện Gia Lộc, với 18 đơn vị hành chính, trong đó:

- Đô thị: có 01 thị trấn Gia Lộc
- Đơn vị hành chính xã có 17 xã, gồm: Thống Nhất; Hồng Hưng; Lê Lợi; Gia Khánh; Quang Minh; Nhật Tân; Đức Xương; Hoàng Diệu; Yết Kiêu; Phạm Trán; Tân Tiến; Thống Kênh; Toàn Thắng; Đoàn Thượng; Đồng Quang; Gia Lương; Gia Tân.

Tổng diện tích tự nhiên theo là 9.971,10ha (quy mô đã duyệt là 9.970,63ha)

II. ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Điều kiện tự nhiên.

1.1. Địa hình, thổ nhưỡng

- Gia Lộc là huyện thuộc vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, đất đai tương đối bằng phẳng, chủ yếu bị chia cắt bởi hệ thống sông ngòi, kênh mương và đường giao thông. Độ dốc tương đối của địa hình trên địa bàn huyện theo hướng từ Đông Bắc xuống Tây Nam, độ cao trung bình +1,6 m đến +2,6 m.

- Nhìn chung với địa hình bằng phẳng, đất đai phì nhiêu là điều kiện thuận lợi để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để đạt giá trị kinh tế cao trên mỗi đơn vị diện tích. Địa hình Gia Lộc cần phải tính đến các phương án tổ chức lãnh thổ hợp lý để có sự phát triển đạt nhịp độ cao.

1.2. Khí hậu.

Huyện Gia Lộc nằm trong vùng đồng bằng Bắc Bộ, chịu ảnh hưởng của vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, thời tiết trong năm được phân làm 2 mùa rõ rệt:

- Mùa hè: Nóng ẩm, mưa nhiều được kéo dài từ tháng 4 đến tháng 10.

- Mùa đông: Lạnh, khô hanh thường kéo dài từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau.

Theo số liệu điều tra của trung tâm khí tượng thủy văn tỉnh Hải Dương, các yếu tố khí hậu được thể hiện:

* Nhiệt độ: Nhiệt độ tương đối ổn định, trung bình năm khoảng 24.4⁰C, tháng nóng nhất nhiệt độ có thể lên đến 36-37⁰C (tháng 6, 7), tháng lạnh nhất là tháng 12 và tháng 1, có khi nhiệt độ xuống đến 6-7⁰C. Số giờ nắng trung bình của năm khoảng 1.500 giờ

* Mưa: Lượng mưa trung bình hàng năm của huyện 1.500-1.600mm. Lượng mưa tập trung và phân bố theo mùa, mưa nhiều vào tháng 7- tháng 8.

* Độ ẩm không khí: Độ ẩm không khí trung bình năm từ 85%; tháng 8 – tháng 9 độ ẩm đạt khoảng 88-91%, tháng 2 độ ẩm là 75%

Như vậy, Gia Lộc có khí hậu đặc trưng là nóng, ẩm, mưa nhiều vào mùa hè; lạnh, khô, hanh vào mùa đông. Khí hậu này thích hợp với nhiều loại cây trồng, tạo điều kiện để sản xuất nông nghiệp phát triển đa dạng và phong phú về sản phẩm.

1.3. Thủy văn.

Thủy văn của huyện Gia Lộc chịu ảnh hưởng trực tiếp của thủy lưu sông chính là sông Bắc Hưng Hải tạo cho huyện một nguồn cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, đồng thời bồi đắp phù sa hàng năm. Ngoài ra, huyện còn có hệ thống ao, hồ lớn nhỏ, đảm bảo việc tưới tiêu cho diện tích đất canh tác, sản xuất nông nghiệp, điều tiết nguồn nước và nuôi trồng thủy sản với năng suất cao.

2. Tài nguyên.

2.1. Tài nguyên nước.

Nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt ở huyện Gia Lộc được lấy từ các hệ thống sông bao quanh, nước ngầm và nước mưa.

* Nước mặt: Được cung cấp bởi hệ thống sông Bắc Hưng Hải cùng hệ thống các ao hồ, hồ, kênh rạch trên địa bàn huyện.

* Nước ngầm: Về mùa khô nước ngầm có ở độ sâu 10-15 m, mùa mưa nước ngầm có ở độ sâu chỉ 3-5 m. Hàm lượng sắt và mangan trong nước cao

* Nước mưa: Với lượng mưa trung bình hàng năm từ 1.500 mm đến 1.650 mm, cung cấp nguồn nước cho sinh hoạt của nhân dân.

2.2. Tài nguyên đất.

Đất đai của Gia Lộc chủ yếu được phát triển trên nền phù sa không được bồi hàng năm của hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình.

2.3. Tài nguyên du lịch và nhân văn.

- Huyện Gia Lộc có những làng nghề đặc trưng, có nhiều di tích lịch sử, văn

hóa cấp Quốc gia và di tích văn hóa cấp tỉnh

- Bên cạnh các giá trị văn hóa vật thể, huyện Gia Lộc còn có nhiều giá trị văn hóa phi vật thể, có tiềm năng du lịch gồm: các lễ hội truyền thống, nghệ thuật trình diễn dân gian trong đó tiêu biểu nhất phải kể đến lễ hội đèn Quát và nghệ thuật múa rối nước Bùi Thượng xã Lê Lợi đã được Bộ Văn Hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia, nghệ thuật hát Tuồng xã Thông Kênh, các làng nghề thủ công truyền thống như giấy da Hoàng Diệu, mộc Đức Đại, thêu ren xã Yết Kiêu...

Người dân Gia Lộc đã xây dựng lên một nền văn hoá truyền thống mang đậm bản sắc dân tộc. Hàng năm, có nhiều lễ hội dân gian được tổ chức, thu hút đông đảo người dân tham gia.

Gia Lộc là huyện đồng bằng, địa hình khá bằng phẳng, cảnh quan thiên nhiên hấp dẫn với những cánh đồng lúa tốt tươi, các khu nuôi trồng thủy sản rộng lớn cùng môi trường tự nhiên trong lành. Làng quê trù phú với những nét đặc trưng của làng quê vùng Đồng Bằng Bắc Bộ.

III. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI.

Theo số liệu thống kê năm 2021, tổng diện tích đất tự nhiên của huyện Gia Lộc là 9.971,10ha

Bảng: Hiện trạng sử dụng đất trong huyện .

STT	Chỉ tiêu	Diện tích	Tỷ lệ
		ha	ha
	Tổng Diện tích tự nhiên	9.971,10	100,00
I	Đất nông nghiệp	6.587,50	66,07
1	Đất trồng lúa	4.779,30	47,93
2	Đất trồng cây hàng năm khác	92,90	0,93
3	Đất trồng cây lâu năm	455,50	4,57
4	Đất nuôi trồng thủy sản	1.251,70	12,55
5	Đất nông nghiệp khác	8,10	0,08
II	Đất phi nông nghiệp	3.383,60	33,93
1	Đất quốc phòng	0,80	0,01
2	Đất an ninh	1,00	0,01
3	Đất công nghiệp	223,93	2,25
4	Đất thương mại dịch vụ	23,45	0,24
5	Đất cơ sở sản xuất PNN	96,20	0,96
6	Đất phát triển hạ tầng (giao thông, thủy lợi, năng lượng, VH, y tế, thể thao, chợ)	1.318,38	13,22
7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	10,07	0,10
8	Đất ở tại nông thôn	949,30	9,52
9	Đất ở tại đô thị	96,50	0,97
10	Đất xây dựng TSCQ	16,40	0,16
11	Đất CT sự nghiệp	105,80	1,06

12	Đất tôn giáo	25,70	0,26
13	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	111,40	1,12
14	Đất sản xuất vật liệu làm gốm xứ	0,95	0,01
15	Đất sinh hoạt cộng đồng	12,22	0,12
16	Đất tín ngưỡng	9,60	0,10
17	Sông ngòi, kênh rạch	369,10	3,70
18	Đất có mặt nước chuyên dùng	10,80	0,11
19	Đất phi NN khác	2,00	0,02

(Nguồn: Sở tài nguyên và môi trường cung cấp)

IV. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI.

1. Thực trạng phát triển các ngành và các lĩnh vực.

1.1. Sản xuất nông nghiệp.

1.1.1. Trồng trọt

Giá trị sản xuất ngành trồng trọt khoảng: 781 tỷ đồng

- Trồng lúa, rau màu:

+ Diện tích hiện trạng khoảng 4.700 ha, với 25 vùng lúa tập trung và 45 vùng rau màu tập trung (trong đó có 07 vùng sản xuất theo quy trình VIETGAP).

+ Năng suất lúa từ 63-65 tạ/ha

+ Hệ số sử dụng đất trong vùng chuyên canh đạt từ 4 - 5 vụ/năm. Giá trị sản xuất theo giá hiện hành đạt 781 triệu đồng/1ha đất canh tác.

+ Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có 05 vùng sản xuất đào hoa với tổng diện tích 135 ha, hàng năm cho thu nhập từ 500 - 800 triệu/ha.

- Cây ăn quả: Diện tích cây ăn quả toàn huyện đạt trên 450ha.

1.1.2. Chăn nuôi, thủy sản, thú y

Chăn nuôi thủy sản: Giá trị sản xuất ước tính khoảng 618 tỷ đồng.

- Tình hình chăn nuôi trên địa bàn huyện cơ bản ổn định.

- Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản đạt khoảng 1.250 ha.

- Hiện trạng một số vùng chăn nuôi thủy sản: Triều Chệnh - Yết Kiêu 21ha; Thị Đức - Nhật Tân 20ha; Quán Đào - Tân Tiến 22ha; Đuôi - Đoàn Thượng 20ha; Lũy Dương - Gia Lương 23ha; Bùi Thượng - Lê Lợi 34ha; Côi Hạ, Côi Thượng - Phạm Trán 20ha; Nam Cầu - Phạm Trán 21ha; Lai Hà - Hoàng Diệu 34ha; Kênh Triều - Thống Kênh 25ha; Gạch, Huyền Bửu - Yết Kiêu 30ha; Hưng Long - Yết Kiêu 35ha; Phương Bằng - Hồng Hưng 35ha...

1.1.3. Dịch vụ và kinh tế hợp tác:

- Giá trị dịch vụ nông nghiệp khoảng 52 tỷ đồng

- Dịch vụ nông nghiệp trong thời gian qua có sự chuyển biến đáng kể. Hệ thống dịch vụ nông nghiệp: hệ thống thủy nông, giống cây trồng, vật tư nông nghiệp, đã bước đầu phát huy hiệu quả đối với sản xuất nông nghiệp.

1.2. Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

Hiện trạng trên địa bàn huyện đã thành lập một số khu, cụm công nghiệp đã thành lập: Khu công nghiệp Gia Lộc diện tích 198ha; Khu công nghiệp Hoàng Diệu khoảng 250ha; Cụm công nghiệp Toàn Thắng diện tích 75ha; Cụm công nghiệp Yết Kiêu diện tích 70ha.

Công nghiệp - xây dựng có tốc độ tăng trưởng nhanh trong giai đoạn vừa qua và trở thành ngành chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế của huyện, góp phần làm tăng năng lực sản xuất, đẩy nhanh tốc độ phát triển toàn nền kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, từng bước thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

Công nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu công nghiệp huyện Gia Lộc. Trong nội bộ ngành chế biến, phân ngành chế biến nông sản thực phẩm chiếm tỷ trọng lớn nhất. Một số phân ngành chế biến khác có tỷ trọng đáng kể trong tổng giá trị sản xuất ngành chế biến của huyện là dệt, may mặc, giày da, xây dựng, thủ công mỹ nghệ...

Ngành sản xuất vật liệu xây dựng có bước phát triển mới trong những năm gần đây, ngoài những sản phẩm truyền thống (như gạch không nung các loại), một số sản phẩm mới bắt đầu được sản xuất với số lượng ngày càng tăng trên địa bàn huyện

Hầu hết các cơ sở sản xuất công nghiệp hoạt động hiệu quả, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

Số cơ sở sản xuất và số lao động làm việc trong khu vực công nghiệp liên tục tăng qua các năm. Toàn huyện hiện có gần 2000 hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp TTCN khoảng 150 doanh nghiệp thu hút khoảng 10 nghìn lao động. Các làng nghề được duy trì và phát triển

Gần đây tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn luôn được chú trọng. Một số làng nghề, ngành nghề truyền thống được tạo điều kiện khôi phục và phát triển như: mây tre đan ở Thị trấn Gia Lộc; thêu ren ở Yết Kiêu; thêu Ren xã Thống Kênh; Bún Đông Cạn, Tân Tiến; Nghề Mộc Đức Đại, Gò Tôn Yết Kiêu. Một số ngành nghề mới hình thành và phát triển như chế biến nông sản, xiên móc, thêu khung tranh, mộc... Ngành nghề nông thôn đã góp phần đáng kể trong việc nâng cao thu nhập cho người nông dân.

1.3. Dịch vụ thương mại, du lịch.

Hoạt động thương mại có tốc độ phát triển khá và đồng đều ở các xã, thị trấn (tăng hàng năm khoảng 7-10%). Nguồn cung hàng hóa dồi dào, kịp thời đáp ứng nhu cầu cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Mạng lưới bán lẻ hàng hóa được đầu tư mở rộng, hạ tầng thương mại được đảm bảo.

Công tác huy động vốn, đầu tư tín dụng và cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngân hàng đạt mức tăng trưởng cao. Các doanh nghiệp và cá nhân trên địa bàn huyện đã có xu hướng mở rộng quy mô đầu tư, sản xuất nên hoạt động tín dụng tăng cả về doanh số vay, thu nợ, dư nợ

Các chợ nông thôn trên địa bàn huyện trong những năm qua đã được đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ bản đáp ứng được nhu cầu mua bán, trao đổi của người dân, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển và gìn giữ nét đẹp của phiên chợ vùng nông thôn. Các cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn khác như: Siêu thị Mini, cửa hàng tiện ích nằm trên các đường chính của huyện, của xã đã và đang phát triển cơ bản đáp ứng được nhu cầu trao đổi hàng hóa.

Hoạt động du lịch hiện trạng của Gia Lộc chưa thực sự phát triển, điểm đến của các tuyến du lịch chủ yếu là các di tích lịch sử đền thờ Yết Kiêu, đền thờ Bà Nguyên Phi Ỗ Lan, đình chùa thờ Đông Hải đại vương, cụm di tích Đình Chùa An Tân - xã Gia Tân, Đền Cối Xuyên thờ Nguyễn Ché Nghĩa...

Bảng: Hiện trạng hệ thống chợ toàn huyện

TT	Tên xã, thị trấn	Tên chợ và điểm họp như chợ	Diện tích (m ²)
1	Xã Quang Minh	Chợ Trạm Bóng	3.314
2	TT. Gia Lộc	Chợ Cuối	14.500
		Chợ Cầu Gồ	550
3	Xã Lê Lợi	Chợ Anh	1.250
4	Xã Gia Khánh	Chợ Cốc	1.912,00
5	Xã Phạm Trấn	Chợ Quang Bị	
6	Xã Yết Kiêu	Chợ Buộm	3.216
7	Xã Thống Kênh	Chợ Đồng Tái	3.051
8	Xã Nhật Tân	Chợ Rồng	800
9	Xã Đoàn Thượng	Chợ Đoàn Thượng	1.417
10	Xã Hồng Hưng	Chợ Phe	4.118
11	Xã Hoàng Diệu	Chợ Đại Tỉnh	610
		Chợ Văn Lâm	900
		Chợ Hoàng Diệu	
12	Xã Toàn Thắng	Chợ Bái	300
		Chợ Phạm Trung	2160
13	Xã Thống Nhất	Chợ Ty	1.176
14	Xã Gia Tân	Chợ Gia Tân	
15	Xã Đồng Quang	Chợ Đồng Quang	
16	Xã Đức Xương	Chợ Đức Xương	300
17	Xã Gia Lương	Chợ Gia Lương	
18	Xã Tân Tiến	Chợ Quán Đào	
	Tổng cộng		39.574,0

1.4. Thực trạng phát triển hạ tầng xã hội.

1.4.1. Giáo dục - Đào tạo

- Tính đến năm 2021: *Bậc học Mầm non*: có 22 trường mầm non, có 323 nhóm, lớp với 8.333 cháu; *Cấp Tiểu học*: có 21 trường Tiểu học, 406 lớp với 12.706 học sinh; *Cấp THCS*: có 22 trường THCS, 224 lớp với 8.096 học sinh.

- Tổng số có 12 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II: Mầm non Đồng Quang, TH Đoàn Thượng, TH Hồng Hưng, TH Lê Lợi, TH Trùng Khánh, TH

Thông Nhất, THCS Nhật Tân, THCS Quang Minh, THCS Lê Thanh Nghị, THCS Hoàng Diệu, THCS Đoàn Thượng, MN Đức Xương

- Toàn huyện có 03 trường THPT, 01 trung tâm giáo dục thường xuyên; 01 trường dạy nghề.

- Công tác phổ cập giáo dục được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo thực hiện và được tỉnh đánh giá cao. Chất lượng giáo dục, nuôi dưỡng ở bậc Mầm non, chất lượng đại trà ở bậc Tiểu học, THCS và THPT cơ bản được giữ vững.

- Công tác xây dựng và nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được quan tâm đầu tư và đạt kết quả tốt, Mạng lưới trường lớp được duy trì và củng cố.

1.4.2. Y tế

- Cơ sở vật chất của trạm y tế tại các xã được đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị phục vụ y tế. Hệ thống trạm y tế xã và thị trấn có bác sỹ công tác thường xuyên; trạm y tế các xã, thị trấn duy trì chế độ trực ban, đảm bảo đủ cơ sở thuốc thiết yếu phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Đến hết năm 2020 100% số xã, thị trấn đã được công nhận Tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020 (theo Quyết định số 4677/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2020).

- Trung tâm y tế đa chức năng huyện cũ đạt chuẩn hạng II theo Quyết định số 1826/QĐ-UBND ngày 22/6/2017 của UBND tỉnh Hải Dương về việc xếp hạng các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Y tế.

- Trung tâm y tế huyện cũ được công nhận đạt tiêu chuẩn hạng III tại Quyết định số: 1124/QĐ-UBND ngày 12/5/2015 của UBND tỉnh Hải Dương về việc xếp hạng các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Y tế .

- Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm thực hiện; chủ động triển khai các biện pháp y tế dự phòng, không để dịch bệnh nguy hiểm xảy ra. Hoạt động khám, chữa bệnh cho nhân dân ở hai tuyến huyện, xã có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng nâng cao chất lượng. Duy trì tốt kết quả thực hiện các mục tiêu quốc gia về y tế, tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng mở rộng đạt 100%.

- Tỷ lệ bác sỹ khoảng 5,8/1 vạn dân; Tỷ lệ xã có bác sỹ 83,3%

- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 91,4 % dân số

1.4.3. Văn hóa, thể thao

- Tính đến năm 2021, Trung tâm văn hóa thể thao huyện đáp ứng đầy đủ các điều kiện hoạt động, có đầy đủ các công trình văn hóa- thể thao (theo thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL, ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch Quy định tiêu chí của trung tâm Văn hóa – Thể thao quận, huyện, Quận, thành phố trực thuộc tỉnh).

- Công trình thể dục - thể thao của huyện bao gồm: 01 sân vận động có diện tích 1,3ha, 01 bể bơi, 01 nhà tập luyện thể thao trong nhà, 02 sân cầu lông, 02 sân bóng chuyền và 06 bàn bóng bàn. Các công trình này đều được thiết kế, xây dựng

đảm bảo tiêu chuẩn, phục vụ tốt các hoạt động thi đấu, luyện tập (kể cả buổi tối) cho vận động viên và nhân dân trong huyện.

- Các xã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động và thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hoá, hội diễn, hội thi văn nghệ, các giải thi đấu thể thao, thu hút đông đảo người dân tham gia.

- Các hoạt động được tổ chức đều bảo đảm tốt an ninh trật tự, an toàn, tiết kiệm, bảo đảm môi trường văn hoá lành mạnh gắn với phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá; phong trào thi đua xây dựng làng văn hóa, cơ quan văn hóa tiếp tục được duy trì

1.4.4. Hiện trạng công trình trụ sở, cơ quan hành chính cấp huyện

Bảng. Danh mục một số công trình công cộng cấp đô thị trên địa bàn huyện

STT	Danh mục công trình	Diện tích (ha)
I	Cơ quan hành chính cấp huyện	
1	Huyện ủy + Ủy ban nhân dân huyện	3.05
2	Toàn án nhân dân huyện	0.18
3	Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi	0.47
4	Chi nhánh điện Gia Lộc	0.25
5	Viện kiểm sát nhân dân	0.23
6	Bưu điện huyện Gia Lộc	0.05
7	Công an huyện	0.60
8	UBMTTQ và các đoàn thể huyện Gia Lộc	0.26
9	Kho A4 (kho gạo)	0.13
10	Chi cục thuế khu vực Từ Lộc	0.30
11	Ngân hàng chính sách xã hội	0.27
12	Bảo hiểm xã hội	0.35
13	Liên đoàn lao động huyện	0.24
14	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Gia Lộc	0.2
15	Ngân hàng NN & PT nông thôn huyện	0.31
16	Chi cục thi hành án	0.13
17	Kho bạc nhà nước	0.1
18	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	
19	Trụ sở tiếp công dân	
20	Viễn thông Gia Lộc	0.12
II	Giáo dục	
1	Trường THPT Gia Lộc	1.33
2	Trường THPT Gia Lộc 2	1.08
3	Trường THPT Đoàn Thượng	1.85
4	Trường THCS Lê Thanh Nghị	1.03
5	Trung tâm GDDN- GDTX	0.38
III	Y tế	
1	Bệnh viện đa khoa + TT y tế huyện	1.68
IV	Văn hóa	
1	Nhà truyền thống huyện	0.66
V	Thể dục thể thao	
1	Sân vận động huyện	1.36
VI	Thương mại dịch vụ	
1	Chợ Cuối	1.88

1.4.5. Hiện trạng công trình di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn huyện

Gia Lộc hiện có 16 di tích lịch sử - văn hóa xếp hạng cấp Quốc gia và 22 di tích xếp hạng cấp tỉnh.

Di tích cấp quốc gia.

TT	Tên di tích	Địa điểm
1	Đền cuối và khu lăng mộ Nguyễn Chế Nghĩa	Khu 5. TT Gia Lộc
2	Lăng mộ Đỗ Quang - Đình Phương Điểm	Khu 3 TT. Gia Lộc
3	Đình An Tân	Gia Tân
4	Đình Lăng Xuyên	Lăng Xuyên
5	Đình Bùi Xá Hạ	Lê Lợi
6	Miếu Chợ Cốc	Gia Khánh
7	Đình Cao Dương	Gia Khánh
8	Đền Quát	Yết Kiêu
9	Đình Quán Đào	Tân Tiến
10	Đình Đồng Tái	Thống Kênh
11	Đình Trình Xá	Gia Lương
12	Đền Đuôi	Thống Nhất
13	Đình Vô Lượng	Thống Nhất
14	Đình Hậu Bồng	Quang Minh
15	Chùa Dâu	Nhật Tân
16	Miếu Lai Cầu	Hoàng Diệu

Di tích cấp tỉnh.

TT	Tên di tích	Địa điểm
1	Đình Bùi Thượng	Lê Lợi
2	Nhà tưởng niệm Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Lê Thanh Nghị	Gia Khánh
3	Nhà thờ và lăng mộ họ Nguyễn Đức	Gia Khánh
4	Đình Buộm	Yết Kiêu
5	Miếu, Chùa Đông Cạn	Tân Tiến
6	Đình Tam Lương	Tân Tiến
7	Đình Đồng Đội	Thống Kênh
8	Đình Đồng Đức	Thống Kênh
9	Miếu Kênh Triều	Thống Kênh
10	Đình Lũy Dương	Gia Lương
11	Đình Xuân Dương	Gia Lương
12	Đình - Chùa Trung	Thống Nhất
13	Miếu Ròng	Nhật Tân
14	Đình Đại Tỉnh	Hoàng Diệu
15	Đình Phong Lâm	Hoàng Diệu
16	Nhà thờ họ Vũ	Hoàng Diệu
17	Đình Lương Xá	Yết Kiêu
18	Đình Quang Bị	Phạm Trán
19	Đền thờ Phạm Trán	Phạm Trán
20	Đình Hoàng Xá	Hồng Hưng
21	Đình, Chùa Phương Bằng	Hồng Hưng
22	Đình Phúc Mại	Gia Tân

(Nguồn: UBND huyện Gia Lộc cung cấp)

2. Hiện trạng dân số - xã hội.

2.1. Dân số.

Tính đến thời điểm năm 2021, dân số toàn huyện Gia Lộc là 134.455 người. Có thể thấy Gia Lộc là huyện đông dân mật độ dân số đạt khoảng 1.348 người/km². Trong đó, dân số nông thôn là 116.262 người, chiếm 86,47% dân số toàn huyện, dân số thành thị là 18.193 người, chiếm 13,53% dân số toàn huyện. Tỷ lệ tăng tự nhiên năm 2021 là 0,95%.

Bảng: Điều tra hiện trạng dân số huyện Gia Lộc qua các năm gần đây

STT	Dân số khu vực	Năm 2020
1	Khu vực Thành Thị	18.193
2	Khu Vực nông thôn	116.262
	Tổng	134.455

(Nguồn: Cục thống kê tỉnh Hải Dương: Thông báo chính thức dân số trung bình năm 2020 tỉnh Hải Dương)

2.2. Nguồn nhân lực.

Tính đến năm 2021 tổng số lao động đang làm việc tại huyện khoảng 79.500 người.

Bảng: thống kê lao động trên địa bàn huyện

STT	Ghi chú	DVT	Lao Động
I	Tổng số dân cư	Người	134.455
II	Số người trong độ tuổi lao động	Người	79.500
1	Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động	%	59,1
2	Số lao động tại đô thị	Người	11.000
3	Lao động tại nông thôn	Người	68.500
4	Tỷ lệ thất nghiệp	%	2,7

Nhìn chung, nguồn nhân lực của huyện là một thế mạnh nổi bật, dân số đông góp phần tạo ra thị trường có nhu cầu to lớn về mọi mặt, nhân dân cần cù lao động, hiếu học và có nhiều lao động lành nghề với tay nghề truyền thống cao, nếu thường xuyên được đào tạo và tổ chức bố trí hợp lý sẽ là một trong những yếu tố phát triển quan trọng của huyện.

V. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN.

1. Thực trạng phát triển hệ thống đô thị.

1.1. Mạng lưới.

- Mạng lưới các điểm dân cư đô thị Gia Lộc đang trong quá trình phát triển. Hệ thống đô thị của Gia Lộc hiện nay có 01 thị trấn Gia Lộc.

- Diện tích thị trấn Gia Lộc khoảng 767ha. Có nhiều thuận lợi trong phát

triển kinh tế - xã hội với hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển khá đồng bộ. Về giao thông: đường bộ có Cao tốc ô tô Hà Nội – Hải Phòng, QL38B, QL37, ĐT395, ĐT393, ĐT 392...là đầu mối giao lưu với các địa phương trong huyện và các huyện lân cận

1.2. Đặc điểm của đô thị Gia Lộc.

- Về quy mô và hình thức phân bố: Hiện trạng thị trấn Gia Lộc có quy mô vừa, phân bố dải đều, có tính tự phát từ các cụm điểm dân cư, bám theo các trục quốc lộ, đường tỉnh và đường huyện.

- Về tính chất đô thị: Là trung tâm hành chính, kinh tế - xã hội của huyện.

- Hình thái phát triển: Hướng tâm.

- Một số khu ở đô thị nhỏ mới được hình thành theo quy mô khu đô thị tập trung. Dân số đô thị đa số có thành phần xuất phát khá đa dạng (từ công nghiệp, nông nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và khoa học kỹ thuật).

2. Thực trạng phát triển nông thôn.

- Khu vực nông thôn chiếm phần lớn diện tích lãnh thổ của huyện, là nơi tập trung phần lớn lao động trong huyện. Đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn ngày càng được nâng cao.

- Xây dựng nông thôn mới: Đã có cách làm sáng tạo, phù hợp trong việc phát động phong trào thi đua “Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới”. Thực hiện 19 tiêu chí xã nông thôn mới của tỉnh. Huyện Gia Lộc được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (tại Quyết định số 1272/QĐ-TTg, ngày 19/8/2020); Toàn huyện có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Mặc dù đạt được kết quả khá toàn diện nhưng mức độ đạt tiêu chí về cơ sở hạ tầng thấp, nhất là một số hạ tầng thiết yếu như giao thông có quy mô bề mặt còn hẹp và chưa đạt chuẩn về các thông số kỹ thuật, tiêu chí môi trường chưa thực sự bền vững.

- Hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật khu vực nông thôn vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, cần tiếp tục củng cố và xây dựng để đáp ứng kế hoạch xây dựng nông thôn nâng cao - kiểu mẫu chung toàn huyện trong thời gian tới.

VI. HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT.

1. Hiện trạng hệ thống giao thông.

*** Đường bộ.**

Quốc Lộ: Cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, quy mô cao tốc loại A; Quốc lộ 37 và Quốc lộ 38B, quy mô đường cấp III.

Đường tỉnh: Có 4 tuyến đường tỉnh quản lý qua địa bàn huyện gồm: ĐT.392, ĐT.393, ĐT.395 quy mô đường cấp III.

Đường huyện:

Toàn huyện có 11 tuyến đường huyện đang quản lý với tổng chiều dài 40,22km, quy mô đường cơ bản đạt cấp IV theo TCVN 4054-2005; tỷ lệ mặt

đường được nhựa hóa, bê tông hóa đạt 100%; Hệ thống cầu cống trên các tuyến được xây dựng kiên cố cơ bản phù hợp với quy mô của đường; 100% km đường huyện được thực hiện bảo trì hàng năm.

Bảng: Tổng hợp hiện trạng hệ thống giao thông trên địa bàn huyện Gia Lộc

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Lòng đường (m)
I	Đường do TW quản lý				
1	Cao tốc HN-HP	Km44+800	Km54+400	9,6	31
2	Quốc lộ 37	Km42+100 (Hồng Hưng)	Km44+700 (Thị trấn Gia Lộc)	2,6	5,5
		Km44+700 (Thị trấn Gia Lộc)	Km48+00 (Gia Tân)	3,3	14
3	Quốc lộ 38B	Km0+000 (Thị trấn Gia Lộc)	Km12+000 (Quang Minh)	12	11
	Tổng			27,5	
II	Đường do Tỉnh quản lý				
1	ĐT 392	Km16+130 (Nhật Tân)	Km22+600 (Đức Xương)	6,47	5,5
2	ĐT 393	Km2+500 (Phương Hưng)	Km8+500 (Phạm Trấn)	6,0	5,5
3	ĐT 395	Km1+345 (Tân Tiến)	Km13+850 (Trùng Khánh)	12,505	6
4	Đường gom cao tốc HN-HP	Km44+800 (Yết Kiêu)	Km54+400 (Gia Lương)	19,2	3,5
	Tổng			44,175	
III	Đường do huyện quản lý (có mặt đường > 7,5m)				
1	Tuyến 191C	QL 38B	Cầu Cờ		
	Trong đó:				
		QL 38B (Đoàn Thượng)	QL 37 (Quán Phe)	3,8	7,5
		QL 37 (Quán Phe)	Ngã 4 Thụy Lương (xã Hoàng Diệu)	3,5	6,0
		Ngã 4 Thụy Lương	Cầu Cờ	0,7	3,5
2	Tuyến 191D	Đường tỉnh 395 (Thị trấn)	Đ.191C (Hoàng Diệu)		
	Trong đó:				
		Đường tỉnh 395 (Thị trấn)	Lối rẽ cầu Vượt cao tốc	2,8	6,0
		Lối rẽ cầu Vượt cao tốc	Đ.191C (Hoàng Diệu)	2,7	3,5
		Gia Khánh	Hoàng Diệu	1,38	9,0
3	Tuyến 39E	Đường tỉnh 395 (Gia Tân)	Giáp Gia Xuyên	2,1	3,5
4	Tuyến 39H	Đường tỉnh 395 (Cao Dương)	Cầu Sồi (giáp Tứ Kỳ)	3,8	3,5
5	Tuyến 20C	QL 38B	Đường tỉnh 392		

		(Đồng Quang)	(Nhật Tân)		
	Trong đó:				
		QL 38B	Giáp UBND xã Đồng Quang	0,65	3,5
		UBND xã Đồng Quang	Ngã ba đi Phạm Trần	0,75	7,0
		Ngã 3 đi Phạm Trần	Trường MN Nhật Tân	1,55	3,5
		Trường MN Nhật Tân	Đường tỉnh 392 (Nhật Tân)	1,15	7,5
6	Tuyến Gia Xuyên - Trùng Khánh	Cổng Viện Cây	Đường tỉnh 395 (Trùng Khánh)		
	Trong đó:				
		Viện cây lương thực	UBND xã Thống Nhất	4,30	3,5
		UBND xã Thống Nhất	Nhà VH thôn	0,95	7,0
7	Tuyến Thạch Khôi - Thống Nhất	Giáp Liên Hồng	Đò Ty (Thống Nhất)	0,55	3,5
8	Tuyến Yết Kiêu - Cổ Bì	Đường tỉnh 395 (Chợ Buộm)	Cầu phao Ô Xuyên		
	Trong đó:				
		Đường tỉnh 395 (Chợ Buộm)	Lối vào Đền Quát	0,55	6,0
		Lối vào Đền Quát	Cầu phao Ô Xuyên	1,95	3,5
9	Tuyến 393	Chợ Cuối	Đường gom cao tốc		
	Trong đó:				
		Chợ Cuối	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	1,05	10,5
		QL38B (Cầu Gổ)	Đường gom cao tốc	1,35	6,0
10	Tuyến tránh 399 (Quang Minh)	Km21+800	Km22+940	1,14	6,0
11	ĐH11	Hồng Hưng	Thống Kênh	3,5	3,5
	Tổng			40,22	
V	Đường do xã quản lý (có bề rộng mặt đường >7,5m)				

Ghi chú:

- ĐH.191C: đi qua xã Đoàn Thượng, Hồng Hưng, Hoàng Diệu
- ĐH.191D: đi qua thị trấn Gia Lộc, xã Gia Khánh, Hoàng Diệu
- ĐH.39E: đi qua xã Gia Tân
- ĐH.39H: đi qua xã Gia Khánh, Gia Lương
- ĐH. 20C: đi qua xã Đồng Quang, Nhật Tân
- Tuyến Yết Kiêu: đi qua xã Thống Nhất, Yết Kiêu
- Tuyến Thạch Khôi - Thống Nhất: đi qua xã Thống Nhất
- Tuyến Yết Kiêu - Cổ Bì: đi qua xã Yết Kiêu
- Tuyến 393: đi qua thị trấn Gia Lộc, xã Thị trấn Gia Lộc
- Tuyến tránh 399: đi qua xã Quang Minh

- DH11: đi qua xã Thống Kênh, Hồng Hưng

*** Đường thủy.**

- Có 2 tuyến đường thủy nội địa qua địa bàn huyện do tỉnh quản lý gồm:

+ Sông Sắt, cấp sông quy hoạch: cấp IV.

+ Sông Đĩnh Đào dài khoảng 22,7Km, điểm đầu Km9+530 (thuộc xã Thống Kênh), điểm cuối Km32+200 (thuộc xã Yết Kiêu); cấp IV.

- Bến hàng hóa có 04 bến:

+ Km17+800 bên phải sông Đĩnh Đào, thuộc thôn Đông Thụ, xã Đồng Quang.

+ Km17+700 bên trái sông Đĩnh Đào, thuộc xã Đoàn Thượng.

+ Km22+300 đến Km22+450 bên trái sông Đĩnh Đào, thuộc thôn Bùi Thượng, xã Lê Lợi.

+ Km21+910 đến Km22+110 bên trái sông Đĩnh Đào, thuộc thôn Bùi Thượng, xã Lê Lợi.

- Bến hành khách: Không có.

Các tuyến đường thủy được lắp đặt hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông.

*** Giao thông tỉnh:**

- Huyện Gia Lộc đã Quy hoạch bến xe loại I và đang có kế hoạch triển khai xây dựng (diện tích 3ha) tại địa bàn xã Toàn Thắng, huyện Gia Lộc, gần khu vực nút giao giữa quốc lộ 38B và đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng.

- Bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã, thị trấn dọc theo quốc lộ, đường tỉnh

2. Hiện trạng cấp nước

Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch khu vực đô thị đạt 98%, khu vực nông thôn đạt 90%.

Các trạm cấp nước đặt tại một số xã lấy nguồn nước từ sông Sắt và sông Đĩnh Đào đã dừng hoạt động, do các sông này không đảm bảo chất lượng nguồn nước.

Hiện nước sạch toàn huyện được phân phối bởi 03 trạm tăng áp:

Bảng: Hiện trạng hệ thống cấp nước sạch huyện Gia Lộc

STT	Tên trạm	Vị trí	Công suất m ³ /ng.đ	Nguồn nước
1	Trạm tăng áp Thạch Khôi	Xã Thạch Khôi	5.000	Từ TP Hải Dương
2	Trạm tăng áp Hoàng Diệu	Xã Hoàng Diệu	10.000	Từ TP Hải Dương
4	Trạm tăng áp Đức Xương	Xã Đức Xương	5.000	Từ TP Hải Dương

3. Hiện trạng cấp điện

Nguồn điện cấp cho huyện Gia Lộc hiện tại được lấy từ trạm 110KV Ngọc Sơn (E8.13), trạm 110KV Đại An (E8.11) và trạm 110KV Nghĩa An (E8.7) theo các lộ dây sau đây:

- Lộ điện 110kV: 173-E8.11; 171-E8.13; 171-E8.7.

- Lộ điện 35kV: 378-E8.1; 377-E8.14; 373-E8.7; 373-E8.14; 371-E8.14; 371-E8.7.

- Lộ điện 22kV: 471-E8.14; 472-E8.14; 480-E8.11.

*** Điện hạ thế:**

Đến thời điểm hiện tại, nhu cầu về nguồn điện cấp cho huyện đã được đáp ứng đầy đủ. Tất cả các xã trong huyện đều đáp ứng điện sinh hoạt cho 100% số hộ sử dụng.

Bảng thống kê lưới điện

STT	Danh mục	Số lượng
I	Đường dây cao thế, 110kV	37,319 km
II	Đường dây trung thế	
1	Đường dây mạch kép 35KV/22KV	5,56 km/5,56 km
2	Đường dây mạch đơn	
	35kV Cáp nổi/Cáp ngầm	135,87 km/8,96 km
	22kV Cáp nổi/Cáp ngầm	53,029 km/1,908 km
III	Trạm biến áp phân phối	319 trạm

4. Hiện trạng hệ thống công trình thủy lợi

Huyện Gia Lộc có tuyến sông Bắc Hưng Hải có vai trò chính điều tiết nước tưới, tiêu toàn huyện.

Hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện Gia Lộc được xây dựng phù hợp với quy hoạch hệ thống thủy lợi của tỉnh Hải Dương đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 05/01/2009 về việc phê duyệt Dự án quy hoạch thủy lợi tỉnh Hải Dương đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.

Công tác quản lý, khai thác được thực hiện đúng quy trình quy định, đảm bảo điều hòa, phân phối nước tưới, tiêu.

*** Các công trình do Xí nghiệp KTCTTL Gia Lộc quản lý khai thác:**

+ 36 trạm bơm (*Chuyên tưới: 06 trạm; chuyên tiêu: 05 trạm; tưới tiêu kết hợp: 25 trạm*);

+ 169,9 km kênh mương;

+ 22,3 km bờ vùng.

*** Các công trình do các HTX DVNN quản lý khai thác:**

+ 76 trạm bơm (*Chuyên tưới: 59 trạm; chuyên tiêu: 03 trạm; tưới tiêu kết hợp: 14 trạm*);

+ 237,8 km kênh mương;

+ 1,2 km bờ vùng.

5. Hiện trạng vệ sinh môi trường

5.1. Thoát nước thải

- Hệ thống thoát nước thải là hệ thống không hoàn chỉnh, hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải mới chỉ có ở một số khu dân cư mới. Nhưng các trạm xử lý nước thải hiện có chỉ mang tính nội bộ, chưa đạt quy mô cấp vùng.

- Trong vùng chưa có trạm xử lý nước thải sinh hoạt đạt chuẩn. Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể xí tự hoại hoặc xả trực tiếp ra môi trường. Nước thải sản xuất tại cơ sở mới được xử lý cục bộ.

5.2. Chất thải rắn (CTR)

- Hiện nay các xã, thị trấn trong vùng đã quy hoạch, xây dựng địa điểm chôn lấp rác tập trung; một số nơi đã thành lập các tổ dịch vụ chuyên thu gom rác.

- Tỷ lệ chất thải rắn khu vực nội thị được thu gom: 67%

- Tỷ lệ phủ dịch vụ quản lý chất thải rắn: 55%

5.3. Nghĩa trang.

- Có rất nhiều nghĩa trang phân tán, nhiều nghĩa trang hiện trạng gần với khu dân cư, không đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh so với quy định.

- Chưa có Nhà tang lễ phục vụ cho khu vực đô thị

6. Hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc

Hệ thống hạ tầng thông tin liên lạc tại Gia Lộc hiện phát triển tốt, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng của huyện. Vùng phủ sóng thông tin di động, hạ tầng internet băng thông rộng ngày càng được mở rộng trong toàn huyện, chất lượng dịch vụ được cải thiện theo hướng công nghệ hiện đại, dịch vụ đa dạng, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân và xã hội.

Hiện đang có 5 doanh nghiệp viễn thông di động đang hoạt động trên địa bàn huyện: Vinaphone, Mobiphone, Viettel, Vietnammobile, Gmobile; 2 doanh nghiệp viễn thông cố định: VNPT, VietTel; 3 doanh nghiệp cung cấp Internet băng rộng cố định: VNPT, Viettel, FPT.

- Dịch vụ viễn thông:

+ Dịch vụ viễn thông có độ phủ tương đối tốt, công nghệ hiện đại, có khả năng nâng cấp để cung cấp các dịch vụ mới. Hạ tầng nhà, trạm viễn thông được xây dựng, lắp đặt quy mô, đúng theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành. Hiện tại, hệ thống điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ đã phát triển rộng khắp trên địa bàn.

- Công trình hạ tầng kỹ thuật thông tin liên lạc:

+ Hạ tầng truyền dẫn mạng cáp quang được triển khai bao phủ tới các xã, phường. Hạ tầng cột treo cáp, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm: đa số hạ tầng cáp treo trên cột điện lực và cột tự trồng của các doanh nghiệp viễn thông kết hợp ngầm hóa.

+ Hiện trạng hạ tầng cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động phát triển rộng khắp. Các trạm 3G, 4G phủ sóng tới hầu hết các khu vực trên địa bàn.

VI. HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT.

1. Hiện trạng hệ thống giao thông.

* Đường bộ.

Quốc Lộ: Cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, quy mô cao tốc loại A; Quốc lộ 37 và Quốc lộ 38B, quy mô đường cấp III.

Đường tỉnh: Có 4 tuyến đường tỉnh quản lý qua địa bàn huyện gồm: ĐT.392, ĐT.393, ĐT.395 quy mô đường cấp III.

Đường huyện:

Toàn huyện có 11 tuyến đường huyện đang quản lý với tổng chiều dài 40,22km, quy mô đường cơ bản đạt cấp IV theo TCVN 4054-2005; tỷ lệ mặt đường được nhựa hóa, bê tông hóa đạt 100%; Hệ thống cầu cống trên các tuyến được xây dựng kiên cố cơ bản phù hợp với quy mô của đường; 100% km đường huyện được thực hiện bảo trì hàng năm.

Bảng: Tổng hợp hiện trạng hệ thống giao thông trên địa bàn huyện Gia Lộc

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Lòng đường (m)
I	Đường do TW quản lý				
1	Cao tốc HN-HP	Km44+800	Km54+400	9,6	31
2	Quốc lộ 37	Km42+100 (Hồng Hưng)	Km44+700 (Thị trấn Gia Lộc)	2,6	5,5
		Km44+700 (Thị trấn Gia Lộc)	Km48+00 (Gia Tân)	3,3	14
3	Quốc lộ 38B	Km0+000 (Thị trấn Gia Lộc)	Km12+000 (Quang Minh)	12	11
	Tổng			27,5	
II	Đường do Tỉnh quản lý				
1	ĐT 392	Km16+130 (Nhật Tân)	Km22+600 (Đức Xương)	6,47	5,5
2	ĐT 393	Km2+500 (Phương Hưng)	Km8+500 (Phạm Trấn)	6,0	5,5
3	ĐT 395	Km1+345 (Tân Tiến)	Km13+850 (Trùng Khánh)	12,505	6
4	Đường gom cao tốc HN-HP	Km44+800 (Yết Kiêu)	Km54+400 (Gia Lương)	19,2	3,5
	Tổng			44,175	
III	Đường do huyện quản lý (có mặt đường >				

	7,5m)				
1	Tuyến 191C	QL 38B	Cầu Cờ		
	Trong đó:				
		QL 38B (Đoàn Thượng)	QL 37 (Quán Phe)	3,8	7,5
		QL 37 (Quán Phe)	Ngã 4 Thụy Lương (xã Hoàng Diệu)	3,5	6,0
		Ngã 4 Thụy Lương	Cầu Cờ	0,7	3,5
2	Tuyến 191D	Đường tỉnh 395 (Thị trấn)	Đ.191C (Hoàng Diệu)		
	Trong đó:				
		Đường tỉnh 395 (Thị trấn)	Lối rẽ cầu Vượt cao tốc	2,8	6,0
		Lối rẽ cầu Vượt cao tốc	Đ.191C (Hoàng Diệu)	2,7	3,5
		Gia Khánh	Hoàng Diệu	1,38	9,0
3	Tuyến 39E	Đường tỉnh 395 (Gia Tân)	Giáp Gia Xuyên	2,1	3,5
4	Tuyến 39H	Đường tỉnh 395 (Cao Dương)	Cầu Sồi (giáp Tứ Kỳ)	3,8	3,5
5	Tuyến 20C	QL 38B (Đồng Quang)	Đường tỉnh 392 (Nhật Tân)		
	Trong đó:				
		QL 38B	Giáp UBND xã Đồng Quang	0,65	3,5
		UBND xã Đồng Quang	Ngã ba đi Phạm Trần	0,75	7,0
		Ngã 3 đi Phạm Trần	Trường MN Nhật Tân	1,55	3,5
		Trường MN Nhật Tân	Đường tỉnh 392 (Nhật Tân)	1,15	7,5
6	Tuyến Gia Xuyên - Trùng Khánh	Công Viên Cây	Đường tỉnh 395 (Trùng Khánh)		
	Trong đó:				
		Viện cây lương thực	UBND xã Thống Nhất	4,30	3,5
		UBND xã Thống Nhất	Nhà VH thôn	0,95	7,0
7	Tuyến Thạch Khôi - Thống Nhất	Giáp Liên Hồng	Đò Ty (Thống Nhất)	0,55	3,5
8	Tuyến Yết Kiêu - Cổ Bì	Đường tỉnh 395 (Chợ Buộm)	Cầu phao Ô Xuyên		
	Trong đó:				
		Đường tỉnh 395 (Chợ Buộm)	Lối vào Đền Quát	0,55	6,0
		Lối vào Đền Quát	Cầu phao Ô Xuyên	1,95	3,5
9	Tuyến 393	Chợ Cuối	Đường gom cao tốc		

	Trong đó:				
		Chợ Cuối	Đại lộ Võ Nguyên Giáp	1,05	10,5
		QL38B (Cầu Gỗ)	Đường gom cao tốc	1,35	6,0
10	Tuyến tránh 399 (Quang Minh)	Km21+800	Km22+940	1,14	6,0
11	ĐH11	Hồng Hưng	Thông Kênh	3,5	3,5
	Tổng			40,22	
V	Đường do xã quản lý (có bề rộng mặt đường >7,5m)				

Ghi chú:

- ĐH.191C: đi qua xã Đoàn Thượng, Hồng Hưng, Hoàng Diệu
- ĐH.191D: đi qua thị trấn Gia Lộc, xã Gia Khánh, Hoàng Diệu
- ĐH.39E: đi qua xã Gia Tân
- ĐH.39H: đi qua xã Gia Khánh, Gia Lương
- ĐH. 20C: đi qua xã Đồng Quang, Nhật Tân
- Tuyến Yết Kiêu: đi qua xã Thống Nhất, Yết Kiêu
- Tuyến Thạch Khê - Thống Nhất: đi qua xã Thống Nhất
- Tuyến Yết Kiêu - Cổ Bi: đi qua xã Yết Kiêu
- Tuyến 393: đi qua thị trấn Gia Lộc, xã Thị trấn Gia Lộc
- Tuyến tránh 399: đi qua xã Quang Minh
- ĐH11: đi qua xã Thông Kênh, Hồng Hưng

*** Đường thủy.**

- Có 2 tuyến đường thủy nội địa qua địa bàn huyện do tỉnh quản lý gồm:
 - + Sông Sắt, cấp sông quy hoạch: cấp IV.
 - + Sông Đĩnh Đào dài khoảng 22,7Km, điểm đầu Km9+530 (thuộc xã Thông Kênh), điểm cuối Km32+200 (thuộc xã Yết Kiêu); cấp IV.
- Bến hàng hóa có 04 bến:
 - + Km17+800 bên phải sông Đĩnh Đào, thuộc thôn Đông Thư, xã Đồng Quang.
 - + Km17+700 bên trái sông Đĩnh Đào, thuộc xã Đoàn Thượng.
 - + Km22+300 đến Km22+450 bên trái sông Đĩnh Đào, thuộc thôn Bùi Thượng, xã Lê Lợi.
 - + Km21+910 đến Km22+110 bên trái sông Đĩnh Đào, thuộc thôn Bùi Thượng, xã Lê Lợi.
- Bến hành khách: Không có.

Các tuyến đường thủy được lắp đặt hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông.

*** Giao thông tĩnh:**

- Huyện Gia Lộc đã Quy hoạch bến xe loại I và đang có kế hoạch triển khai xây dựng (diện tích 3ha) tại địa bàn xã Toàn Thắng, huyện Gia Lộc, gần khu vực nút giao giữa quốc lộ 38B và đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng.

- Bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã, thị trấn dọc theo quốc lộ, đường tỉnh

2. Hiện trạng cấp nước

Bảng: Hiện trạng hệ thống cấp nước sạch huyện Gia Lộc

STT	Tên trạm	Vị trí	Công suất m ³ /ng.đ	Nguồn nước
1	Trạm tăng áp Thạch Khôi	Xã Thạch Khôi	5.000	Từ TP Hải Dương
2	Trạm tăng áp Hoàng Diệu	Xã Hoàng Diệu	10.000	Từ TP Hải Dương
4	Trạm tăng áp Đức Xương	Xã Đức Xương	5.000	Từ TP Hải Dương

Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch khu vực đô thị đạt 98%, khu vực nông thôn đạt 90%.

Các trạm cấp nước đặt tại một số xã lấy nguồn nước từ sông Sắt và sông Đĩnh Đào đã dừng hoạt động, do các sông này không đảm bảo chất lượng nguồn nước.

Hiện nước sạch toàn huyện được phân phối bởi 03 trạm tăng áp:

3. Hiện trạng cấp điện

Nguồn điện cấp cho huyện Gia Lộc hiện tại được lấy từ trạm 110KV Ngọc Sơn (E8.13), trạm 110KV Đại An (E8.11) và trạm 110KV Nghĩa An (E8.7) theo các lộ dây sau đây:

- Lộ điện 110kV: 173-E8.11; 171-E8.13; 171-E8.7.

- Lộ điện 35kV: 378-E8.1; 377-E8.14; 373-E8.7; 373-E8.14; 371-E8.14; 371-E8.7.

- Lộ điện 22kV: 471-E8.14; 472-E8.14; 480-E8.11.

* Điện hạ thế:

Đến thời điểm hiện tại, nhu cầu về nguồn điện cấp cho huyện đã được đáp ứng đầy đủ. Tất cả các xã trong huyện đều đáp ứng điện sinh hoạt cho 100% số hộ sử dụng.

Bảng thống kê lưới điện

STT	Danh mục	Số lượng
I	Đường dây cao thế, 110kV	37,319 km
II	Đường dây trung thế	
1	Đường dây mạch kép 35KV/22KV	5,56 km/5,56 km
2	Đường dây mạch đơn	
	35kV Cáp nổi/Cáp ngầm	135,87 km/8,96 km
	22kV Cáp nổi/Cáp ngầm	53,029 km/1,908 km

III	Trạm biến áp phân phối	319 trạm
-----	------------------------	----------

4. Hiện trạng hệ thống công trình thủy lợi

Huyện Gia Lộc có tuyến sông Bắc Hưng Hải có vai trò chính điều tiết nước tưới, tiêu toàn huyện.

Hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện Gia Lộc được xây dựng phù hợp với quy hoạch hệ thống thủy lợi của tỉnh Hải Dương đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 05/01/2009 về việc phê duyệt Dự án quy hoạch thủy lợi tỉnh Hải Dương đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.

Công tác quản lý, khai thác được thực hiện đúng quy trình quy định, đảm bảo điều hòa, phân phối nước tưới, tiêu.

*** Các công trình do Xi nghiệp KTCTTL Gia Lộc quản lý khai thác:**

+ 36 trạm bơm (*Chuyên tưới: 06 trạm; chuyên tiêu: 05 trạm; tưới tiêu kết hợp: 25 trạm*);

+ 169,9 km kênh mương;

+ 22,3 km bờ vùng.

*** Các công trình do các HTX DVNN quản lý khai thác:**

+ 76 trạm bơm (*Chuyên tưới: 59 trạm; chuyên tiêu: 03 trạm; tưới tiêu kết hợp: 14 trạm*);

+ 237,8 km kênh mương;

+ 1,2 km bờ vùng.

5. Hiện trạng vệ sinh môi trường

5.1. Thoát nước thải

- Hệ thống thoát nước thải là hệ thống không hoàn chỉnh, hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải mới chỉ có ở một số khu dân cư mới. Nhưng các trạm xử lý nước thải hiện có chỉ mang tính nội bộ, chưa đạt quy mô cấp vùng.

- Trong vùng chưa có trạm xử lý nước thải sinh hoạt đạt chuẩn. Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể xí tự hoại hoặc xả trực tiếp ra môi trường. Nước thải sản xuất tại cơ sở mới được xử lý cục bộ.

5.2. Chất thải rắn (CTR)

- Hiện nay các xã, thị trấn trong vùng đã quy hoạch, xây dựng địa điểm chôn lấp rác tập trung; một số nơi đã thành lập các tổ dịch vụ chuyên thu gom rác thải.

- Tỷ lệ chất thải rắn khu vực nội thị được thu gom: 67%

- Tỷ lệ phủ dịch vụ quản lý chất thải rắn: 55%

5.3. Nghĩa trang.

- Có rất nhiều nghĩa trang phân tán, nhiều nghĩa trang hiện trạng gần với khu dân cư, không đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh so với quy định.
- Chưa có Nhà tang lễ phục vụ cho khu vực đô thị

6. Hiện trạng hệ thống thông tin liên lạc

Hệ thống hạ tầng thông tin liên lạc tại Gia Lộc hiện phát triển tốt, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội. Vùng phủ sóng thông tin di động, hạ tầng internet băng thông rộng ngày càng được mở rộng trong toàn huyện, chất lượng dịch vụ được cải thiện theo hướng công nghệ hiện đại, dịch vụ đa dạng, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân và xã hội.

Hiện đang có 5 doanh nghiệp viễn thông di động đang hoạt động trên địa bàn huyện: Vinaphone, Mobiphone, Viettel, Vietnammobile, Gmobile; 2 doanh nghiệp viễn thông cố định: VNPT, VietTel; 3 doanh nghiệp cung cấp Internet băng rộng cố định: VNPT, Viettel, FPT.

- Dịch vụ viễn thông:

+ Dịch vụ viễn thông có độ phủ tương đối tốt, công nghệ hiện đại, có khả năng nâng cấp để cung cấp các dịch vụ mới. Hạ tầng nhà, trạm viễn thông được xây dựng, lắp đặt quy mô, đúng theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành. Hiện tại, hệ thống điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ đã phát triển rộng khắp trên địa bàn.

- Công trình hạ tầng kỹ thuật thông tin liên lạc:

+ Hạ tầng truyền dẫn mạng cáp quang được triển khai bao phủ tới các xã, phường. Hạ tầng cột treo cáp, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm: đa số hạ tầng cáp treo trên cột điện lực và cột tự trồng của các doanh nghiệp viễn thông kết hợp ngầm hóa.

+ Hiện trạng hạ tầng cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động phát triển rộng khắp. Các trạm 3G, 4G phủ sóng tới hầu hết các khu vực trên địa bàn.

VII. CÁC QUY HOẠCH XÂY DỰNG LIÊN QUAN.

1. Các đồ án, dự án lớn đã và đang triển khai thực hiện.

*** Các quy hoạch toàn tỉnh có liên quan:**

- Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ năm 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Các Quy hoạch vùng huyện và thành phố phụ cận như: Thành phố Hải Dương, Cẩm Giàng, Bình Giang, Thanh Miện, Ninh Giang, Tứ Kỳ; Các Quy hoạch chung đô thị như: Quy hoạch chung xây dựng hai bên đường trục Bắc Nam, tỉnh Hải Dương (đoạn tuyến phía Nam); Quy hoạch chung thị trấn Gia Lộc.

- Quy hoạch ngành và các lĩnh vực: quy hoạch sử dụng đất toàn tỉnh; quy hoạch hệ thống giao thông vận tải, đường thủy nội địa; quy hoạch phát triển hệ thống đô thị; quy hoạch cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; quy hoạch phát triển hệ thống thương mại; quy hoạch điện lực;

*** Các quy hoạch trên địa bàn huyện.**

- Quy hoạch xây dựng nông thôn nâng cao tại các xã trên địa bàn huyện.
- Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Gia Lộc.
- Quy hoạch sử dụng đất, các quy hoạch chi tiết có liên quan.

2. Đánh giá việc thực hiện quy hoạch

Tính từ thời điểm hồ sơ quy hoạch vùng huyện Gia Lộc phê duyệt, đến nay có một số nội dung đã triển khai thực hiện như sau:

Về công nghiệp: Cụm công nghiệp Toàn Thắng đã được thành lập tại Quyết định: Số 3905/QĐ-UBND ngày 24/12/2020; Cụm công nghiệp Yết Kiêu đã được thành lập tại Quyết định: Số 3886/QĐ-UBND ngày 22/12/2020

Về Nông nghiệp: Cơ bản chưa có sự thay đổi đáng kể so với thời điểm quy hoạch vùng huyện được duyệt.

Về mạng lưới đô thị và nông thôn:

- UBND huyện đã triển khai việc khảo sát, lập quy hoạch chung xây dựng các xã nông thôn giai đoạn 2021- 2030 theo định hướng quy hoạch vùng huyện đã duyệt.

- Một số điểm dân cư mới theo nội dung quy hoạch vùng đang triển khai thực hiện quy hoạch.

Về dịch vụ thương mại: Cơ bản không có sự thay đổi đáng kể so với thời điểm lập quy hoạch vùng

Công trình hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉnh trang, cải tạo một số đoạn tuyến giao thông (QL37, một số đường dân sinh)

- Khảo sát triển khai nghiên cứu phương án tuyến đường sắt cao tốc liên quan đến địa bàn huyện Gia Lộc

- Khảo sát triển khai nghiên cứu các tuyến dây cao thế liên quan đến địa bàn huyện Gia Lộc

VIII. ĐÁNH GIÁ NGUỒN LỰC VÀ ƯU THẾ PHÁT TRIỂN

1. Tiềm năng, thế mạnh vùng

1.1. Yếu tố tự nhiên, nhân lực

- Huyện Gia Lộc thuộc vùng Đồng Bằng sông Hồng, đất đai phì nhiêu, màu mỡ. Đây là điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp theo hướng đa dạng hoá cây trồng. Huyện đã xây dựng quy hoạch phát triển nông nghiệp, xác định cơ cấu mùa vụ phù hợp với tập quán canh tác và ưu thế cây trồng ở từng vùng trong huyện. Điều kiện khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, mưa nhiều cũng là yếu tố thuận lợi cho thâm canh tăng vụ, đa dạng vật nuôi, cây trồng.

- Nguồn nhân lực của huyện khá dồi dào, nhân dân có truyền thống văn hoá anh hùng, cần cù, sáng tạo. Đội ngũ cán bộ có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý kinh tế - xã hội. Hệ thống giáo dục – đào tạo phát triển tốt và đồng đều,

tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa không chỉ cho huyện mà còn tham gia cho thành phố Hải Dương và các đô thị khác.

- Đảng bộ, chính quyền luôn giữ vững danh hiệu Đảng bộ trong sáng vững mạnh, có năng lực và nhanh chóng tiếp cận với các xu thế, định hướng trong thời kỳ mới; đồng thời vận dụng một cách có hiệu quả và linh động trong công tác tạo được sự đồng thuận của nhân dân, tình hình an ninh chính trị được giữ vững.

- Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động lớn, là nguồn nhân lực dồi dào cho các hoạt động xây dựng và phát triển kinh tế xã hội của huyện.

1.2. Liên hệ vùng.

Hệ thống hạ tầng giao thông (QL37, QL38B, Đường 62m, trục giao thông Bắc - Nam và các tuyến đường tỉnh, các trục đường huyện, đường xã - liên xã được cải tạo, nâng cấp trên địa bàn huyện) tạo thành mạng lưới giao thông phát triển theo cả 2 trục Bắc – Nam, Đông – Tây là yếu tố thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội tương đối đồng đều giữa các vùng trong huyện.

1.3. Các lĩnh vực phát triển kinh tế xã hội

**** Công nghiệp.***

- Có các trục giao thông quan trọng, liên hệ thuận lợi nút giao với đường cao tốc HN-HP (tại phía Nam TT Gia Lộc)... Đây là yếu tố rất thuận lợi trong việc thu hút đầu tư.

- Có điều kiện để phát triển công nghiệp công nghệ cao. Là nhân tố cơ bản để hình thành đô thị, thu hút lao động, phát triển các ngành kinh tế.

**** Dịch vụ - Du lịch***

- Sông Đĩnh Đào có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng...

- Tính đến năm 2020, Gia Lộc có 212 di tích lịch sử văn hóa, trong đó có 16 di tích xếp hạng Quốc gia và 22 di tích xếp hạng, 01 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (lễ hội Đền Quát), 01 bảo vật quốc gia (bia Sùng Thiên tự bi, chùa Dâu). Các lễ hội truyền thống tổ chức hằng năm thu hút đông đảo người dân địa phương và các vùng lân cận về tham dự.

- Bên cạnh đó, Gia Lộc còn có nhiều làng nghề truyền thống có tiềm năng phát triển du lịch như: Nghề mây tre đan (TT Gia Lộc), nghề thêu ren (Yết Kiêu, Hồng Hưng, Thống Kênh), nghề dày da (Hoàng Diệu) và một số nghề mới hình thành như chế biến nông sản, xiên móc, thêu khung tranh, mộc...

**** Nông nghiệp.***

- Gia Lộc hiện có khoảng 6.580ha đất nông nghiệp chiếm khoảng 64% tổng diện tích toàn huyện.

- Nhiều vùng nông nghiệp có Quy mô lớn, đất đai màu mỡ thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ cao nhằm phát triển an toàn & bền vững (nhất là các vùng nuôi trồng thủy sản)

**** Đô thị***

Thị trấn Gia Lộc là cửa ngõ quan trọng phía Nam của thành phố Hải Dương, là đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh với vai trò liên hệ thủ đô Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh.

2. Hạn chế khó khăn

** Khó khăn đối với giao thông đường bộ, đường thủy*

- Hệ thống giao thông QL, đường tỉnh, đường huyện... được đầu tư sớm, quy mô mặt nhỏ là nút thắt cho sự phát triển kinh tế xã hội. Việc cải tạo mở rộng cần nguồn vốn đầu tư lớn.

- Một số vùng có các khu dân cư bít mật đường, năng lực thông xe còn hạn chế dẫn tới không đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trong tương lai. Đầu tư mở rộng quy mô nhằm đáp ứng cho các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, hấp dẫn đầu tư luôn là việc khó khăn.

** Khó khăn trong lĩnh vực nông nghiệp*

- Hiện trạng sản xuất nông nghiệp còn mang tính tự phát, việc ứng dụng khoa học công nghệ còn hạn chế.

- Thiếu liên kết với những tổ chức, cá nhân giải quyết cho nhu cầu xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp.

- Chưa hình thành các cơ sở sản xuất, chế biến dẫn tới đầu ra cho các mặt hàng nông sản thiếu tính ổn định về giá cũng như về sản lượng hàng năm.

** Khó khăn trong lĩnh vực Công nghiệp, TTCN*

- Nhu cầu nhân lực làm việc tại các khu, cụm CN trong tương lai lớn, cần thu hút lực lượng lao động từ nơi khác.

- Sản xuất TTCN, làng nghề còn nhỏ lẻ, manh mún, không có điều kiện đầu tư đổi mới công nghệ, hiệu quả năng suất chưa cao.

** Khó khăn trong lĩnh vực Dịch vụ - Du lịch.*

- Việc cải tạo nạo vét Sông Đĩnh Đào nhằm khai thác được tiềm năng phát triển dịch vụ sinh thái, du lịch, nghỉ dưỡng, vận tải hàng hóa... đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn.

- Vốn tôn tạo các công trình tôn giáo nhằm nâng cao giá trị du lịch lớn.

** Khó khăn trong việc phát triển Đô thị:*

Trong tương lai Huyện Gia Lộc cần phát triển mạnh mẽ hệ thống đô thị phù hợp với kế hoạch phát triển đô thị toàn tỉnh (theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh). Cần huy động nhiều nguồn lực để thực hiện.

** Những mặt khó khăn, thách thức khác.*

- Có thể thấy khu vực nông thôn vẫn còn nhiều mặt chưa phát triển.

- Yêu cầu vốn cho đầu tư phát triển sản xuất, cải tiến kỹ thuật, công nghệ, xây dựng cơ sở hạ tầng ngày một lớn, trong khi đó nguồn vốn trong dân và tích lũy từ kinh tế của huyện còn thấp.

3. Cơ hội

- Gia Lộc có điều kiện để phát triển Công nghiệp, sản xuất kinh doanh theo hướng hiện đại và phát triển ổn định. Song song với việc phát triển công nghiệp, việc duy trì một phần nông nghiệp sạch của Gia Lộc cũng là mục tiêu quan trọng trong tương lai.
- Gia Lộc có cơ hội phát triển trở thành trung tâm kinh tế mới phía Nam TP. Hải Dương, trung tâm dịch vụ và đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh.
- Có tiềm năng phát triển kinh tế tổng hợp, hình thành và phát triển hệ thống đô thị - nông thôn nâng cao có đặc trưng riêng vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

PHẦN III: NỘI DUNG ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN GIA LỘC

I. CÁC TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÙNG.

1. Quan điểm quy hoạch và mục tiêu phát triển vùng.

1.1. Quan điểm quy hoạch.

- Tuân thủ các định hướng lớn trong các đồ án Quy hoạch của Quốc gia, của tỉnh Hải Dương; Các quy hoạch đã phê duyệt trên địa bàn Huyện và vùng phụ cận có liên quan.
- Phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung và có nghiên cứu nhằm phù hợp với khả năng và nguồn lực tại Gia Lộc.
- Quy hoạch xây dựng vùng huyện đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng NTM và đảm bảo an ninh quốc phòng.
- Phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn phù hợp với sự phân bố các vùng kinh tế và phù hợp với khả năng phát triển hạ tầng kỹ thuật trong vùng.
- Phát triển các ngành kinh tế dựa vào tiềm năng và lợi thế của Huyện. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nâng cao tính cạnh tranh của sản xuất kinh doanh.

1.2. Động lực phát triển vùng.

1.2.1. Cơ sở và phương pháp xác định động lực phát triển vùng.

Trên cơ sở các định hướng phát triển kinh tế của vùng tỉnh Hải Dương tác động đến vùng huyện Gia Lộc, các tiềm năng và nguồn lực của huyện và định hướng phát triển kinh tế của huyện, các dự án lớn sẽ triển khai,... sẽ dự báo các động lực phát triển chủ đạo của Vùng

1.2.2. Động lực phát triển vùng.

- Dựa vào Liên kết phát triển vùng kinh tế trọng điểm khu vực giáp thành phố Hải Dương, các vùng phụ cận và vùng tỉnh – thành phố liên quan.

- Dựa vào điểm mạnh trên một số lĩnh vực:

+ Động lực về kết nối giao thông.

+ Động lực về cơ sở kinh tế: Công nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp;

+ Du lịch sinh thái, công trình tôn giáo, văn hóa.

+ Dịch vụ thương mại.

+ Sản xuất nông nghiệp.

2. Các dự báo phát triển vùng

2.1. Nguyên tắc chung

Đề xuất trên cơ sở xem xét các phương án chiến lược về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương: Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hải Dương đến năm 2020, định hướng phát triển đến năm 2030; Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; Quy hoạch chung xây dựng hai bên đường trục Bắc Nam, tỉnh Hải Dương (đoạn tuyến phía Nam)... đã được phê duyệt. Cùng với các yếu tố khách quan hiện trạng.

Nội dung dự báo nhằm xác lập tiền đề phát triển vùng, gồm:

- Dự báo tăng trưởng về kinh tế, xã hội, dân số, lao động và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và đất đai.

- Dự báo khả năng và quá trình đô thị hóa; các hình thái phát triển theo khả năng đô thị hóa của vùng.

- Dự báo quy mô dân số đô thị, nông thôn phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội của vùng và chiến lược phân bố dân cư của quốc gia cho các giai đoạn ngắn và dài hạn.

- Xác định quy mô một số vùng chức năng quan trọng (công nghiệp, du lịch...), trọng điểm đầu tư theo các giai đoạn.

- Dự báo sự thay đổi môi trường tự nhiên do tác động của phát triển kinh tế- xã hội.

Các dự báo thực hiện cho toàn vùng và các phân vùng, bao gồm các vấn đề về: Hướng liên kết vùng; hướng phát triển và phân bố dân cư, đô thị và các không gian kinh tế - xã hội; hướng tổ chức hệ khung giao thông vùng; hướng tổ chức cung cấp hạ tầng kỹ thuật; hướng bảo vệ và khai thác môi trường tự nhiên.

2.2. Điều chỉnh dự báo về quy mô dân số, tỷ lệ đô thị hóa.

- Dân số hiện trạng: 134.455 người;

- Dân số huyện Gia Lộc giữ ổn định tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở mức dưới 1%/năm.

- Lao động: Dự kiến nguồn lao động chiếm khoảng 52% giai đoạn trước năm 2030 và đến năm 2050 ước đạt 46% dân số, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 50%.

a. Dự báo đến năm 2030.

Đến năm 2030 Gia Lộc có 05 đô thị: và 13 đơn vị hành chính xã.

- Tổng dân số tăng tự nhiên đến năm 2030 là:

$134.455 \times (1+0,88\%)^9 \approx 145.486$ người.

- Tăng cơ học khoảng: 11.814 người

- Dân số toàn huyện đạt khoảng: 157.300 người (*Bao gồm tăng tự nhiên và tăng cơ học, dân số tác động bởi sự chuyển đổi mạnh mẽ từ vùng huyện phát triển nông nghiệp sang phát triển CN, DV*) trong đó:

+ Dân số trong vùng đô thị khoảng: 60.000 người

+ Dân số trong vùng nông thôn khoảng: 97.300 người

- Tỷ lệ đô thị hóa: 38,22%.

b. Dự báo đến năm 2050:

- Giai đoạn này toàn huyện có 10 đô thị và còn lại 08 đơn vị hành chính xã.

- Tổng dân số tăng tự nhiên đến năm 2050 là

$134.455 \times (1+0,88\%)^{29} \approx 173.350$ người.

- Tăng cơ học khoảng: 17.650 người

- Dân số toàn huyện (*Bao gồm tăng tự nhiên và tăng cơ học là*): 191.000 người trong đó:

+ Dân số trong vùng đô thị khoảng: 131.800 người.

+ Dân số trong vùng nông thôn khoảng: 59.200 người.

- Tỷ lệ đô thị hóa: 69,01%.

Bảng: tổng hợp điều chỉnh về quy mô dân số, tỷ lệ đô thị hóa.

Quy hoạch đã phê duyệt	Điều chỉnh quy hoạch
<i>*Dân số hiện trạng (năm 2019).</i> Tổng dân số hiện trạng khoảng: 132.677 người. <i>*Giai đoạn đến năm 2030.</i> - Dân số toàn huyện khoảng 157.300 người; Trong đó dân số đô thị khoảng 71.000 người - Tỷ lệ đô thị hóa đạt: 45.14%	<i>*Dân số hiện trạng (năm 2020).</i> Tổng dân số hiện trạng khoảng: 134.455 người <i>*Giai đoạn đến năm 2030.</i> - Dân số toàn huyện khoảng 157.300 người; Trong đó dân số đô thị khoảng 60.000 người - Tỷ lệ đô thị hóa đạt: 38,22%

<i>*Giai đoạn đến năm 2040</i> - Dân số toàn huyện khoảng 175.000 người; Trong đó dân số đô thị khoảng 117.900 người - Tỷ lệ đô thị hóa đạt: 67.95%.	<i>*Giai đoạn đến năm 2050</i> - Dân số toàn huyện khoảng 191.000 người; Trong đó dân số đô thị khoảng 131.800 người - Tỷ lệ đô thị hóa đạt: 69,01%
--	---

2.3. Dự báo về phát triển kinh tế - xã hội

Phát triển toàn diện, bền vững kinh tế, văn hóa - xã hội xây dựng huyện Gia Lộc, phấn đấu đến năm 2025 nâng cấp lên đô thị loại IV;

- Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng bình quân 9% trở lên. GRDP bình quân đầu người năm 2030 đạt 4.800 – 7.700 USD.

- Duy trì sản xuất nông nghiệp và thủy sản. Giá trị sản phẩm thu hoạch đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2030 đạt 270 triệu đồng trên 01 ha.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm 2,0% trở lên.

- GDP bình quân đầu người năm 2030 đạt 3.500 – 4.000 USD. đến năm 2050 khoảng 4.000-5.000USD.

- Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng tăng bình quân từ 25% trở lên/năm;

- Giá trị dịch vụ tăng bình quân 6,5-9%/năm.

- Cơ cấu lao động trong các khu vực: nông nghiệp, thủy sản - công nghiệp, xây dựng - dịch vụ đến năm 2030 là 6% - 63,8% - 30,2% và giữ ổn định đến năm 2050.

- Thu ngân sách trên địa bàn hàng năm tăng bình quân từ 10% trở lên so với kế hoạch được giao.

- Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia năm 2030: Mầm non 100%; Tiểu học 100%; THCS: 100%; THPT: 80%.

- Đến năm 2030: Số giường bệnh (không tính các trạm y tế xã) đạt 40,5 giường/vạn dân; 11 bác sĩ/ vạn dân; tỷ lệ người tham gia BHYT đạt 97%; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia BHXH đạt 55% trở lên.

- Duy trì 100% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; hạn chế đến mức thấp nhất tỷ số chênh lệch giới tính khi sinh. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm dưới 1%.

- Đến năm 2030, giảm 4/5 số hộ nghèo trong vòng 5 năm theo chuẩn nghèo mới;

- Duy trì 90% trở lên số làng, khu dân cư văn hóa, cơ quan, đơn vị văn hóa, gia đình văn hóa;

- Xây dựng quy hoạch vùng, gắn với quy hoạch đô thị nông thôn trong toàn huyện; chương trình phát triển đô thị để đến năm 2025 huyện Gia Lộc đạt các tiêu chí đô thị loại IV.

- Tỷ lệ các hộ dân được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh đạt 100%.

- Tỷ lệ rác thải sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý trên 90%, rác thải đô thị 100%; tiêu hủy, xử lý 100% chất thải y tế, trên 95% chất thải nguy hại; Tỷ lệ các cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt 100%.

- Hằng năm có từ 90% trở lên tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có 20% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, không có tổ chức cơ sở đảng yếu kém.

- Phân đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt khoảng trên 43%. và tiếp tục nâng cao tỷ lệ đến giai đoạn năm 2050.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN VÙNG HUYỆN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

1. Mô hình phát triển không gian vùng.

Trên cơ sở điều kiện tự nhiên, hiện trạng, tổ chức tổng thể không gian vùng huyện theo mô hình 1 đô thị trung tâm và các đô thị vệ tinh cùng với hệ thống các trục vành đai phát triển. Trong đó:

- Lấy TT. Gia Lộc làm hạt nhân phát triển không gian lan tỏa ra các xã lân cận tạo động lực phát triển cho nội vùng.

- Trước năm 2030 hình thành thêm các đô thị Quang Minh và Hồng Hưng tạo động lực phát triển khu vực phía Nam của huyện; Từ năm 2030 đến năm 2050 tiếp tục hình thành thêm các đô thị vệ tinh phía Đông và phía Tây - Bắc, phát huy thế mạnh tại mỗi đô thị vệ tinh và bổ trợ lẫn nhau tạo thành bức tranh đô thị phát triển hoàn chỉnh và bền vững trên địa bàn huyện Gia Lộc

- Các đô thị mới phát triển lan tỏa theo các trục giao thông chính (trục ô tô cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, QL37, QL38B, ĐT 395; ĐT393; ĐT392; trục Bắc – Nam...).

2. Định hướng phân vùng kiểm soát quản lý phát triển

Kinh tế huyện Gia Lộc trong tương lai định hướng phát triển tăng tỷ trọng như sau: Công nghiệp - dịch vụ, thương mại - Nông nghiệp.

- Công nghiệp: Phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ; Nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư có chọn lọc tạo sự liên kết theo chuỗi giá trị.

- Dịch vụ - Du lịch: Dịch vụ sinh thái gắn với phát triển du lịch; Gắn kết các tuyến du lịch sinh thái gắn với quảng bá, phát triển các sản phẩm nông nghiệp (OCOP); Phát triển vùng chăn nuôi thủy sản quy mô lớn dọc sông Đĩnh Đào kết hợp du lịch sinh thái

- Nông nghiệp: Sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung ứng dụng công nghệ cao; Phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

- Đô thị: Phát triển mạng lưới đô thị vệ tinh dọc các trục không gian quan trọng; Tính chất đô thị: Theo hướng đô thị xanh, thông minh, hiện đại; Mang nét riêng.

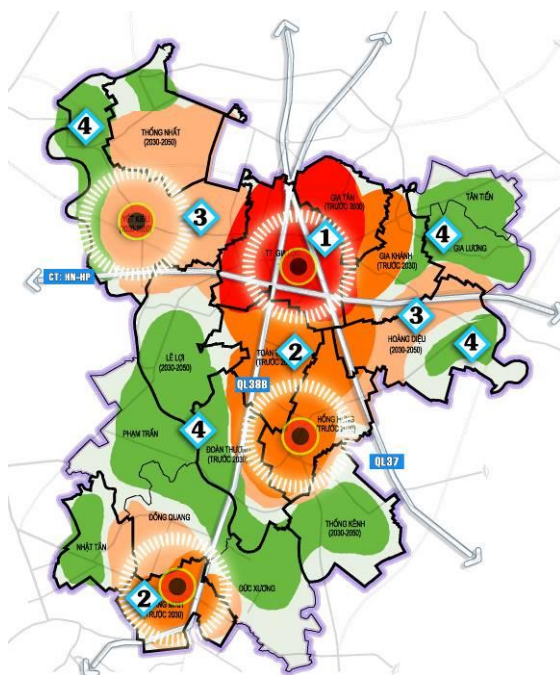
- Phát triển phân theo vùng chức năng: Gồm 04 không gian phát triển lớn với các chức năng chính như sau:

+ Vùng 1 (thị trấn Gia Lộc mở rộng): Trung tâm hành chính, văn hóa, dịch vụ, thương mại, hệ thống công trình công cộng.

+ Vùng 2: vùng đô thị mới phát triển dọc QL38B, QL37(giai đoạn đến năm 2030): công nghiệp - dịch vụ, thương mại - đô thị mới, duy trì một phần đất nông nghiệp ngoài không gian phát triển đô thị

+ Vùng 3: Vùng đô thị mới phát triển (giai đoạn 2030-2050): công nghiệp - dịch vụ, thương mại - đô thị mới, duy trì một phần đất nông nghiệp ngoài không gian phát triển đô thị

+ Vùng 4: ngoài trung tâm: Vùng nông nghiệp sạch - du lịch, nghỉ dưỡng.



3. Định hướng bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

3.1. Bảo tồn và hạn chế xây dựng

- Bảo tồn và hạn chế xây dựng tại các điểm di tích lịch sử văn hoá cấp Quốc gia, cấp tỉnh, di tích trong danh mục kiểm kê di tích của tỉnh, không gian thực hành di sản văn hóa đã được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

- Hạn chế xây dựng tại các khu vực hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật: Giao thông, đường điện, rác thải, nghĩa trang....

- Hạn chế xây dựng tại các vùng dự kiến quy hoạch đối với khu du lịch sinh thái, cây xanh công viên, không gian mở.

- Nhà nước thống nhất quản lý di sản văn hóa thuộc sở hữu toàn dân; công nhận và bảo vệ các hình thức sở hữu tập thể, sở hữu chung của cộng đồng, sở hữu tư nhân và các hình thức sở hữu khác về di sản văn hóa theo quy định của pháp luật.

- Việc bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích phải được lập quy hoạch, dự án trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, trừ trường hợp sửa chữa nhỏ không ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích và phải bảo đảm giữ gìn tối đa những yếu tố gốc cấu thành di tích.

- Nghiêm cấm các hành vi sau đây:

+ Chiếm đoạt, làm sai lệch di sản - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

+ Mua bán, trao đổi, vận chuyển trái phép di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có nguồn gốc bất hợp pháp; đưa trái phép di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ra nước ngoài;

+ Lợi dụng việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa để trục lợi, hoạt động mê tín dị đoan và thực hiện những hành vi trái pháp luật.

3.2. Định hướng khảo cổ

- Mọi di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thu được trong quá trình thăm dò, khai quật khảo cổ và do tổ chức, cá nhân phát hiện, giao nộp phải được tạm nhập vào kho bảo quản của bảo tàng cấp tỉnh nơi phát hiện. Bảo tàng cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý và báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

- Căn cứ vào giá trị và yêu cầu bảo quản di vật, cổ vật, bảo vật, Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quyết định giao di vật, cổ vật đó cho vào bảo tàng công lập có chức năng thích hợp để bảo vệ và phát huy giá trị.

- Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội phải được quản lý trong các bảo tàng và không được mua bán, tặng cho; di vật, cổ vật thuộc các hình thức sở hữu khác được mua bán, trao đổi, tặng cho và để thừa kế ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; bảo vật quốc gia thuộc các hình thức sở hữu khác chỉ được mua bán, trao đổi, tặng cho và để thừa kế ở trong nước theo quy định của pháp luật.

- Việc mang di vật, cổ vật ra nước ngoài phải có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hoá, thể thao và du lịch.

- Việc mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia được thực hiện theo giá thỏa thuận hoặc tổ chức đấu giá. Nhà nước được ưu tiên mua di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

4. Định hướng phát triển hệ thống đô thị

Nội dung điều chỉnh:

- Điều chỉnh thành lập xã Hoàng Diệu lên đô thị loại V giai đoạn 2030-2050.

- Điều chỉnh xã Lê Lợi định hướng là xã nông thôn nâng cao, không đưa vào kế hoạch nâng cấp lên đô thị loại V.

- Đến năm 2030 tập trung phát triển 05 đô thị; từ năm 2030-2050 tiếp tục hình thành thêm 05 đô thị mới.

4.1. Cơ sở phát triển hệ thống đô thị huyện Gia Lộc

- Lựa chọn phát triển các đô thị là đầu mối về giao thông, có tính liên kết vùng, có các động lực phát triển đô thị rõ ràng về các lĩnh vực có tiềm năng (Giao thông trọng điểm, công nghiệp, dịch vụ thương mại, du lịch...)

- Phát triển đô thị đa cực, đa trung tâm, phân bố dựa theo: chuỗi, khu vực, hành lang phát triển đô thị, tận dụng lợi thế về hệ thống hạ tầng sẵn có.

- Tăng cường tính liên kết, tạo tính cạnh tranh cao, phát huy tính đặc trưng của từng đô thị.

- Đô thị hoá bền vững trên cơ sở phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu, phát huy các giá trị văn hoá, cảnh quan thiên nhiên, tạo dựng môi trường sống đô thị.

- Phù hợp với xu thế về bố cục quy hoạch đô thị: sử dụng đất hỗn hợp, cân bằng việc làm và nhu cầu về ở, dịch vụ, văn hóa....

4.2. Định hướng phát triển hệ thống đô thị huyện Gia Lộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Định hướng phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn huyện phù hợp với: Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24-02-2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 27/10/2020 của Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hải Dương.

- Tính chất đô thị: Theo hướng đô thị xanh có diện tích đủ lớn, thông minh, hiện đại; Mang nét riêng đáng sống.

- Phát triển mạng lưới: Đa cực, đa trung tâm, theo các trục không gian quan trọng qua từng giai đoạn

- Quy hoạch và phát triển hệ thống đô thị đồng bộ với sự phát triển kinh tế - xã hội. Đến năm 2030 và năm 2050 phát triển thêm các đô thị mới sau:

4.2.1. Giai đoạn đến năm 2030

(Thành lập thêm 06 đô thị loại V)

Tổng: 05 đô thị

- **Giai đoạn trước năm 2025, ngoài TT Gia Lộc phát triển thêm 02 đô thị loại V:**

- 1- Thị trấn Gia Lộc
- 2- Đô thị Hồng Hưng
- 3- Quang Minh

- **Giai đoạn từ 2025-2030, thêm 02 đô thị loại V, bao gồm:**

- 4- Đô thị Gia Khánh
- 5- Đô thị Gia Tân

4.2.2. Giai đoạn từ năm 2030 - 2050

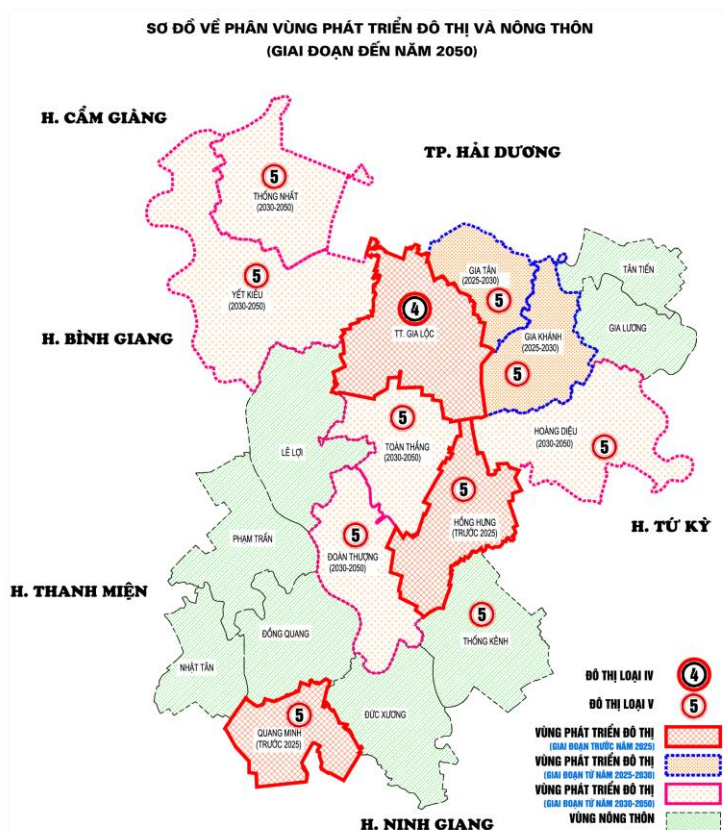
Tổng: 10 đô thị

Thành lập thêm 05 đô thị loại V

- 6 - Đô thị Thống Nhất
- 7 - Đô thị Yết Kiêu
- 8 - Đô thị Toàn Thắng
- 9 - Đô thị Đoàn Thượng
- 10- Đô thị Hoàng Diệu

- Đến năm 2050 hệ thống đô thị của huyện Gia Lộc phân bố hợp lý, trong đó toàn huyện Gia Lộc sẽ trở thành đô thị loại IV. Thị trấn Gia Lộc mở rộng là hạt nhân với mục tiêu: Hướng tới là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật của huyện, có sức mạnh ảnh hưởng đến các đô thị khác trong huyện, và các vùng lân cận.

4.2.3. Quy định đối với hệ thống đô thị.



1- Đô thị Gia Lộc (thị trấn Gia Lộc mở rộng và các vùng phụ cận): Là đô thị trung tâm vùng huyện Gia Lộc, có cửa ngõ kết nối với không gian kinh tế của tỉnh Hải Dương với thủ đô Hà Nội, thành phố Hải Phòng, tỉnh Quảng Ninh; Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, giáo dục, khoa học kỹ thuật của huyện Gia Lộc; Là vùng kinh tế của tỉnh, phát triển tổng hợp đa ngành đa lĩnh vực, cần đẩy nhanh quá trình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật tuyến đường vành đai I, II thành phố Hải Dương, từng bước thu hút đầu tư, tạo sự phát triển lan tỏa hấp dẫn nhập cư, tạo động lực và nguồn lực mở rộng không gian đô thị, từng bước xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đẩy nhanh và mạnh mẽ quá trình đô thị hóa, phân đầu sớm đưa khu vực thị trấn Gia Lộc và vùng phụ cận trở thành đô thị loại IV giai đoạn trước năm 2025.

2- Các đô thị dự kiến thành lập

(Đô thị: *Quang Minh; Hồng Hưng; Gia Tân; Gia Khánh; Yết Kiêu; Thống Nhất; Toàn Thắng; Đoàn Thượng; Hoàng Diệu*).

Tiếp tục huy động nguồn lực đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, sản xuất xã nông thôn nâng cao - kiểu mẫu. Đồng thời khai thác các lợi thế hành lang kinh tế, dịch vụ và đầu mối giao thương kết nối với không gian kinh tế với các đô thị phụ cận; Hình thành các vùng phát triển công nghiệp, NN, DV-TM để làm động lực phát triển, xây dựng đô thị vệ tinh trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa xã hội, dịch vụ, công nghiệp và nông nghiệp.

Bảng: Lộ trình phát triển đô thị của huyện Gia Lộc

Stt	Danh Mục (Đô thị)	Giai đoạn		Giai đoạn	Ghi chú
		Đến năm 2025 (loại đô thị)	Từ năm 2025 -2030 (loại đô thị)	2030 - 2050 (loại đô thị)	
1	Không gian TT. Gia Lộc mở rộng	IV	IV	IV	Huyện Gia Lộc đạt tiêu chí đô thị loại IV (trước năm 2025)
2	Quang Minh	V	V	V	
3	Hồng Hưng	V	V	V	
4	Gia Tân		V	V	
5	Gia Khánh		V	V	
6	Yết Kiêu			V	
7	Thống Nhất			V	
8	Toàn Thắng			V	
9	Đoàn Thượng			V	
10	Hoàng Diệu			V	
	Tổng đô thị	3	5	10	

5. Định hướng phát triển vùng nông thôn

5.1. Mục tiêu

Thu hẹp dần độ chênh lệch về mọi mặt giữa các vùng đô thị và nông thôn, tiến tới xây dựng NTM kiểu mẫu, phát triển bền vững.

Quản lý và xây dựng các xã nông thôn theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về “Nông nghiệp, nông dân và nông thôn” với mục tiêu “Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, phát triển đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định,

giàu bản sắc văn hóa dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ, đời sống nhân dân ổn định và phát triển”.

Giai đoạn trước năm 2025: Tiếp tục xây dựng xã nông thôn nâng cao trên địa bàn huyện, theo hướng hoàn thiện và nâng cao các tiêu chí đối với xã nông thôn, lựa chọn các xã có điều kiện thuận lợi để triển khai thí điểm xây dựng xã nông thôn nâng cao - kiểu mẫu; Giai đoạn đến năm 2030 triển khai rộng rãi mô hình xã nông thôn nâng cao - kiểu mẫu.

5.2. Phân vùng, định hướng phát triển

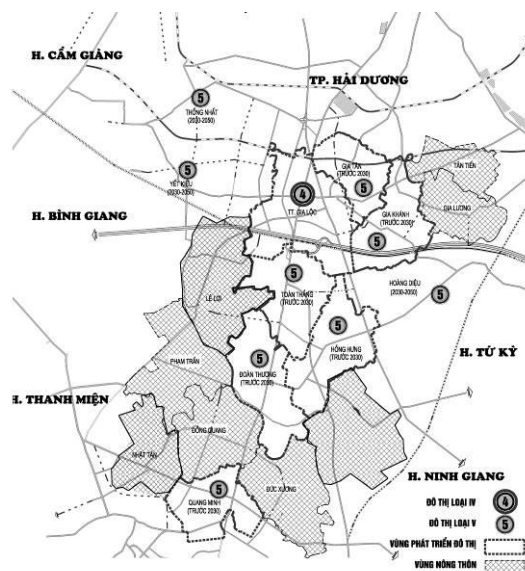
5.2.1. Phân vùng quản lý.

a. Giai đoạn đến năm 2030

Khu vực nông thôn bao gồm 13 xã là: Tân Tiến, Gia Lương, Lê Lợi, Phạm Trấn, Nhật Tân, Đồng Quang, Thống Kênh, Đức Xương, Toàn Thắng, Đoàn Thượng, Hoàng Diêu, Thống Nhất, Yết Kiêu.

b. Giai đoạn từ năm 2030-2050

Khu vực nông thôn bao gồm 08 xã là: Tân Tiên, Gia Lương, Lê Lợi, Phạm Trấn, Nhật Tân, Đồng Quang, Thống Kênh, Đức Xương.



5.2.2. Định hướng phát triển.

- Đề xuất mô hình khu ở dân cư nông thôn điển hình theo tiêu chuẩn nông thôn nâng cao – kiểu mẫu có nghiên cứu bổ sung tiêu chí đặc thù của huyện.

- Khu vực nông thôn có sự tác động của công nghiệp hoá sẽ có sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển mạnh các ngành phi nông nghiệp, tạo điều kiện nâng cao thu nhập và mức sống dân cư nông thôn.

- Khu dân cư nông thôn sẽ có các trung tâm, các điểm dân cư được bố trí hợp lý trên cơ sở kết hợp giữa sản xuất và an ninh quốc phòng, dựa trên các điều kiện về giao thông, địa bàn sản xuất và nguồn nước.

- Về cơ bản trong kỳ quy hoạch không gian nông thôn ít thay đổi, nhưng diện mạo nông thôn sẽ thay đổi mạnh mẽ theo hướng gắn với xây dựng và phát triển nông thôn nâng cao của tỉnh Hải Dương.

5.2.3. Quy hoạch mạng lưới các điểm dân cư, các trung tâm hành chính xã, hệ thống trung tâm công cộng và kết cấu hạ tầng:

- Trung tâm các xã: Trung tâm các xã được quy hoạch mỗi trung tâm có quy mô diện tích 10-30ha, quy mô dân số toàn xã từ 4.000 - 12.000 người. Đây là trung tâm kinh tế, văn hoá của xã. Mỗi cụm trung tâm xã có các công trình văn hoá thể thao, các công trình hạ tầng khác như bưu điện, chợ, sân thể thao xã được xây dựng theo quy chuẩn và được bố trí ở khu vực thuận tiện với các thôn xóm,

bán kính phục vụ trong khoảng 1km. Hệ thống các công trình hạ tầng xã hội, trụ sở cơ quan ... đảm bảo theo tiêu chí nông thôn nâng cao.

- Mỗi huyện, xã, thôn phải có công viên, vườn hoa (theo Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 của UBND tỉnh “Quyết định Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình số 22-Ctr/TU ngày 19/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Phát huy giá trị văn hóa xứ Đông và xây dựng con người Hải Dương đáp ứng yêu cầu phát triển giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”).

- Trung tâm thôn, xóm: Nhà văn hóa thôn, sân thể thao thôn, điểm trường mầm non, ao bơi... khuyến khích bố trí tập trung kết hợp với các không gian công cộng, nghỉ ngơi để tạo không gian trung tâm cho thôn xóm.

- Các tuyến dân cư tập trung: Phân bố dọc theo các tuyến đường giao thông liên xã, hiện nay các tuyến này đã có dân cư khá đông, cần đầu tư đồng bộ các công trình hạ tầng như đường giao thông nông thôn, lưới điện, nước, sinh hoạt, hệ thống trường lớp, hệ thống y tế, hệ thống các thiết chế văn hóa- xã hội v.v...

- Cần lưu ý các giải pháp quy hoạch để bảo tồn và phát huy các giá trị cảnh quan kiến trúc truyền thống cũng như các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc trên địa bàn huyện. Bảo tồn các công trình di tích lịch sử có giá trị, các làng cổ, làng văn hóa truyền thống.

- Đối với cảnh quan làng xóm, khu dân cư: Cải tạo chỉnh trang các thôn, làng trên cơ sở hiện có, tăng cường mật độ cây xanh tại các khu vực đất trống, các công trình xây mới theo kiến trúc truyền thống các dân tộc. Xây dựng nhà ở nên sử dụng vật liệu địa phương, mật độ xây dựng thấp, nhà có nhiều cây xanh.

- Nhà ở nông thôn: Khuyến khích nhà ở theo mô hình nhà vườn: Đây là mô hình phù hợp với sản xuất nông nghiệp ở quy mô hộ gia đình, trong đó nhà ở gắn với các hoạt động trồng hoa, trồng rau sạch. Có thể tổ chức thành từng nhóm nhà ở cùng chia sẻ các dịch vụ công cộng. Mô hình đô thị trang trại tạo ra sự phát triển song song đồng bộ của các khu dân cư gắn với khu vực nông nghiệp, nhờ vậy duy trì được quỹ đất sản xuất nông nghiệp cho địa phương.

- Các điểm dân cư nông thôn được liên kết với đô thị bằng mạng lưới giao thông và hạ tầng kỹ thuật khác, giữ vai trò phục vụ sản xuất công nghiệp/tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, du lịch, nghỉ dưỡng, giảm tải diện tích cư trú...cho đô thị.

- Các điểm dân cư nông thôn được đầu tư hạ tầng kỹ thuật – xã hội nhanh và có điều kiện cũng như cơ hội phát triển, tương lai sẽ trở thành một bộ phận của đô thị mở rộng hoặc cấu trúc làng xã bền vững.

6. Định hướng phát triển phân bố mạng lưới dân cư

Điều chỉnh đất phát triển dân cư đô thị và nông thôn, các điểm chính sau:

- Quy hoạch khu dân cư mới phía Bắc thôn Vô Lượng và hình thành khu ở phục vụ công nghiệp Khu vực thôn Ty, thôn Khay, thôn Cẩm Cầu xã Thống Nhất

- Quy hoạch khu dân cư mới phía Đông thôn Phạm Trung và phía Nam thôn Diên Nhi xã Toàn Thắng.

- Điều chỉnh đất quy hoạch công cộng phía Tây thôn Cát Hậu thành đất dân cư mới.

- Mở rộng điểm dân cư trung tâm các xã Gia Khánh, Gia Lương, Tân Tiến

- Điều chỉnh đất quy hoạch Dịch vụ sinh thái phía Nam xã Thống Kênh thành đất khu ở dịch vụ

- Hình thành khu ở mới phục vụ công nghiệp khu vực thôn Đại Tỉnh và thôn Lai Cầu xã Hoàng Diệu

- Điều chỉnh đất dịch vụ sinh thái và thể thao khu vực xã Đức Xương, Thống Kênh, Đoàn Thượng thành đất thủy sản và đất ở mới

- Điều chỉnh khác: Xóa những điểm dân cư mới nhỏ lẻ quy mô dưới 02 ha nằm rải rác bám mặt đường (theo Thông báo số 35-TB/TU ngày 18/12/2020 - Thông báo Kết luận của ban thường vụ Tỉnh ủy về kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011-2020 và đề xuất nhu cầu sử dụng đất công nghiệp, đất ở thời kỳ 2021-2030); quy hoạch đất dành cho xây dựng công viên, vườn hoa.

6.1. Khu dân cư đô thị

+ Các khu dân cư mới được phát triển tập trung thành các khu lớn tại vùng trung tâm huyện, khu vực nhà ở phục vụ các khu công nghiệp, các vùng dọc tuyến Quốc lộ 37, 38B và các trục đường tỉnh. Ngoài ra phát triển các khu giãn dân và xen kẹp trong các khu dân cư hiện hữu, đáp ứng nhu cầu ở cho huyện Gia Lộc.

Đồng thời để đáp ứng đa dạng nhu cầu về quỹ đất ở, hướng tới tiêu chí đô thị xanh - sinh thái, định hướng xây dựng các khu dân cư, đô thị xanh ven các tuyến sông sông Đĩnh Đào...

+ Khu dân cư nông thôn phát triển lên đô thị: cải tạo chỉnh trang đô thị cho phù hợp định hướng phát triển.



6.2. Điểm dân cư nông thôn

Trước năm 2025 tiếp tục nâng cao các tiêu chí quy hoạch vùng huyện, huyện Gia Lộc. Giai đoạn từ năm 2025 đến năm 2030, ngoài các vùng đô thị thì đối với các xã tiếp tục đầu tư xây dựng nâng cao chất lượng 18 tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao. Sau năm 2030, 100% các xã đạt chuẩn nông thôn nâng cao và nông thôn kiểu mẫu, huyện nông thôn phát

triển bền vững, theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp.

Phát triển các điểm dân cư theo các cụm dân cư trong thôn và tại khu vực dọc đường huyện, trực liên xã kết hợp với các điểm dịch vụ thương mại, công nghiệp... Tổ chức các khu ở mới quy mô trên 02 ha, bám sát cấu trúc làng xã hiện hữu.

Tổ chức các khu ở công nhân đối với các không gian phát triển khu, cụm công nghiệp.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ.

1. Mục tiêu và định hướng phát triển nông nghiệp.

**** Nội dung điều chỉnh:***

Xác định các vùng nông nghiệp chính, dự báo quy mô các vùng: Lúa áp dụng công nghệ mang lại hiệu quả kinh tế cao, vùng lúa xen canh, vùng có thể xem xét chuyển đổi mục đích sử dụng trong tương lai, chuyên canh rau màu; nuôi trồng thủy sản; vùng trồng cây lâu năm; chăn nuôi và giết mổ tập chung.

1.1. Mục tiêu.

1.1.1. Mục tiêu chung.

- Mục tiêu: Phát triển nông nghiệp toàn diện, theo hướng CNH-HĐH, nông nghiệp sinh thái và sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung ứng dụng công nghệ cao. Phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững

- Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá với sản phẩm chất lượng cao chiếm tỷ trọng lớn thông qua việc thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn nâng cao. Đảm bảo ngành nông nghiệp của huyện phát triển bền vững trên cả 3 khía cạnh: Kinh tế - xã hội - môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tập trung khai thác hiệu quả các tiềm năng đất đai, lao động; Đa dạng hoá sinh kế, đảm bảo an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng; Tăng nhanh, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm nông sản, thực phẩm hàng hoá.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

a. Lĩnh vực trồng trọt:

Sản xuất theo hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng, gắn với thị trường tiêu thụ, tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng;

Phát triển mạnh các vùng sản xuất hàng hoá tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật nâng cao giá trị các loại cây trồng.

*** Sản xuất lúa:**

+ Sử dụng có hiệu quả diện tích đất chuyên trồng lúa sắn có, giữ ổn định diện tích lúa chất lượng hàng năm. Lựa chọn các giống lúa chống chịu sâu bệnh, phù hợp với điều kiện canh tác để gieo cấy.

+ Duy trì ổn định diện tích lúa chất lượng cao hàng năm: chiếm trên 80% diện tích gieo cấy tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

+ Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu giống lúa theo hướng nâng cao chất lượng, khả năng kháng sâu bệnh, kết hợp với bố trí lịch thời vụ hợp lý, tránh những bất lợi của thời tiết để đảm bảo sản xuất bền vững, ổn định, nâng cao chất lượng lúa, gạo. Ổn định bộ giống lúa hiện có; tiếp tục khảo nghiệm ở diện rộng để sớm đưa vào cơ cấu sản xuất các giống mới có tiềm năng. Duy trì và nâng cao chất lượng các vùng sản xuất tập trung quy mô 30 ha trở lên.

+ Đẩy mạnh ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp để giảm công lao động, giảm chi phí, tăng năng suất cây trồng. Trong đó, ưu tiên cho các khâu tốn nhiều công lao động và ảnh hưởng sức khỏe người sản xuất như cấy bằng máy, phun thuốc trừ sâu, thu hoạch bằng máy.

+ Nâng tỷ lệ áp dụng cơ giới hóa trong phun thuốc bảo vệ thực vật (phun bằng máy áp lực, bằng máy bay không người lái, ...).

* Phát triển rau màu, cây ăn quả:

- Duy trì và mở rộng các loại cây trồng cho hiệu quả kinh tế ổn định; đặc biệt chú ý đưa vào gieo trồng các loại cây cho sản phẩm năng suất, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường...

- Đa dạng cơ cấu các loại rau màu, phát triển mạnh rau màu đang có thị trường tiêu thụ; đưa cơ giới hoá các khâu vào sản xuất rau màu từ làm đất, lên luống, gieo hạt; tăng cường sử dụng các loại giống mới kết hợp với áp dụng quy trình sản xuất an toàn theo hướng VietGap, GlobalGap..., nâng cao chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Duy trì và mở rộng thêm diện tích ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất trong nhà màng, nhà lưới tập trung, kết hợp tưới nước và bón phân tự động, bán tự động có hệ thống camera giám sát và thiết bị cảm biến tự động kết nối điện thoại thông minh để điều khiển bón phân, tưới nước tự động từ xa.

- Xây dựng và từng bước mở rộng các vùng sản xuất rau, quả đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

* Lĩnh vực bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm

- Tranh thủ cơ chế chính sách ưu đãi của tỉnh để đẩy mạnh thu hút đầu tư vào lĩnh vực bảo quản, chế biến nông sản, đặc biệt chế biến sâu các mặt hàng nông sản chủ lực của huyện như: rau, củ quả các loại. Cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng tổ chức sản xuất hàng hóa quy mô lớn để tạo nguồn nguyên liệu ổn định cho công nghiệp bảo quản, chế biến.

- Phát triển mạng lưới xay xát, chế biến gạo: Khuyến khích xây dựng các cơ sở xay xát, đánh bóng gạo, đầu tư xây dựng cơ sở xay xát đánh bóng gạo cao cấp nhằm tăng tỷ lệ gạo cao cấp, đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Khuyến khích các công ty chế biến xuất khẩu mở rộng quy mô, cải tiến công nghệ, nâng công suất để liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho nông dân.

b. Lĩnh vực chăn nuôi

Phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, nâng cao năng suất, chất lượng và đảm bảo an toàn dịch bệnh, khuyến khích chăn nuôi ứng dụng những tiến bộ khoa học như công nghệ enzym thủy phân, đệm lót sinh học, chế phẩm sinh học, biogas,... vào giải quyết triệt để phụ phẩm, chất thải chăn nuôi thành giá trị hữu ích tái sử dụng, bảo vệ môi trường, chăn nuôi đáp ứng tiêu chí sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (chăn nuôi khép kín tự động, bán tự động, có hệ thống làm mát tự động, đệm lót sinh học, nuôi an toàn sinh học,...). Ưu tiên phát triển những sản phẩm chăn nuôi có lợi thế và khả năng cạnh tranh.

- Đối với đàn lợn: Chăn nuôi lợn phát triển theo hướng tập trung, trang trại, chăn nuôi công nghiệp gắn với xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm theo hướng VietGap...

- Đối với đàn gia cầm: Phát triển chăn nuôi gia cầm theo hướng trang trại công nghiệp và chăn nuôi thả có kiểm soát. Chăn nuôi gia cầm theo hình thức công nghiệp chú trọng vào các giống chất lượng cao.

- Đối với đàn trâu, bò: tập trung nâng cao chất lượng giống bằng công tác thụ tinh nhân tạo, tạo ưu thế lai theo hướng lấy thịt chất lượng cao.

- Xây dựng các vùng chăn nuôi tập trung, an toàn dịch bệnh, cung cấp sản phẩm chăn nuôi an toàn đảm bảo vệ sinh thực phẩm.

c. Lĩnh vực thủy sản

- Chú trọng đầu tư hạ tầng cơ sở, đặc biệt là hệ thống thủy lợi cho các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung; tập trung nuôi thâm canh đối tượng thủy sản chủ lực như: cá rô phi đơn tính, cá Trắm cỏ, cá Chép, cá Trôi Ấn Độ, cá Diêu hồng...; tiếp tục đa dạng hóa đối tượng và phương pháp nuôi để nâng cao năng suất, chất lượng; khuyến khích nuôi công nghiệp, quy trình thực hành nuôi tốt, từng bước áp dụng công nghệ cao đảm bảo an toàn dịch bệnh và môi trường. Đặc biệt không sử dụng thuốc, hoá chất, kháng sinh bị cấm trong sản xuất kinh doanh thủy sản để sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Nâng cao hiệu quả các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung đã được phê duyệt; Duy trì và mở rộng các mô hình nuôi thủy sản có năng suất cao áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

1.2. Định hướng chung.

- Phát triển nông nghiệp huyện Gia Lộc phải phù hợp với các mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn; Tiếp tục chuyển đổi mạnh cơ

cấu kinh tế trong nông nghiệp. Chú trọng công tác thủy lợi, phòng chống hạn hán, úng lụt, đảm bảo nước tưới cho cây trồng phát triển ổn định.

- Phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, gắn với thị trường và phát triển ngành nghề. Tập trung cải thiện năng suất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản kết hợp giữa kỹ thuật canh tác tiên tiến và đầu tư vào nông nghiệp chất lượng cao. Phát triển chăn nuôi để góp phần vào việc tăng GDP nông nghiệp; phát triển cây trồng có giá trị cao.

- Đến năm 2030 có diện tích lớn đất lúa nước và đất nuôi trồng thủy sản chuyển đổi sang công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và khu ở... Do đó, nông nghiệp của huyện sẽ được phát triển trên cơ sở sản xuất hàng hoá có chất lượng và hiệu quả kinh tế cao, thân thiện với môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm và tạo cảnh quan môi trường.

- Tăng cường chuyển giao áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất nông nghiệp, xây dựng các trang trại cung cấp cây giống mới, cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, cải thiện đời sống và thu nhập của người dân.

- Chú trọng các khâu công nghệ sau thu hoạch và chế biến, đặc biệt là chế biến sâu nhằm nâng cao giá trị gia tăng.

- Hướng tới sản xuất các loại cây ăn quả phải thực hiện quy trình sản xuất nông nghiệp an toàn (VietGAP, GlobalGAP), đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, nhằm đáp ứng thỏa mãn nhu cầu trong nước và xuất khẩu đang có nhu cầu rất lớn. Sản xuất cây ăn quả thực hiện quy trình sản xuất nông nghiệp an toàn (VietGAP, GlobalGAP), do đó sẽ đảm bảo được vệ sinh an toàn thực phẩm, cũng như hạn chế được những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường.

- Phát triển nông nghiệp gắn liền với phát triển ngành nghề nông thôn, nhất là chế biến nông sản, phát triển các hoạt động dịch vụ, hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Cần có kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế, nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi đối với các sản phẩm chủ lực; khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Tuy nhiên, để phát triển bền vững, ngành cần đảm bảo chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm nhất là rau, quả.

- Phát triển cho cả ngành chăn nuôi, thủy sản như chú trọng công tác thủy lợi, phòng chống úng lụt, đảm bảo nước tưới không chỉ cho cây trồng mà cả phục vụ cho nuôi trồng thủy sản để đảm bảo phát triển bền vững, ổn định. Tăng cường chuyển giao ứng dụng khoa học tạo ra các giống vật nuôi, thủy sản mới chất lượng cao, kháng bệnh..., ứng dụng các khoa học kỹ thuật mới tiên tiến, hiện đại, công nghệ số trong nông nghiệp. Có kế hoạch chuyển đổi cơ cấu không chỉ có cây trồng mà cả vật nuôi, thủy sản đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường, hướng đến ngành hàng xuất khẩu.

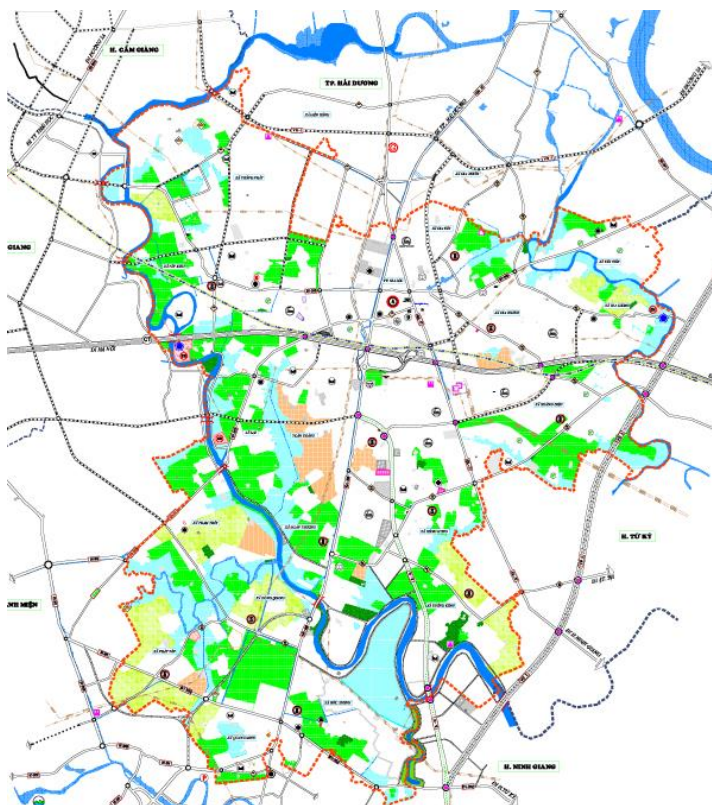
- Các hợp tác xã nông nghiệp giữ vai trò chủ đạo trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Khuyến khích phát triển các mô hình hợp tác xã nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp gắn liền với các sản phẩm ngành nghề nông thôn và sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện và Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao, nông nghiệp sạch, phù hợp quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới, trong đó xác định rõ các vùng sản xuất tập trung gắn với các sản phẩm có thế mạnh của huyện như vùng sản xuất rau an toàn, rau chế biến, vùng sản xuất lúa chất lượng, vùng sản xuất hoa, vùng sản xuất cây ăn quả, vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm, vùng nuôi trồng thủy sản. Tăng cường hỗ trợ kết cấu hạ tầng sản xuất cho các hợp tác xã nông nghiệp, đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất; khuyến khích hợp tác xã nông nghiệp tập trung đất đai, cơ sở hạ tầng, xây dựng, hình thành các vùng sản xuất quy mô lớn; hình thành 5 chuỗi giá trị khép kín từ sơ chế, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho thành viên và hộ nông dân

1.3. Phân vùng phát triển nông nghiệp.

- Vùng ưu tiên trồng lúa, hoa, rau, củ, quả áp dụng công nghệ mang giá trị kinh tế cao phân bố tại các xã như sau: Thống Nhất, khu vực xã Yết Kiêu, Lê Lợi, Phạm Trấn, Đồng Quang, Thống Kênh, Hoàng Diệu, Gia Lương, Tân Tiến, Đức Xương, Nhật Tân.

- Vùng sinh thái thủy sản tập trung tại các xã: Tân Tiến, Yết Kiêu, Lê Lợi, Đoàn Thượng, Nhật Tân, Đồng Quang, Quang Minh.

- Vùng trồng cây ăn quả phân bố nhiều ở khu vực các xã: Phạm Trấn, Đồng Quang, Tân Tiến.



Bảng: Dự báo Quy hoạch nông nghiệp toàn huyện

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng	Tăng giảm	QH đến năm 2030	Tăng giảm	QH đến năm 2050
		ha	ha	ha	ha	ha
	Tổng Diện tích tự nhiên	9971,10	0,00	9971,10	0,00	9971,10
I	Đất nông nghiệp	6587,50	-2612,03	3975,47	-1000,01	2975,46
1	Đất trồng lúa, rau màu	4779,30	-2104,54	2674,76	-905,22	1769,54
a	<i>Đất trồng lúa cho năng suất chất lượng cao</i>			583,00	0,00	583,00

<i>b</i>	<i>Đất trồng lúa xen canh</i>			1883,76	0,00	1883,76
<i>c</i>	<i>Đất chuyên trồng rau sạch</i>			208,00	0,00	208,00
2	Đất trồng cây hàng năm khác	92,90	-35,24	57,66	-5,07	52,59
3	Đất trồng cây lâu năm	455,50	-192,53	262,97	-52,48	210,49
4	Đất nuôi trồng thủy sản	1251,70	-301,72	949,98	-37,24	912,74
<i>a</i>	<i>Đất nuôi trồng thủy sản mô hình VAC</i>			356,00	0,00	356,00
<i>b</i>	<i>Đất nuôi trồng thủy sản quy mô nhỏ</i>			593,98	0,00	593,98
5	Đất nông nghiệp khác, chăn nuôi TT	8,10	22,00	30,10	0,00	30,10
II	Đất phi nông nghiệp	3383,60	2612,03	5995,63	1000,01	6995,64

1.3.1. Vùng trồng lúa, rau màu.

Tổng diện tích trồng lúa và rau màu khoảng 2.674ha(đến năm 2030), khoảng 1.770ha (đến năm 2050). Trong đó:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt diện tích khoảng 1.570ha (đến năm 2050)
- Vùng trồng lúa có thể xem xét chuyển đổi mục đích sử dụng đất khác khoảng: 200ha

Vùng trồng lúa áp dụng công nghệ mang lại giá trị kinh tế cao.

Tổng diện tích khoảng 583ha phân bố tại 06 khu vực sau:

- + Khu vực 1: Bắc xã Yết Kiêu, diện tích khoảng 32ha.
- + Khu vực 2: Phía Bắc thôn Cộng Hòa và Trình Xá xã Gia Lương, diện tích khoảng 56ha.
- + Khu vực 3: Khu vực xã Phạm Trấn, diện tích khoảng 101ha.
- + Khu vực 4: Khu vực xã Đồng Quang, diện tích khoảng 80ha.
- + Khu vực 5: Khu vực phía Nam thôn Cao Duệ xã Nhật Tân và tây thôn Đỗ Xuyên xã Quang Minh, diện tích khoảng 118ha.
- + Khu vực 6: Phía Đông các thôn Kênh Triều và Đồng Đức xã Thống Kênh, diện tích khoảng 102ha.

Vùng ưu tiên phát triển rau màu.

- Diện tích khoảng: 208ha
- Phân bố chủ yếu tại các xã như: Toàn Thắng, Lê Lợi, Đoàn Thượng; Gia Khánh; Hoàng Diệu; Phạm Trấn; Đồng Quang, Nhật Tân.

1.3.2. Vùng sinh thái thủy sản, mô hình VAC.

- Tổng diện tích khoảng 950ha (giai đoạn đến năm 2030); Diện tích 912ha (giai đoạn đến năm 2050).
- Sinh thái thủy sản kết hợp với du lịch, nghỉ dưỡng diện tích khoảng 176ha, xác định tại xã Đoàn Thượng và Lê Lợi.

- Điều chỉnh khu trung tâm dịch vụ khu vực xã Đức Xương thành đất thủy sản, diện tích khoảng 180ha.

1.3.4. Cây ăn quả.

- Đất trồng cây ăn quả quy hoạch: nằm trong vùng sinh thái thủy sản (mô hình VAC) Tỷ lệ diện tích đất vườn cây và đất ao sẽ được cụ thể tại các quy hoạch chung, quy hoạch thành phần khác.

- Diện tích trồng cây ăn quả hiện trạng khoảng 455ha (giai đoạn đến năm 2030 khoảng 263 ha; đến năm 2050 khoảng 210ha) phân bố nhiều ở khu vực các xã: Thống Nhất, Yết Kiêu, Hoàng Diệu, Đồng Quang.

1.3.5. Vùng chăn nuôi, giết mổ tập trung.

- Tổng diện tích quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung là 30ha, trong đó quy hoạch 02 khu mới tại phía Nam xã Yết Kiêu.

- Từng bước giảm chăn nuôi nhỏ lẻ trong các khu dân cư. Đến năm 2030 xóa bỏ chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư. Tập trung phát triển chăn nuôi trang trại tập trung xa khu dân cư, an toàn sinh học, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Duy trì vùng nuôi hiện có, các ao trong khu dân cư, vùng chăn nuôi tập trung gắn với đầu tư hệ thống thủy lợi. Tập trung vào các đối tượng nuôi truyền thống theo phương thức thâm canh và bán thâm canh cải tiến.

- Khuyến khích phát triển tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thu gom, sơ chế, chế biến thủy sản vừa và nhỏ.

- Phát triển mô hình chăn nuôi tập trung gắn liền với khu vực thủy sản.

- Khu giết mổ tập trung gồm 02 điểm mô hình bán công nghiệp loại I tại xã Yết Kiêu và Gia Lương, đảm bảo được 80 - 85% nhu cầu giết mổ trên địa bàn.

- Thực hiện nghiêm đánh giá tác động môi trường, cam kết môi trường đối với các chủ cơ sở giết mổ, đảm bảo chất thải, nước thải được thu gom, xử lý đúng theo các quy định hiện hành về môi trường.

1.4. Một số giải pháp ứng dụng công nghệ cao vào trồng trọt.

1.4.1. Một số giải pháp ứng dụng tiến bộ nông nghiệp.

- Phát triển cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp và thủy sản theo quy hoạch.

- Tập hợp các tiến bộ kỹ thuật mới về sinh học, hoá học, cơ khí tự động, kết hợp với kinh nghiệm truyền thống tốt để tạo ra bước đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm và quan trọng hơn cả là cho hiệu quả kinh tế cao nhằm để kiểm soát các yếu tố đầu vào giúp sản phẩm nông nghiệp có mức an toàn cao hơn.

- Cần áp dụng sự đa dạng trong sản xuất nông nghiệp, đây là hướng đi quan trọng của Gia Lộc trong những năm tới, nghĩa là: Đa dạng về đối tượng cây trồng tương ứng với sự đa dạng về thị trường cả trong nước và ngoài nước; sự đa dạng về công nghệ áp dụng đi cùng với sự đa dạng về khả năng đầu tư và trình độ canh tác và sự đa dạng về chính sách liên quan đến các giai đoạn phát triển khác nhau.

Đây là mấu chốt cho sự bền vững của ngành sản xuất nông nghiệp của tỉnh nói chung và của Gia Lộc nói riêng.

- Đưa các giống lúa mới năng suất, chất lượng cao thời gian sinh trưởng ngắn vào sản xuất phục vụ cho cơ cấu mùa vụ đảm bảo năng suất và hiệu quả 2 vụ lúa.

- Các cây rau màu: cải bắp, súp lơ, ngô, dưa lê, dưa hấu, cần tạo mọi điều kiện đưa nhanh các giống mới đáp ứng yêu cầu thị trường cho cả 3 vụ xuân, hè thu, vụ đông để nâng cao thu nhập.

- Thúc đẩy cơ giới hoá gắn với việc giảm giá thành sản xuất, chú trọng việc chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người nông dân nhằm đẩy nhanh việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới về giống, về phương thức gieo trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng, sử dụng các loại thuốc, vắc xin phòng trị bệnh, tăng cường sử dụng các chế phẩm sinh học,... vào sản xuất.

- Xây dựng hệ thống tự động hóa trong lĩnh vực thủy sản bao gồm: cho cá ăn loại thức ăn viên công nghiệp bằng máy phun thức ăn; sử dụng máy trộn dinh dưỡng vào thức ăn phòng trị bệnh thủy sản nuôi thay thế phương pháp thủ công; hệ thống tự động đo quan trắc các chỉ số về thủy lý, thủy hóa môi trường ao nuôi kết nối với điện thoại cầm tay thông minh và máy tính có thể ghi nhận các kết quả về tình hình diễn biến chất lượng nước ao nuôi, sử dụng máy bổ sung oxy, máy guồng, máy tạo sóng...trong ao nuôi và nuôi cá lồng để tạo oxy, dòng chảy, giúp tăng cường xử lý chất thải, duy trì môi trường ổn định cho ao nuôi.

- Phát triển chăn nuôi đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh động vật và chăn nuôi hữu cơ; Ứng dụng công nghệ trong quản lý đàn vật nuôi, hệ thống máng ăn tự động, thu gom chất thải, xây dựng các mô hình trang trại an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường (sử dụng chế phẩm sinh học, công nghệ Enzyme xử lý chất thải chăn nuôi); Áp dụng công nghệ sơ chế, chế biến sau thu hoạch sản phẩm chăn nuôi (thịt, trứng,...)

- Thúc đẩy việc hình thành các cơ sở giết mổ tại xã Gia Lương và xã Yết Kiêu đảm bảo theo quy định của Luật Thú y và văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

- Khuyến khích hình thành các chuỗi liên kết từ sản xuất con giống, thức ăn chăn nuôi, chăn nuôi, giết mổ an toàn, sơ chế, chế biến và tiêu thụ.

** Xây dựng các mô hình nông nghiệp công nghệ cao*

Áp dụng công nghệ cao trong sản xuất như sản xuất trong nhà màng, nhà lưới đối với sản phẩm rau, quả các loại, đặc biệt là các loại rau quả có giá trị, chất lượng cao; sản xuất theo quy trình thực hành nông nghiệp tốt (GAP). Phối kết hợp với các đơn vị, các viện nghiên cứu, doanh nghiệp triển khai các mô hình trình diễn, ứng dụng kịp thời và hiệu quả những công nghệ tiên tiến vào sản xuất.

** Công nghệ cao trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản:*

- Công nghệ sản xuất giống: Tạo ra giống mới, chất lượng cao, thích ứng tốt như công nghệ điều khiển giới tính: Sản xuất cá rô phi đơn tính đực, tôm càng xanh toàn đực...

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong nuôi trồng thủy sản để cải tạo môi trường, phòng chống dịch bệnh, hạn chế tối đa sử dụng kháng sinh, hóa chất độc hại và tạo ra sản phẩm thủy sản an toàn, phát triển thủy sản bền vững.

- Mô hình nuôi ghép theo hướng hữu cơ như: nuôi Ốc, Cua Đồng, Chạch Đồng kết hợp với cây lúa.

- Ứng dụng công nghệ thông minh, công nghệ số trong quản lý, giám sát hệ thống nuôi giúp làm giảm đáng kể chi phí trong sản xuất và công lao động như sử dụng hệ thống camera giám sát và thiết bị cảm biến tự động kết nối internet để điều khiển tự động cho ăn, quạt nước, sục khí, theo dõi biến động các thông số môi trường, hoạt động của động vật thủy sản nuôi. Đưa các máy móc, thiết bị vào thu hoạch cá giúp giảm công lao động và thu hoạch triệt để, nhanh hơn đảm bảo chất lượng sản phẩm...

** Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, khuyến nông*

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến và quán triệt nội dung Đề án đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tạo đồng thuận cao trong cả hệ thống chính trị, cán bộ chuyên môn, quản lý nhà nước các cấp, các doanh nghiệp và người nông dân về việc từng bước thay đổi tư duy, tập quán sản xuất truyền thống sang phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, gắn với việc tái cơ cấu lại mùa vụ, đối tượng và hình thức tổ chức sản xuất nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, lao động, tăng thu nhập cho người dân.

- Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn về kỹ thuật sản xuất của từng loại cây, đào tạo huấn luyện áp dụng phương pháp phòng trừ sâu bệnh tổng hợp, để người nông dân có đủ hiểu biết đầu tư phát triển sản xuất. Nâng cao năng lực của hệ thống khuyến nông cơ sở. Thực hiện xã hội hóa đào tạo nghề đảm bảo cho nông dân tiếp cận được các công nghệ mới đưa vào áp dụng trong sản xuất, sử dụng các thiết bị, máy móc vào sản xuất, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

- củng cố và phát triển các tổ chức dịch vụ nông nghiệp phục vụ cho phát triển sản xuất đi kèm với cơ chế kiểm tra nâng cao chất lượng dịch vụ cung ứng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; cung ứng phân bón, thuốc BVTV; dịch vụ làm đất, thu hoạch, tiêu thụ và chế biến sản phẩm nông nghiệp, thủy sản.

- Liên kết với các cơ sở sản xuất giống uy tín, đảm bảo thương hiệu để áp dụng có chọn lọc những kết quả nghiên cứu về lai tạo giống mới có giá trị kinh tế cao, thích nghi với điều kiện của địa phương. Đồng thời phổ biến và hướng dẫn quy trình canh tác, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản cho các hộ nông dân thực hiện qua các mô hình trình diễn thực tế.

1.4.2. Giải pháp về vốn

- Tăng cường tranh thủ các nguồn vốn của Trung ương, của tỉnh; đầu tư của huyện và cơ sở về giống, cơ sở hạ tầng, kỹ thuật để triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án của ngành nông nghiệp trên cơ sở đúng mục đích, có hiệu quả.

- Vốn tín dụng ưu đãi Nhà nước hỗ trợ cho nhu cầu vay của dân để mở rộng

sản xuất, xây dựng các công trình kỹ thuật phục vụ phát triển vùng sản xuất và mua sắm phương tiện sản xuất, chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp.

- Mở rộng và phát triển kinh tế Hợp tác xã, hỗ trợ phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ và nhóm hộ trong khu vực sản xuất, bảo quản sơ chế sản phẩm, đưa kinh tế Hợp tác xã, kinh tế trang trại lên chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong khu vực sản xuất nguyên liệu.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

1.4.3. Giải pháp về nhân lực

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của các cơ quan chuyên môn để đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp - nông thôn theo định hướng tái cơ cấu ngành. Chú trọng đào tạo nâng cao trình độ quản lý Nhà nước nhằm nâng cao năng lực tham mưu và tổ chức triển khai các chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn của tỉnh, các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện trong công tác tập huấn kỹ thuật, đào tạo nghề cho nông dân nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lao động trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện hướng đến sản xuất ứng dụng công nghệ cao.

- Tăng cường liên kết và phối hợp với các công ty, doanh nghiệp có khả năng thu hút lao động qua đào tạo nghề.

1.4.4. Giải pháp về đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ nông nghiệp

- Ưu tiên đầu tư thích hợp về cơ sở hạ tầng để phục vụ sản xuất, nhất là những vùng sản xuất hàng hoá tập trung, áp dụng công nghệ cao, sản xuất theo hướng an toàn để phát triển sản xuất theo hướng bền vững.

- Tranh thủ sự hỗ trợ của trung ương và tỉnh, huy động, khai thác các nguồn vốn ưu tiên đầu tư nâng cấp, sửa chữa, xây dựng mới nhiều công trình hạ tầng thủy lợi, giao thông nông thôn, giao thông nội đồng góp phần tăng năng suất, chất lượng cây trồng và hiệu quả đầu tư, tạo điều kiện chuyển đổi sản xuất nông nghiệp sang chất lượng làm tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp.

1.4.5. Giải pháp về bảo vệ môi trường

- Sử dụng các chế phẩm sinh học, thân thiện với môi trường;

- Khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở giết mổ chế biến sản phẩm chăn nuôi sử dụng công nghệ hầm khí sinh học Biogas, các chế phẩm sinh học và đệm lót sinh học. Trong NTTS, áp dụng quy trình nuôi sạch, tiết kiệm nước, phòng ngừa dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản.

- Sử dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp để giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

1.5. Phòng chống thiên tai

Để phòng tránh, giảm nhẹ thiệt hại thiên tai có hiệu quả, cần triển khai đồng bộ các giải pháp:

- Sử dụng các biện pháp nhằm hạn chế, thích ứng để giảm nhẹ thiệt hại. Qua đó, lợi dụng, né tránh, tiến tới khắc phục và từng bước chinh phục thiên tai nhằm bảo vệ và phát triển sản xuất, đời sống.

- Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, làm cho mọi người, mọi nhà, mọi địa phương nhận thức sâu sắc tác hại của thiên tai, nhận diện một cách đầy đủ các loại hình thiên tai và những diễn biến của nó để chủ động phòng, chống một cách có hiệu quả, với phương châm “Phòng tránh là chính, tự cứu mình là chính”.

- Thực hiện phương châm 4 tại chỗ (lực lượng tại chỗ, chỉ huy tại chỗ, hậu cần tại chỗ, vật tư tại chỗ) một cách chủ động, thực chất và có hiệu quả.

- Coi trọng đúng mức và làm tốt công tác dự báo, dự tính, chỉ huy điều hành của các cấp, các ngành.

- Quy hoạch và xây dựng các công trình để vừa cấp nước cho các nhu cầu kinh tế - xã hội, vừa điều tiết nước thủy lợi mùa mưa; Xây dựng bảo trì các trạm bơm tưới tiêu...

- Khi có thiên tai xảy ra, cần huy động tổng hợp các lực lượng, nhất là lực lượng chuyên nghiệp, lực lượng vũ trang, thanh niên tình nguyện và nhân dân trên địa bàn thực hiện công tác cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ; phải chuẩn bị sẵn sàng các phương tiện và các yếu tố đảm bảo. Sau thiên tai, cần đánh giá chính xác thiệt hại, huy động nội lực với tinh thần lá lành đùm lá rách và coi trọng sự cứu trợ, giúp đỡ từ bên ngoài. Tổ chức tốt việc tiếp nhận, quản lý, phân phối nguồn cứu trợ đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, công khai, dân chủ.

- Thu hút đầu tư nhằm đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế trở thành huyện có công nghiệp, dịch vụ phát triển; xem đây là giải pháp căn cơ nhất để phòng tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển một cách bền vững.

- Tiếp tục qua tâm đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đặc biệt là các công trình phòng, chống thiên tai

- Duy trì Các chỉ tiêu tần suất, lưu lượng, mực nước đảm bảo theo quy định đối với các tuyến sông chính.

2. Định hướng phát triển công nghiệp

Nội dung điều chỉnh:

- Cập nhật vùng phát triển công nghiệp đã có quyết định thành lập tại xã Yết Kiêu (70ha) và vùng công nghiệp tại xã Toàn Thắng (75ha).

- Quy hoạch vùng phát triển công nghiệp tại: xã Thống Nhất, quy mô khoảng 350ha

- Quy hoạch vùng phát triển công nghiệp tại xã Tân Tiến khoảng 55ha

- Quy hoạch vùng phát triển công nghiệp tại xã Gia Khánh – Gia Lương khoảng, quy mô 170ha

- Mở rộng vùng phát triển công nghiệp tại xã Hoàng Diệu đạt, quy mô diện tích khoảng 250ha.

- Điều chỉnh vùng phát triển công nghiệp tại xã Nhật Tân thành đất nông nghiệp, quy mô khoảng 45ha.

2.1. Mục tiêu.

- Đến Năm 2030 cơ bản toàn thành Mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ bản trở thành huyện phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại; trong đó một số ngành công nghiệp có sức cạnh tranh lớn.

- Phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ,

- Nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư có chọn lọc tạo sự liên kết theo chuỗi giá trị

- Xây dựng được một số cụm liên kết ngành công nghiệp, doanh nghiệp công nghiệp có quy mô lớn.

2.2. Định hướng phát triển chung

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm thuận lợi cho việc thu hút đầu tư các dự án công nghiệp, TTCN.

- Tập trung đầu tư phát triển công nghiệp, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Đẩy mạnh phát triển các ngành nghề huyện có lợi thế: chế biến nông thủy sản, dệt may, cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng... Cùng cố và phát triển các làng nghề hiện có.

- Đổi mới trang thiết bị, tổ chức và quản lý sản xuất; nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

- Gắn phát triển công nghiệp với bảo vệ môi trường sinh thái.

2.2. Định hướng phát triển với các vùng công nghiệp

- Tập trung giải quyết dứt điểm những vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án vào huyện.

- Tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hộ gia đình, cá nhân thuê đất đầu tư sản xuất tại các xã, thị trấn.

- Phát triển công nghiệp công nghệ cao.

- Công nghiệp phụ trợ, chế biến nông sản tăng giá trị sản xuất nông nghiệp.

- Quy hoạch, kêu gọi đầu tư các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh. Gắn việc phát triển làng nghề với việc xây dựng nông thôn nâng cao

Giai đoạn đến năm 2030

- Hình thành vùng phát triển công nghiệp tại Gia Khánh- Gian Lương, quy mô khoảng 170ha.

- Hình thành vùng phát triển công nghiệp tại xã Thống Nhất, quy mô thực hiện trong giai đoạn này khoảng 200ha (Dự kiến tổng diện tích khoảng 350ha).

- Hình thành vùng phát triển công nghiệp tại xã Tân Tiến, quy mô khoảng 55ha.
- Hình thành vùng phát triển công nghiệp tại Yết Kiêu (đã có quyết định thành lập), quy mô khoảng 70ha.
- Hình thành vùng phát triển công nghiệp tại xã Toàn Thắng- Hồng Hưng – Đoàn Thượng (đã có quyết định thành lập), quy mô khoảng 75ha.
- Tiếp tục triển khai thực hiện và hoàn thiện khu công nghiệp Gia Lộc đã duyệt (quy mô khoảng 198ha)

Giai đoạn năm 2030 – 2050

- Tiếp tục mở rộng vùng phát triển công nghiệp tại Thống Nhất, quy mô mở rộng thêm khoảng 150ha. Giai đoạn này tổng diện tích của vùng công nghiệp xã Thống Nhất đạt diện tích 350ha.
- Tiếp tục kêu gọi đầu tư, đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ công nghiệp. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp từ giai đoạn trước đó

2.3. Định hướng phát triển làng nghề, cơ sở sản xuất kinh doanh phi NN

- Khuyến khích phát triển các nghề và làng nghề (*thuộc danh mục nghề được khuyến khích phát triển theo Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn*), ưu tiên phát triển ngành nghề nông thôn trong giai đoạn tới gồm: chế biến, sản xuất thực phẩm, đồ gỗ và hàng thủ công mỹ nghệ.

** Biện pháp tập trung thực hiện là:*

- Mở các lớp dạy nghề, truyền nghề, phân đầu mỗi làng nghề có 1-2 lớp; đẩy mạnh liên kết để đào tạo, du nhập thêm nghề mới để giải quyết việc làm cho các lao động tại các làng nghề.
- Tiếp tục tuyên truyền, vận động chủ trương xây dựng làng nghề, du nhập nghề mới để giải quyết việc làm tăng thu nhập cho người lao động; Các cấp chính quyền ở địa phương gắn việc phát triển làng nghề với việc xây dựng NTM, gắn với công tác vệ sinh môi trường... nhằm không ngừng nâng cao đời sống nhân dân. Rà soát, di dời các làng nghề, ngành nghề gây ô nhiễm lớn ra các CCN.
- Xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu cho các làng nghề và sản phẩm làng nghề truyền thống.

Bảng: Dự báo phát triển công nghiệp.

STT	Sử dụng đất	Hiện Trạng	Tăng giảm	GĐ năm 2030	Tăng giảm	GĐ năm 2050
		(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)
1	KCN Gia Lộc	198	0	198	0	198
2	Vùng CN Gia Khánh – Gia Lương (Gia Lộc 2)	0	170	170	0	170
3	Vùng CN Gia Thống Nhất (Gia Lộc 3)	0	200	200	150	350
4	Vùng CN Toàn Thắng	0	75	75	0	75
5	Vùng CN Yết Kiêu	0	70	70	0	70
6	Vùng CN Tân Tiến (Đại Sơn - Ngọc Sơn)	0	55	55	0	55

7	Vùng CN Hoàng Diệu	0	250	250	0	250
	Tổng	198	820	1018	150	1168

Bảng: Tổng hợp Dự báo phát triển công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh

STT	Sử dụng đất	Hiện Trạng	Tăng giảm	GĐ năm 2030	Tăng giảm	GĐ năm 2050
		(ha)	(ha)	(ha)	(ha)	(ha)
1	Đất phát triển công nghiệp	0	820	1018	150	1168
2	Cơ sở sản xuất kinh doanh phi NN	96,2	96,95	193,15	0	193,15

3. Định hướng phát triển thương mại – dịch vụ, du lịch

* Nội dung Điều chỉnh quy hoạch:

- Mở rộng khu dịch vụ thương mại phía Nam đường cao tốc HN-HP (thôn Tó TT. Gia Lộc; thôn Chuối, thôn Già xã Lê Lợi; thôn Điền Nhi xã Toàn Thắng); diện tích tăng thêm khoảng 60ha

- Quy hoạch Liên minh hợp tác xã tại khu vực thôn Tó (xã Toàn Thắng) và thôn Chuối (xã Lê Lợi); diện tích tăng thêm khoảng 17ha

- Điều chỉnh đất quy hoạch dịch vụ sinh thái phía Nam thôn Đồng Đức xã Thống Kênh thành đất khu ở sinh thái; diện tích giảm khoảng 50ha

- Điều chỉnh đất quy hoạch dịch vụ sinh thái phía Nam thôn Thảng xã Đoàn Thượng thành đất khu ở sinh thái; diện tích giảm khoảng 63ha

- Điều chỉnh đất dịch vụ sinh thái và thể thao khu vực xã Đức Xương, Thống Kênh, Đoàn Thượng (khoảng 300ha) thành đất thủy sản và đất ở mới.

- Điều chỉnh đất dịch vụ thương mại phía Đông thôn Phúc Tân, xã Gia Tân thành đất nông nghiệp; diện tích giảm khoảng 25ha

- Quy hoạch khu dịch vụ, thương mại tại thôn Quang Bị và thôn Cầu Lâm, xã Phạm Trấn; diện tích tăng thêm khoảng 12ha

- Quy hoạch khu dịch vụ, thương mại khu vực thôn Thung Độ và thôn Vĩnh Duệ (xã Đồng Quang, Đoàn Thượng, giáp sông Đĩnh Đào); diện tích tăng thêm khoảng 9ha

- Quy hoạch khu Trung tâm dịch vụ giải trí và thể thao tại phía Bắc thôn Ty xã Đoàn Thượng; diện tích tăng thêm khoảng 26ha

- Quy hoạch khu dịch vụ, thương mại phía Tây thôn Cao Duệ xã Nhật Tân (phía Nam ĐT392); diện tích tăng thêm khoảng 3ha

- Mở rộng đất dịch vụ thương mại phía Nam xã Gia Lương (trạm dừng chân tuyến cao tốc HN-HP) ; diện tích tăng thêm khoảng 13ha

- Các điều chỉnh khác: Mở rộng và quy hoạch một số điểm dịch vụ thương mại, chợ tại các xã đảm bảo tiêu chí nông thôn nâng cao.

3.1. Mục tiêu

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả du lịch, dịch vụ của tỉnh và của huyện, trong đó chú trọng phát triển các hoạt động thương mại, dịch vụ gắn với du lịch, văn hóa.

- Gắn kết các tuyến du lịch sinh thái gắn với quảng bá, phát triển các sản phẩm nông nghiệp (OCOP); Gắn kết các hoạt động thương mại, dịch vụ, văn hóa, thúc đẩy tiêu dùng.

- Tạo Liên kết bền vững chuỗi giá trị từ thương mại-du lịch-dịch vụ-sản xuất; đảm bảo nguồn cung hàng hóa có chất lượng tốt, hàng hóa có thương hiệu của huyện, hàng hóa phục vụ cho ngành du lịch.

3.2. Định hướng chung

- Phát triển các loại hình dịch vụ tài chính, ngân hàng, xuất nhập khẩu,... phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Phát triển thương mại rộng khắp theo hướng mở rộng quan hệ, gắn với thị trường trong và ngoài nước. Phát triển xuất khẩu, chú trọng đầu tư gia tăng sản phẩm chế biến, chế tạo, sản phẩm có công nghệ và hàm lượng chất xám cao.

- Phát triển dịch vụ, thương mại, du lịch theo hướng đa dạng các loại hình.

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của các ngành du lịch, dịch vụ và khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển ngành dịch vụ.

- Phát triển gắn liền với đảm bảo hiệu quả xã hội, tạo việc làm cho người lao động, bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh quốc phòng, trật tự xã hội.

3.2. Định hướng phát triển thương mại

- Phát triển thương mại, đảm bảo hàng hóa lưu thông thông suốt, chú trọng công tác tiếp thị và mở rộng thị trường để tiêu thụ sản phẩm nông thủy sản, tạo mọi điều kiện cho mọi thành phần kinh tế tham gia kinh doanh, củng cố thương nghiệp quốc doanh để đảm nhận vai trò hướng dẫn và liên kết các thành phần kinh tế trong hoạt động kinh doanh.

- Chú trọng khai thác các mặt hàng thực phẩm từ nông sản, thủy sản đã qua chế biến.

- Xây dựng ngành dịch vụ trở thành ngành quan trọng trong cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện, chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị sản xuất trên địa bàn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn một cách vững chắc.

- Phát triển hệ thống thương mại đồng bộ với hệ thống chợ truyền thống được sắp xếp, nâng cấp và hoàn thiện, đồng thời xây dựng mới một số trung tâm thương mại, siêu thị tại một số trung tâm tiểu vùng.

- Phát triển đồng bộ hệ thống dịch vụ hiện đại tại các khu đô thị, khu công nghiệp, bao gồm cả trung tâm mua sắm, khách sạn, dịch vụ và xây dựng trung tâm thương mại mới.

- Xây dựng hệ thống dịch vụ chất lượng cao và hàm lượng chất xám cao như dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ viễn thông chất lượng cao.

- Rà soát, bổ sung quy hoạch và phát triển khai xây dựng khu thương mại trung tâm huyện; nâng cấp chợ nông thôn ở các cụm xã, nâng cấp, mở rộng các cơ sở dịch vụ thương mại ở thị trấn và các chợ nông thôn. Tiến hành từng bước xây dựng các điểm dịch vụ - thương mại ở các xã.

- Mục tiêu phát triển của huyện đã được xác định trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội là phát triển nhanh, toàn diện và bền vững, nền kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp - dịch vụ; đồng thời, Gia Lộc sẽ trở thành đô thị hạt nhân trung tâm khu vực phía Nam của thành phố Hải Dương, trở thành đô thị loại IV.

Do vậy, để đáp ứng nhu cầu, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện và bối cảnh phát triển mới, quy hoạch phát triển thương mại trên địa bàn huyện từ nay đến năm 2030 như sau:

Mạng lưới chợ tại huyện Gia Lộc hiện cơ bản đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng hàng hóa của dân cư.

** Cửa hàng Xăng, Dầu*

Việc bố trí các cửa hàng Xăng, Dầu cần rà soát tính toán và cụ thể tại các bước lập quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và các quy hoạch ngành có liên quan. Khuyến nghị xây dựng tại vị trí xa khu vực dân cư, bố trí trên các trục giao thông chính và có không gian phát triển công nghiệp (khoảng cách tối thiểu bố trí khoảng 1,5- 2km/01 điểm)

** Mạng lưới chợ*

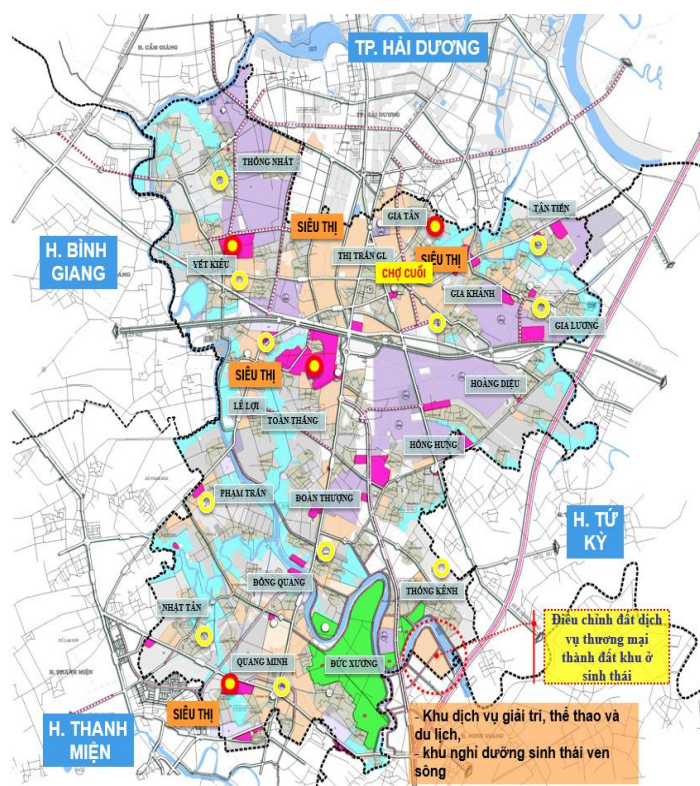
- Hiện trạng huyện Gia Lộc có 22 chợ, một số xã có 2-3 chợ, nhiều chợ không đảm bảo tiêu chí.

- Quan điểm: Duy trì và có nghiên cứu chỉnh trang và mở rộng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn; mỗi xã và thị trấn chỉ để 01 điểm chợ tập chung; diện tích tối thiểu 1.500m²/ điểm chợ.

** Trung tâm thương mại, Siêu thị, Dịch vụ*

- Phát triển các cửa hàng OCOP (mỗi xã, phường một sản phẩm). Giai đoạn đến năm 2030 tập trung xây mới trung tâm thương mại tại thị trấn Gia Lộc (Diện tích khoảng 3-5ha/khu), và hệ thống siêu thị (Diện tích tối thiểu 2.000m²/khu) tại các xã: Gia Tân, Thị trấn Gia Lộc, Quang Minh, Toàn Thắng.

- Giai đoạn từ năm 2030-2050 tính toán phát triển hệ thống siêu thị tại các đô thị mới thành lập cho phù hợp.



- Ưu tiên phát triển hệ thống dịch vụ - thương mại khu vực: các đô thị, góc giao lộ, trục không gian chính (Trục QL 38B, QL 37, Trục Bắc – Nam, Đường ô tô cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, các tuyến đường tỉnh, khu vực đông dân cư...)

3.4. Định hướng phát triển du lịch:

*** Mục tiêu.**

- Đảm bảo tính hiệu quả kinh tế và tính cạnh tranh để các doanh nghiệp và các điểm du lịch có khả năng tiếp tục phát triển phồn thịnh và đạt lợi nhuận lâu dài; Tăng tối đa đóng góp của du khách đối với sự phát triển của nền kinh tế địa phương tại các điểm du lịch, khu du lịch

- Tạo ra việc làm và nâng cao mức thu nhập: Tăng cường số lượng và chất lượng việc làm do ngành Du lịch tạo ra và được ngành Du lịch hỗ trợ.

- Đáp ứng sự thỏa mãn của khách du lịch: Cung cấp những dịch vụ an toàn, chất lượng thỏa mãn tối đa các nhu cầu của du khách; Thu hút xây dựng kế hoạch và đề ra các quyết định về quản lý và phát triển du lịch

- Bảo tồn các giá trị văn hóa: Tôn trọng và tăng cường giá trị các di sản lịch sử, bản sắc văn hóa dân tộc, truyền thống và những bản sắc đặc biệt của cộng đồng dân cư địa phương tại các điểm du lịch.

- Duy trì và nâng cao chất lượng của cảnh vật, kể cả ở nông thôn cũng như thành thị, tránh để môi trường xuống cấp.

- Phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, gắn với quy hoạch du lịch của tỉnh đồng thời căn cứ vào thế mạnh riêng để tạo ra các sản phẩm du lịch đặc sắc.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch.

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển của ngành du lịch theo hướng chuyên nghiệp hóa.

*** Xây dựng các tuyến du lịch:**

- Quy hoạch khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng tại vị trí phía Nam xã Đoàn Thượng và giáp sông Bắc Hưng Hải.

- Các tuyến du lịch chính sẽ là: Tham quan lễ hội đền Quát; Tham quan Đình –Đền – Chùa Đồng Bào; Tham quan phường rỗi nước Lê Lợi.

- Phát triển các sản phẩm du lịch bổ trợ: Tham quan Nhà tưởng niệm Lê Thanh Nghị; Tham quan đền Cuối, đền Đuôi; Tham quan làng nghề làm Giày dép da Hoàng Diệu; Tham quan câu lạc bộ nghệ thuật diễn xướng hầu Thánh; Du lịch nông nghiệp, sinh thái, trải nghiệm (giò, chả, làng nghề làm bún...)

- Phát triển dịch vụ văn hoá, giải trí, lưu trú, ăn uống, sửa chữa phương tiện giao thông nhằm đáp ứng nhu cầu cho khách du lịch, khách qua lại. Kết hợp hình thức dịch vụ xã hội hóa (có nghiên cứu kết hợp với hình thức dịch vụ tại khu dân cư hiện hữu).

- Phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Gắn kết các tuyến du lịch sinh thái với du lịch làng nghề trong huyện.

- Nghề mây tre đan ở Thị trấn Gia Lộc,

- Nghề thêu ren ở Yết Kiêu; thêu Ren xã Thống Kênh; Bún Đông Cạn, Tân Tiến; Nghề Mộc Đức Đại, Gò Tôn Yết Kiêu.

- Một số ngành nghề mới hình thành và phát triển như chế biến nông sản, xiên móc, thêu khung tranh, mộc...

Gắn kết các tuyến du lịch sinh thái với du lịch làng nghề đặc sắc khác trong tỉnh:

- Gốm Chu Đậu (Nam Sách).
- Thêu ren (Tứ Kỳ)
- Gỗ Đông Giao (Cẩm Giàng)...

Gắn kết với các di sản văn hóa phi vật thể: Các lễ hội dân gian.

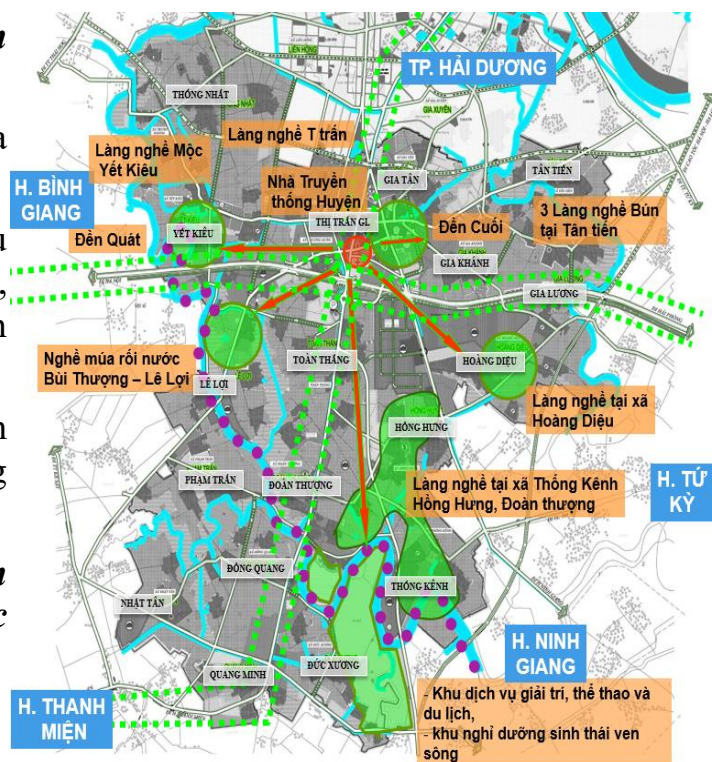
Gắn kết các địa điểm du lịch của huyện với các tuyến du lịch trong và ngoài tỉnh tạo nên những sản phẩm du lịch hấp dẫn:

- Khu du lịch sinh thái Đảo Cò xã Chi Lăng Nam (Thanh Miện).
- Đền Tranh (Ninh Giang).
- Văn miếu Mao Điền (Cẩm Giàng).
- Côn Sơn – Kiếp Bạc, các điểm du lịch tâm linh khác (Chí Linh).
- Du lịch sinh thái Sông Hương (Thanh Hà).
- Động Kính Chủ, đền Cao...(Kinh Môn).
- Và các điểm du lịch khác.

3.5. Định hướng phát triển các ngành dịch vụ khác.

- Phát triển dịch vụ vận tải trên các lĩnh vực cả đường bộ, đường sông, đảm bảo tiện lợi, thông suốt. Khuyến khích các thành phần kinh tế cùng tham gia phát triển dịch vụ vận tải. Nâng cao chất lượng, khối lượng và độ an toàn trong vận tải hành khách, hàng hóa trên tất cả các loại hình vận tải.

- Vận tải hành khách: Phát triển thêm một số tuyến xe khách liên tỉnh, chủ yếu là đi Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, nâng số đầu xe khách hoạt động trên địa bàn huyện để đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hoá và đi lại của hành khách. Nâng cấp chất lượng xe khách đảm bảo tiêu chuẩn.



- Vận tải hàng hoá: Dự kiến phát triển thêm xe ô tô vận tải, nâng tổng số đầu xe vận tải, đáp ứng nhu cầu vận tải ngày càng tăng.

- Nâng cấp và xây dựng mới hệ thống các bến xe đảm bảo cho nhu cầu sử dụng toàn huyện.

- Tài chính: Thực hiện đơn giản hoá thủ tục, rút ngắn thời gian kê khai và nộp thuế, bổ sung và thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách ngay từ đầu năm. Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc kê khai thuế, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp kê khai thuế không đúng, không đủ. Tăng cường xử lý các khoản nợ đọng thuế. Tổ chức đối thoại với các doanh nghiệp nhằm tháo gỡ kịp thời những khó khăn vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh, thực hiện chính sách thuế.

- Ngân hàng, tín dụng: Đẩy mạnh công tác huy động vốn, đáp ứng nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế. Phối hợp nâng cao chất lượng tín dụng, đảm bảo an toàn cho hoạt động ngân hàng, góp phần chuyển dịch cơ cấu và tăng trưởng kinh tế của huyện.

IV. QUY HOẠCH HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Hệ thống giáo dục và đào tạo

1.1. Mục tiêu.

Nền giáo dục được đổi mới căn bản và toàn diện theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế; chất lượng giáo dục được nâng cao một cách toàn diện, gồm: giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, năng lực sáng tạo, năng lực thực hành, năng lực ngoại ngữ và tin học; đáp ứng nhu cầu nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng nền kinh tế tri thức; đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục và cơ hội học tập suốt đời cho mỗi người dân, từng bước hình thành xã hội học tập.

1.2. Định hướng chính.

Bảng: Quy định về quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục

Loại công trình	Chỉ tiêu tối thiểu	Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	Bán kính phục vụ tối đa
1. Trường, điểm trường mầm non	50 cháu/1.000 dân	12 m ² /cháu	1 km
2. Trường, điểm trường tiểu học	65 học sinh/1.000 dân	10 m ² / học sinh	1 km
3. Trường trung học cơ sở	55 học sinh /1.000 dân	10 m ² / học sinh	1 km
4. Trường trung học phổ thông	40 học sinh /1.000 dân	10 m ² / học sinh	

Hệ thống phòng học, làm việc, phòng chức năng, công trình phụ trợ trong các nhà trường đảm bảo đủ theo quy định (*Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*).

Như vậy, tính đến năm 2050 Diện tích cho đất giáo dục của toàn huyện Gia Lộc tối thiểu cần khoảng 41ha.

Hình thành từ 1-2 điểm trường THPT khu vực phía Nam của huyện (khu vực xã Đồng Quang, Quang Minh...) để đáp ứng nhu cầu dạy và học trong tương lai.

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, quan tâm nâng cao chất lượng giáo dục đại trà ở các cấp học, bậc học. Đồng thời tạo điều kiện hỗ trợ cho giáo dục mũi nhọn; Quan tâm hơn nữa đến các trường mầm non như đầu tư cơ sở vật chất, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, bảo đảm chế độ hỗ trợ đối với giáo viên mầm non theo quy định của tỉnh. Phát động mạnh mẽ phong trào thi đua xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

2. Hệ thống y tế, bảo vệ sức khỏe

Điều chỉnh:

- Quy hoạch trung tâm y tế đa chức mới tại vị trí phía Bắc thôn Già (giáp hành lang QL38B và đường 62m)

- Quy hoạch mới 03 bệnh viện, vị trí tại các xã: Yết Kiêu, Hồng Hưng, Quang Minh.

2.1. Mục tiêu

Bảo đảm mọi người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, mở rộng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng. Người dân được sống trong cộng đồng an toàn, phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, nâng cao chất lượng dân số.

Đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính, phát triển nguồn nhân lực để nâng cao năng lực cung ứng và chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở; bảo đảm cung ứng đầy đủ các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh; cung ứng dịch vụ theo hướng toàn diện, liên tục, phối hợp và lồng ghép chặt chẽ giữa dự phòng và điều trị, giữa các cơ sở y tế trên địa bàn và với tuyến trên, góp phần giảm quá tải cho các bệnh viện tuyến trên.

2.2. Định hướng chính.

- 100% xã đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã.

- 100% dân số được quản lý, theo dõi sức khỏe điện tử.

- Tuyến huyện: Bác sỹ đạt tối thiểu 25% tổng số nhân lực, thực hiện tối thiểu 90% danh mục dịch vụ kỹ thuật theo phân tuyến.

- Trạm y tế xã: 100% trạm y tế có bác sỹ công tác thường xuyên, 100% trạm y tế khám Bảo hiểm y tế; bình quân mỗi trạm y tế thực hiện tối thiểu 90% danh mục kỹ thuật theo phân tuyến.

- Phát triển nguồn nhân lực y tế cân đối và hợp lý. Tăng cường đào tạo bác sỹ chuyên khoa, liên thông đại học điều dưỡng; Phối kết hợp giữa các đơn vị y tế trong huyện tổ chức tập huấn chuyên môn cho cộng tác viên dân số, cán bộ y tế thôn bản...

- Nâng cao năng lực quản lý, thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu Quốc gia, các chương trình, mục tiêu của tỉnh.

- Xã hội hoá công tác y tế: Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền trong việc thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia, chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân địa phương. Có sự tham gia của các ban, ngành, đoàn thể trong việc phối hợp với ngành y tế thực hiện kế hoạch. Huy động sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức xã hội trong các hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

- Phát huy những hiệu quả đã đạt được trong thời gian qua, chủ động khắc phục những mặt yếu kém tồn tại. Từng bước củng cố, phát triển mạng lưới y tế cơ sở, nâng cao chất lượng đảm bảo nhân dân được tiếp cận các dịch vụ y tế có chất lượng ngày càng cao, nhu cầu CSSK của người dân được đáp ứng đầy đủ.

- Chinh trang và hiện đại hóa các cơ sở y tế trong vùng. Bên cạnh đó tăng cường quản lý hành nghề y dược tư nhân. Kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại. Đặc biệt coi trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ.

3. Hệ thống trung tâm hành chính huyện, công trình văn hóa - thể dục thể thao:

Điều chỉnh: Di chuyển trụ sở UBND huyện, Huyện uỷ ra vị trí mới (tại vị trí nút giao giữa ĐT393 và đường 62m; quy mô dự kiến khoảng 5ha);

3.1. Mục tiêu.

- Nâng cao nhận thức của toàn Đảng, toàn dân, của các cấp, các ngành, huy động sức mạnh của toàn xã hội tham gia, đóng góp vào sự nghiệp phát triển văn hóa.

- Bảo tồn các di sản văn hóa và phục vụ việc thực hiện những nhiệm vụ chính trị quan trọng của Đảng và Nhà nước.

- Tiếp tục phát huy kết quả đã đạt được trong việc xây dựng và phát triển văn hóa, thể thao cơ sở. Xóa các điểm trắng về văn hóa, xây dựng những điểm sáng về văn hóa trên các mặt, trên các lĩnh vực của đời sống tinh thần.

3.2. Định hướng chính.

- *Phù hợp Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 v/v Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030.*

- Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ cộng đồng trên địa bàn Huyện phải đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân như: Trung tâm văn hóa thể thao của huyện (Bể bơi, công viên, các khu vui chơi giải trí, Rạp chiếu phim...); Trung tâm văn hóa- thể thao các xã và Nhà văn hóa- khu thể thao tại các thôn.

- Đầu tư phát triển các loại hình nghệ thuật truyền thống.

- Chống xuống cấp, tu bổ và tôn tạo di tích.

- Xây dựng thiết chế văn hóa, sân tập thể thao cấp xã và cấp các làng, thôn đảm bảo theo đúng tiêu chí nông thôn nâng cao. Hỗ trợ trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa đối với các nhà, hội trường sinh hoạt đa năng của các xã.

- Đầu tư, thiết bị hoạt động văn hóa cho nhà văn hóa các cấp và các đội thông tin lưu động, cấp trang thiết bị hoạt động văn hóa cho các xã. Hỗ trợ sách và thiết bị, đào tạo cán bộ cho thư viện. Đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ công tác tại các thiết chế văn hóa thể thao các cấp

- Xây dựng thêm tổ hợp: Trung tâm VH TT, Quảng Trường, công viên, rạp chiếu phim, cung VH thiếu nhi...và các hạng mục giải trí khác tại các vị trí sau: Khu phía Nam xã Thống Kênh (khu vực trục giao thông Bắc – Nam); Khu phía Tây Thị trấn Gia Lộc.

4. Dự báo quy mô đất đai toàn huyện.

Bảng: Dự báo về quy mô đất đai

STT	Chỉ tiêu	Hiện trạng <i>ha</i>	Tăng giảm <i>ha</i>	Quy hoạch đến 2030 <i>ha</i>	Tăng giảm <i>ha</i>	Quy hoạch đến 2050 <i>ha</i>
Tổng Diện tích tự nhiên		9971,1	0	9971,1	0	9971,1
I	Đất nông nghiệp	6587,5	-2612,03	3975,47	-1000,01	2975,46
1	Đất trồng lúa, rau màu	4779,3	-2104,54	2674,76	-905,22	1769,54
2	Đất trồng cây hàng năm khác	92,9	-35,24	57,66	-5,07	52,59
3	Đất trồng cây lâu năm	455,5	-192,53	262,97	-52,48	210,49
4	Đất nuôi trồng thủy sản	1251,7	-301,72	949,98	-37,24	912,74
5	Đất nông nghiệp khác	8,1	22	30,1	0	30,1
II	Đất phi nông nghiệp	3383,6	2612,03	5995,63	1000,01	6995,64
1	Đất khu ở	1045,8	861	1906,8	625	2531,8
2	Đất công nghiệp, cơ sở sx PNN	294,2	916,95	1211,15	150	1361,15
<i>a</i>	<i>Đất công nghiệp</i>	<i>198</i>	<i>820</i>	<i>1018</i>	<i>150</i>	<i>1168</i>
<i>b</i>	<i>Đất cơ sở sx PNN</i>	<i>96,2</i>	<i>96,95</i>	<i>193,15</i>	<i>0</i>	<i>193,15</i>
3	Đất quốc phòng, an ninh	1,8	20,08	21,88	0	21,88
4	Đất thương mại dịch vụ	23,45	409	432,45	33,5	465,95
5	Đất xây dựng TSCQ, cơ sở nghiệp	122,2	13,15	135,35	0	135,35
6	Đất tôn giáo, Đất tín ngưỡng	35,3	7,6	42,9	0	42,9
7	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	111,4	40	151,4	3,46	154,86
8	Đất có mục đích công cộng (giao thông, thủy lợi, năng lượng, bưu chính viễn thông...)	1367,55	384	1751,55	204	1955,55
9	Sông ngòi, kênh rạch	369,1	-37,41	331,69	-15,21	316,48
10	Mặt nước chuyên dùng	10,8	-2,34	8,46	-0,74	7,72
11	Đất phi nông nghiệp khác	2	0	2	0	2

Tổng hợp điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất

STT	Chỉ tiêu	Quy hoạch đến năm 2030			Quy hoạch đến năm 250		
		Đã duyệt (ha)	Chênh lệch (ha)	Điều chỉnh (ha)	Đã duyệt đến năm 2040(ha)	Chênh lệch (ha)	Điều chỉnh đến năm 2050(ha)
Tổng Diện tích tự nhiên		9970,63	0,47	9971,1	9970,63	0,47	9971,1
I	Đất nông nghiệp	5113,83	-1138,36	3975,47	4752,7	-1777,24	2975,46
1	Đất trồng lúa, rau màu	3864,87	-1190,11	2674,76	3558,53	-1788,99	1769,54
2	Đất trồng cây hàng năm khác	23,03	34,63	57,66	17,95	34,64	52,59

3	Đất trồng cây lâu năm	279,34	-16,37	262,97	274,86	-64,37	210,49
4	Đất nuôi trồng thủy sản	925,35	24,63	949,98	898,01	14,73	912,74
5	Đất nông nghiệp khác	3,55	26,55	30,1	3,55	26,55	30,1
II	Đất phi nông nghiệp	4856,8	1138,83	5995,63	5217,93	1777,71	6995,64
1	Đất khu ở	1288,85	617,95	1906,8	1544,26	987,54	2531,8
2	Đất công nghiệp, cơ sở sx PNN	771,4	439,75	1211,15	771,4	589,75	1361,15
<i>a</i>	<i>Đất công nghiệp</i>	<i>609,4</i>	<i>408,6</i>	<i>1018</i>	<i>609,4</i>	<i>558,6</i>	<i>1168</i>
<i>b</i>	<i>Đất cơ sở sx PNN</i>	<i>162</i>	<i>31,15</i>	<i>193,15</i>	<i>162</i>	<i>31,15</i>	<i>193,15</i>
3	Đất quốc phòng, an ninh	3,39	18,49	21,88	3,39	18,49	21,88
4	Đất thương mại dịch vụ	453,45	-21	432,45	478,45	-12,5	465,95
5	Đất xây dựng TSCQ, ct sự nghiệp	25,69	109,66	135,35	25,69	109,66	135,35
6	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	30,11	12,79	42,9	30,11	12,79	42,9
7	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	125,23	26,17	151,4	128,69	26,17	154,86
8	Đất có mục đích công cộng (giao thông, thủy lợi, năng lượng, bưu chính viễn thông...)	1781,97	-30,42	1751,55	1859,97	95,58	1955,55
9	Sông ngòi, kênh rạch	364,72	-33,03	331,69	364,72	-48,24	316,48
10	Mặt nước chuyên dùng	11,18	-2,72	8,46	10,44	-2,72	7,72
11	Đất phi nông nghiệp khác	0,81	1,19	2	0,81	1,19	2

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Quy hoạch hệ thống giao thông

* Nội dung điều chỉnh:

- Điều chỉnh hướng tuyến và quy mô đường vành đai II TP Hải Dương. Đoạn qua địa bàn huyện Gia Lộc đường vành đai II thành phố đi áp sát hai bên đường cao tốc HN-HP.

- Điều chỉnh bỏ phương án tuyến đường sắt cao tốc đi qua khu công nghiệp Gia Lộc và KCN Hoàng Diệu; lựa chọn phương án tuyến chạy sát đường gom tuyến cao tốc HN- HP.

- Quy hoạch tuyến QL38B kéo dài theo quy hoạch vùng Thủ Đô.

- Quy hoạch điều chỉnh đoạn tuyến ĐT393 kết nối với nút giao cao tốc.

- Điều chỉnh hướng tuyến đường quy hoạch kết nối Toàn Thắng, Lê Lợi, đi huyện Bình Giang, vị trí điểm đầu tại nút giao trục Bắc Nam – QL 38B.

- Kéo dài đường liên kết trục Bắc Nam với đường gom cao tốc HN-HP xuyên qua KCN Gia Lộc và KCN Hoàng Diệu.

- Điều chỉnh đường tránh QL37 nối từ đường Vành đai I TP Hải Dương đến đường gom cao tốc HN-HP.

- Quy hoạch tuyến giao thông phía tây xã Quang Minh, nối từ chân cầu Trảng Thưa xuống nút giao ĐT 399 – QL 38B.

- Quy hoạch đường từ phân khu 345 chạy qua xã Yết Kiêu sang huyện Bình Giang.

- Quy hoạch, cải tạo mở rộng một số đoạn tuyến bờ vùng chạy ven sông Đĩnh Đào nhằm khai thác tiềm năng phát triển du lịch sinh thái.

- Quy hoạch, nắn tuyến một số đoạn tuyến đường huyện.

- Cập nhật các quy hoạch liên quan, điều chỉnh và khớp nối một số hướng tuyến giao thông với các vùng lân cận.

- Điều chỉnh vị trí bến xe.

1.1. Giao thông đường bộ:

a) Cao tốc Hà Nội – Hải Phòng:

Cao tốc loại A, tốc độ thiết kế 120 km/h nền đường rộng 33m với 6 làn xe chạy, hai làn dừng xe khẩn cấp, dải phân cách cứng ở giữa. Đường gom cao tốc có quy mô: mặt đường rộng 15m, vỉa hè 5m.

b) Đường Vành đai V- Hà Nội:

Theo Quyết định số 561/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/04/2014 Phê duyệt quy hoạch chi tiết đường Vành đai 5 – Vùng Thủ đô Hà Nội, đoạn qua địa bàn huyện Gia Lộc có quy mô: Cao tốc 6 làn xe, có đường gom hai bên (Tiêu chuẩn đường cao tốc TCVN5729-2012), Bn = 33m.

c) Quốc lộ:

- Quốc lộ 37, Quốc lộ 38B, đoạn QL38B kéo dài (theo quy hoạch vùng thủ đô): Quy mô đường cấp III đồng bằng, HLGT là 45m, nền đường 12m.

Để hạn chế đầu nối với Quốc lộ, các khu dân cư, đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung phải đầu tư đường gom nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ với quy mô tối thiểu là 12,5m (mặt đường 7,5m + vỉa hè 5m). Trường hợp bất khả kháng, có thể xem xét bố trí đường gom nằm trong hành lang an toàn đường bộ nhưng phải được Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận. Đường gom đầu nối với Quốc lộ tại các vị trí theo quy hoạch được Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận, UBND tỉnh phê duyệt.

d) Đường trục Bắc Nam tỉnh Hải Dương:

Đường trục Bắc-Nam tỉnh Hải Dương quy mô là đường cấp II đồng bằng, lộ giới 89m (cả HLGT và đường gom), Bn = 24m.

e) Đường vành đai I Tp Hải Dương:

- Đường vành đai I TP Hải Dương cắt qua phía bắc xã Thống Nhất, quy mô đường cấp II đồng bằng, mặt cắt xác định theo quy hoạch chung TP Hải Dương.

f) Đường vành đai II Tp Hải Dương:

- Điều chỉnh hướng tuyến và quy mô đường vành đai II TP Hải Dương. Đoạn qua địa bàn huyện Gia Lộc đường vành đai II đi áp sát hai bên đường cao tốc HN-HP, quy mô mặt đường mỗi chiều đi rộng 15m.

g) Các tuyến đường đường tỉnh 392, 393 và 395:

Cải tạo mở rộng các tuyến đường tỉnh đạt quy mô đường cấp III đồng bằng, quy mô đường cụ thể: Giới hạn hành lang an toàn đường bộ là 45m, gồm: Nền đường 12m, taluy 2x1,5m, đất của đường bộ 2x2m, đất hành lang an toàn đường bộ 2x13m.

- Đối với các đoạn qua khu dân cư hiện trạng mà không còn quỹ đất, khó khăn về mặt bằng (dân cư đã xây nhà kiên cố hợp pháp dọc hai bên đường theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất): Quy hoạch theo đường đô thị, gồm nền đường và vỉa hè hai bên, Mặt cắt tối thiểu 33m (mặt đường 2x11m; dải phân cách giữa 1m; vỉa hè 2x5m).

- Đối với các đoạn đi qua khu vực quy hoạch sử dụng đất mới (đất dân cư mới, khu cụm công nghiệp, thương mại dịch vụ, công trình công cộng,...): Bố trí đường gom nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ với quy mô tối thiểu là 12,5m (mặt đường 7,5m + vỉa hè 5m). Trường hợp bất khả kháng, có thể xem xét bố trí đường gom nằm trong hành lang an toàn đường bộ nhưng phải được cấp thẩm quyền cho phép.

h) Các tuyến đường huyện quản lý:

- Cải tạo mở rộng các tuyến đường huyện hiện có đạt quy mô đường cấp IV đồng bằng, quy mô đường cụ thể: Giới hạn hành lang an toàn đường bộ là 32m, gồm: Nền đường 9m, taluy 2x1,5m, đất của đường bộ 2x1m, đất hành lang an toàn đường bộ 2x9m.

- Các tuyến đường cải tạo, nâng cấp, quy hoạch mới:

+ Đường liên kết trục Bắc-Nam nối với khu động lực huyện Bình Giang: quy mô đường cấp III đồng bằng.

+ Đường liên kết trục Bắc-Nam nối với đường gom cao tốc HN-HP xuyên qua KCN Gia Lộc và KCN Hoàng Diệu: quy mô đường cấp III đồng bằng.

+ Đường tránh QL37 nối từ đường Vành đai I TP Hải Dương đến đường gom cao tốc HN-HP: đường đô thị, quy mô đường đôi có dải phân cách giữa, mặt cắt rộng 34m.

Bảng các tuyến giao thông chính trên địa bàn huyện Gia Lộc

STT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Mặt cắt đường (m)	Rộng nền đường (m)	Cấp thiết kế của đường	Ghi chú
I	Đường do TW quản lý							
1	Cao tốc HN-HP	Km44+800	Km54+400	9,6	116	33	Cao tốc loại A	Mặt cắt gồm cả đường gom 2 bên (15m+5m)

2	Quốc lộ 37	Km42+100 (Hồng Hưng)	Km44+700 (Thị trấn Gia Lộc)	2,6	45	12	Cấp III đồng bằng	
		Km44+700 (Thị trấn Gia Lộc)	Km48+00 (Gia Tân)	3,3				
3	Quốc lộ 38B	Km0+000 (Thị trấn Gia Lộc)	Km12+000 (Quang Minh)	12	45	12	Cấp III đồng bằng	
4	Đường Vành đai V - Vùng thủ đô Hà Nội	Xã Hoàng Diệu	Xã Hoàng Diệu	1,3		33	Cao tốc 6 làn xe	Quyết định số 561/QĐ-TTg, ngày 18/04/2014
II Đường do Tỉnh quản lý								
1	ĐT 392	Km16+130 (Nhật Tân)	Km22+600 (Đức Xương)	6,47	25-33	15-22 (Mặt đường)	Cấp III đồng bằng	Đoạn qua khu dân cư hiện trạng
					45	12		Các đoạn còn lại
2	ĐT 393	Km2+500 (Phương Hưng)	Km8+500 (Phạm Trán)	6,0	25-33	15-22 (Mặt đường)	Cấp III đồng bằng	Đoạn qua khu dân cư hiện trạng
					45	12		Các đoạn còn lại
3	ĐT 395	Km1+345 (Tân Tiến)	Km13+850 (Trùng Khánh)	12,5	25-33	15-22 (Mặt đường)	Cấp III đồng bằng	Đoạn qua khu dân cư hiện trạng
					45	12		Các đoạn còn lại
4	Đường vành đai I TP Hải Dương	Xã Thống Nhất	Xã Thống Nhất	0,7			Cấp II đồng bằng	Đường đô thị
5	Đường vành đai II TP Hải Dương	Xã Yết Kiêu	Xã Gia Lương	9,6	Quy mô mặt đường mỗi chiều đi rộng 15m.		Cấp II đồng bằng	Đi áp sát 2 bên đường cao tốc HN-HP.
6	Đường trục Bắc-Nam tỉnh Hải Dương	Xã Toàn Thắng (điểm giao QL 38B)	Xã Thống Kênh (cầu Hồng Đức)	6,3	67	24	Cấp II đồng bằng	
III Đường do huyện quản lý								
1	Tuyến 191C	QL 38B	Cầu Cờ	8,0	32	9	Cấp IV đồng bằng	
2	Tuyến 191D	Tỉnh lộ 395 (Thị trấn)	Đ.191C (Hoàng Diệu)	6,9	32	9	Cấp IV đồng bằng	
3	Tuyến 39E	Tỉnh lộ 395 (Gia Tân)	Giáp Gia Xuyên	2,1	32	9	Cấp IV đồng bằng	
4	Tuyến 39H	Tỉnh lộ 395 (Cao Dương)	Cầu Sồi (giáp Tứ Kỳ)	3,8	32	9	Cấp IV đồng bằng	
5	Tuyến 20C	QL 38B (Đồng Quang)	Tỉnh lộ 392 (Nhật Tân)	4,1	32	9	Cấp IV đồng bằng	
6	Tuyến Gia Xuyên - Trùng Khánh	Công Viên Cây	Tỉnh lộ 395 (Trùng Khánh)	5,25	32	9	Cấp IV đồng bằng	

7	Tuyến Thạch Khôi - Thống Nhất	Giáp Liên Hồng	Đồ Ty (Thống Nhất)	0,55	32	9	Cấp IV đồng bằng	
8	Tuyến Yết Kiêu - Cổ Bì	Tỉnh lộ 395 (Chợ Buộm)	Cầu phao Ô Xuyên	2,50	32	9	Cấp IV đồng bằng	
9	Tuyến 393	Chợ Cuối	Đường gom cao tốc	2,40	32	9	Cấp IV đồng bằng	
10	Tuyến tránh 399 (Quang Minh)	Km21+800	Km22+940	1,14	32	9	Cấp IV đồng bằng	
11	ĐH11	Hồng Hưng	Thống Kênh	3,5	32	9	Cấp IV đồng bằng	
12	Đường liên kết trục B-N với khu động lực Bình Giang	Nút giao QL 38B-trục Bắc Nam	Xã Lê Lợi	3,1			Cấp III đồng bằng	
13	Đường liên kết trục B-N với đường gom cao tốc HN-HP qua KCN Gia Lộc, KCN Hoàng Diệu	Đường trục Bắc-Nam (xã Toàn Thắng)	Đường gom cao tốc HN-HP (xã Hoàng Diệu)	4,5			Cấp III đồng bằng	
14	Đường tránh QL 37 nối VĐ I TP Hải Dương đến đường gom cao tốc HN-HP	Xã Gia Tân	Đường gom CT	3,4	34			Đường đô thị (Đường đôi có dải phân cách giữa)
15	Tuyến phía tây xã Quang Minh	Xã Đồng Quang (QL 38B)	Xã Quang Minh	3,8			Cấp III đồng bằng	
16	Đường từ trung tâm xã Yết Kiêu kết nối với VĐ I TP Hải Dương	Xã Yết Kiêu	Xã Thống Nhất	3,5			Cấp III đồng bằng	
17	Đường từ phân khu 345 qua xã Yết Kiêu sang huyện Bình Giang	TT Gia Lộc	Xã Yết Kiêu	4,2			Cấp III đồng bằng	
18	Các tuyến giao thông ven sông Đĩnh Đào						Cấp IV đồng bằng	
IV Đường do xã quản lý								
1	Các tuyến đường xã, thôn xóm, trục ra đồng					7,5	Cấp IV đồng bằng	
V Đường sắt								
1	Đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng	Xã Yết Kiêu	Xã Hoàng Diệu	10,7	65	20	Đường sắt đôi, khổ 1,435 mm	Quyết định số 1769/QĐ-TTg, ngày 19/10/2021

+ Tuyến giao thông phía tây xã Quang Minh, nối từ chân cầu Trảng Thưa xuống nút giao ĐT 399 – QL 38B: quy mô đường cấp III đồng bằng.

+ Đường từ trung tâm xã Yết Kiêu qua xã Thống Nhất kết nối với đường Vành đai I TP Hải Dương: quy mô đường cấp III đồng bằng.

+ Đường từ phân khu 345 chạy qua xã Yết Kiêu sang huyện Bình Giang: quy mô đường cấp III đồng bằng.

+ Các tuyến giao thông ven sông:

Quy hoạch, cải tạo mở rộng một số đoạn tuyến bờ vùng chạy ven sông Đĩnh Đào nhằm phục vụ các hoạt động du lịch và vận tải: Quy mô đường cấp IV đồng bằng (đường giao thông kết hợp bờ vùng ven sông).

+ Ngoài ra còn có một số đoạn tuyến ngắn quy hoạch mới để kéo dài, nối tuyến các tuyến đường huyện hiện có hoặc kết nối các tuyến đường với nhau.

i) Các tuyến đường xã:

- Các tuyến đường xã, thôn xóm, trục ra đồng đạt quy mô cấp V đồng bằng ($B_m=5,5m$; $B_n=7,5m$).

1.2. Giao thông tỉnh:

- Di chuyển vị trí quy hoạch bến xe loại I sang phía đối diện so với quy hoạch đã duyệt (Vị trí mới tại phía Đông QL38B, diện tích 3ha) tại địa bàn xã Toàn Thắng, huyện Gia Lộc, gần khu vực nút giao giữa quốc lộ 38B và đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng.

- Bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã, thị trấn dọc theo quốc lộ 37, 38B, đường tỉnh 392, 393, 395, và các tuyến trục chính trong huyện (sẽ cụ thể tại nội dung quy hoạch chung đô thị và nông thôn)

1.3. Giao thông đường sắt:

Theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021, quy hoạch mới tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng đoạn đi qua địa bàn huyện Gia Lộc có chiều dài khoảng 10,7km. Dự kiến tuyến đường sắt đi qua các xã: Yết Kiêu, Lê Lợi, Phương Hưng, TT Gia Lộc, Gia Khánh, Hoàng Diệu và cơ bản tuyến đường sắt chạy song song, tiếp giáp đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng.

Quy mô: Đường đôi, khổ 1.435 mm; mặt cắt tối thiểu 65m, gồm: nền đường sắt 20m + đất bảo vệ công trình đường sắt 2x7,5m + hành lang 2x15m. Đồng thời bố trí đường gom tiếp giáp hành lang đường sắt với quy mô tối thiểu là 12,5m (mặt đường 7,5m + vỉa hè 5m).

1.4. Giao thông đường thủy:

- Vị trí các bến thủy nội địa được quy hoạch, thực hiện theo Quyết định số 2956/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt quy hoạch hệ thống bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt bổ sung bến thủy nội địa vào quy hoạch hệ thống bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Hải Dương đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Cụm cảng, cụm bến phải đảm bảo: Không vi phạm hành lang luồng, hành lang các công trình điện cao thế, hành lang kênh dẫn cấp nguồn cho nhà máy

nước sạch, an toàn giao thông (không bố trí trên đoạn sông cong, bán kính luồng hẹp).

- Cải tạo các bến thủy nội địa phục vụ nhu cầu vận tải hàng hóa và hành khách:

- + Km17+800 bên phải sông Đĩnh Đào, thuộc thôn Đông Thụ, xã Đồng Quang.

- + Km17+700 bên trái sông Đĩnh Đào, thuộc xã Đoàn Thượng.

- + Km22+300 đến K22+450 bên trái sông Đĩnh Đào, thuộc thôn Bùi Thượng, xã Lê Lợi.

- + Km21+910 đến Km22+110 bên trái sông Đĩnh Đào, thuộc thôn Bùi Thượng, xã Lê Lợi.

2. Chuẩn bị kỹ thuật

2.1. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật

Chuẩn bị nền đất trên cơ sở tôn trọng nền đất tự nhiên, xây dựng đô thị, công nghiệp là ưu tiên hàng đầu với nguyên tắc :

- Không bị ngập lụt, úng ngập.

- Không bị hoặc hạn chế mức thấp nhất ảnh hưởng của các tai biến địa chất, có môi trường địa chất tốt.

- Đảm bảo mọi yêu cầu kỹ thuật xây dựng phù hợp yêu cầu của các khu chức năng đô thị khác nhau.

2.2. Giải pháp kỹ thuật:

Đối với các khu vực đã xây dựng và có mật độ xây dựng cao, các làng xóm dự kiến đô thị hoá ở các thị trấn khác:

- Công trình mới xây dựng nền đất phải có cao độ phù hợp với cao độ xung quanh.

- Khi lấp các ao hồ nhỏ nằm trong khu đô thị cũ cần tôn nền đến cao độ sao cho tương thích với xung quanh.

- Đối với khu vực dự kiến phát triển phải căn cứ vào điều kiện thủy văn khu vực xây dựng kể cả việc ảnh hưởng thủy triều sông Kim Sơn, sông Đĩnh Đào và sông Đồng Tràng, căn cứ vào chế độ ngập của hệ thống kênh mương nội đồng để không chế độ cao nền đất xây dựng thích hợp với từng loại khu chức năng công nghiệp.

- Tôn nền những khu vực phát triển: Tùy theo từng khu vực có nền hiện trạng cao hay thấp để tôn cao độ nền đạt mức thiết kế. Hướng dốc nền để nghiêng về các đường phố và các kênh tiêu. Nguồn đắp tận dụng tối đa đất đào hồ, kênh, nạo vét sông ngòi, cát sông, đất san gạt đồi núi... để cân bằng đào đắp.

- Cao độ nền xây dựng khống chế cho các khu xây dựng mới xác định theo cốt tim của các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh và đường huyện.

- Cốt tim đường các tuyến đường QL 38B, QL 37, đường tỉnh 390, 390B, 390C và 390E trong khoảng từ +3.0m đến +4.0m.

3. Quy hoạch hệ thống thoát nước mặt.

3.1. Phân chia lưu vực thoát nước:

- Toàn bộ huyện Gia Lộc được chia làm 04 lưu vực thoát nước chính:

+ **Lưu vực 1:** Khu vực phía Tây QL 38B, thoát ra Sông Kim Sơn, sông Đĩnh Đào và Kênh Thạch Khôi – Đoàn Thượng.

Gồm các xã: Thống Nhất, Yết Kiêu, Lê Lợi, Phương Hưng và một phần các xã: Toàn Thắng; Đoàn Thượng; TT Gia Lộc.

+ **Lưu vực 2:** Khu vực phía Đông đường QL 37, thoát ra kênh Kênh Chùa So – Quảng Giang và sông Đông Trảng.

Gồm các xã: Gia Tân, Tân Tiến, Gia Khánh, Gia Lương, Hoàng Diệu,

+ **Lưu vực 3:** Khu vực nằm giữa QL 38B và QL 37 xuống đến sông Đĩnh Đào, thoát ra Kênh Thạch Khôi – Đoàn Thượng, Kênh Chùa So – Quảng Giang và sông Đĩnh Đào.

Gồm các xã: Hồng Hưng, Thống Kênh và một phần các xã: Toàn Thắng; Đoàn Thượng; TT Gia Lộc.

+ **Lưu vực 4:** Khu vực phía Nam sông Đĩnh Đào, thoát ra sông Đĩnh Đào, kênh Quang Tiên và kênh Hồng Đức.

Gồm các xã: Phạm Trấn, Đồng Quang, Nhật Tân, Quang Minh, Đức Xương.

- Trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cần xác định các tuyến kênh đền trả phù hợp, đảm bảo tiêu thoát nước được liên tục, thuận lợi và phù hợp với hiện trạng.

3.2. Hệ thống trạm bơm tưới, tiêu chính:

Huyện Gia Lộc có các công tưới tiêu chính là: Công Đoàn Thượng, công Ngọc Lặc, công Chênh, công Khuông Phụ, công Bùi Hạ, công Hồng Hưng, công Quang Tiên, công Đôn Thư và công Quán Phe. Các công này đều tốt, vận hành bình thường.

Bảng danh sách các trạm bơm tiêu chính

TT	Tên trạm bơm	Địa điểm xây dựng	Chức năng	Công suất m ³ /h	DT tưới (ha)	DT tiêu (ha)	Lấy nước từ sông	Tiêu ra sông
Huyện Gia Lộc								
1	Đoàn Thượng (tiêu)	Đoàn Thượng	Tiêu	56,000		2,270		S. Đĩnh Đào
2	Bùi Hạ	Lê Lợi	Kết hợp tưới, tiêu	13,400	79.53	455	Sông Đĩnh Đào	S. Đĩnh Đào
3	Khuông Phụ	Yết Kiêu	Tiêu	27,500		1,300		S. Đĩnh Đào
4	Quang Tiên	Đồng Quang	Tiêu	25,000		1,130		S. Đĩnh Đào
5	Chênh	Trùng Khánh	Kết hợp tưới, tiêu	12,500	55.39	555	Sông Đĩnh Đào	S. Đĩnh Đào

6	Hồng Hưng A	Thống Kênh	Kết hợp tưới, tiêu	7,500	134.12		S. Đĩnh Đào	S. Đĩnh Đào
7	Hồng Hưng B	Hồng Hưng	Kết hợp tưới, tiêu	20,000	19.00	1,180	Sông Đĩnh Đào	S. Đĩnh Đào
8	Thống Kênh	Thống Kênh	Kết hợp tưới, tiêu	5,000	26.00	211	Sông Đĩnh Đào	S. Đĩnh Đào
9	Đò Ty	Thống Nhất	Kết hợp tưới, tiêu	5,200	184.48		S. Kim Sơn	S. Kim Sơn
10	Đồng Quang	Đồng Quang	Tiêu	28.000		9500		S. Đĩnh Đào
Thành phố Hải Dương								
2	Đồng Bào(tiêu)	Gia Xuyên	Tiêu	8,000		350		S. Đồng Trảng
4	Thanh Xá	Liên Hồng	Tiêu	20,000		980		S. Kim Sơn

3.3. Phương án quy hoạch, cải tạo.

- Cải tạo, nâng công suất các trạm bơm như: Hồng Hưng B, Gia Lương, Trùng Khánh, Thống Kênh, Thanh Niên A, Đức Xương, Cao Duệ, Cống Đôn.
- Cải tạo các cống: Khuông Phụ, Bùi Hạ, Quang Tiên, Hồng Hưng.
- Kè lát mái tiếp kênh: Thạch Khôi - Đoàn Thượng.
- Kiên cố kênh tưới các trạm bơm: Đoàn Thượng, Hoàng Diệu, Thanh Niên A, Điền Nhi, Gia Hòa, Đò Ty.
- Khai thông dòng chảy các sông: Đĩnh Đào, Đồng Trảng; Các tuyến kênh chính: Thạch Khôi – Đoàn Thượng, Chùa so – Quảng Giang, Quang Tiên và kênh Hồng Đức nhằm thoát lũ nhanh và kết hợp giao thông vận tải thủy.
- Nâng cao hệ số tiêu, sử dụng hiệu quả hệ thống kênh thủy lợi hiện có.

4. Quy hoạch cấp nước

Nội dung điều chỉnh:

- Quy hoạch đã duyệt chỉ tính đến năm 2040, quy hoạch điều chỉnh tính tầm nhìn đến năm 2050.
- Do thay đổi số dân dự kiến và cơ cấu sử dụng đất thay đổi nên tính toán nhu cầu sử dụng nước có sự thay đổi theo.

Chỉ tiêu	QH đã duyệt	QH điều chỉnh	
		GĐ 2030	GĐ 2050
	GĐ 2040 (m ³ /ngđ)	(m ³ /ngđ)	(m ³ /ngđ)
Tổng nhu cầu dùng nước	25.955	33.803	41.648

- Nhu cầu dùng nước tăng lên do quy hoạch đã duyệt chỉ tính cho nước sinh hoạt và dịch vụ công cộng nước cho công nghiệp được tách riêng, còn quy hoạch điều chỉnh tính gộp cả nước cho công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.
- Nguồn nước và công suất trạm không thay đổi so với quy hoạch đã duyệt.

4.1. Nguyên tắc chung

- Đảm bảo đủ, chất lượng cung cấp nước sạch cho khu vực đô thị và công nghiệp; cải tạo, xây dựng mới cơ sở hạ tầng cấp nước.

- Tăng cường bảo vệ nguồn nước, cải tiến công nghệ, sản xuất kinh doanh, dịch vụ, quản lý nhằm nâng cao chất lượng và số lượng phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt.

- Đảm bảo cung cấp đủ nước cho sản xuất nông nghiệp và thủy sản.

4.2. Định hướng cấp nước sinh hoạt

* Tính toán nhu cầu dùng nước:

• Nhu cầu dùng nước sinh hoạt được tính theo công thức:

$$Q_{SH} = \frac{q_{SH} \times N}{1000} \text{ (m}^3\text{/ng.đ);}$$

Trong đó: N- số dân; Tỷ lệ dân số được cấp nước: 100%.

1000-hệ số quy đổi đơn vị

q_{SH} - Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt l/ng.ngđ

• Nhu cầu dùng nước cho dịch vụ, công cộng, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp theo QCXDVN 01:2021:

Bảng dự báo nhu cầu dùng nước

TT	Đối tượng dùng nước	Chỉ tiêu cấp nước	Q (m ³ /ngđ)	
			GD 2030	GD 2050
1	Cấp nước sinh hoạt (Qsh)		16.930	21.736
	Khu vực đô thị	120 l/ng.ngđ	7.200	15.816
	Khu vực nông thôn	100 l/ng.ngđ	9.730	5.920
2	Cấp nước dịch vụ công cộng (Qcc)	10 % Qsh	1.693	2.174
3	Cấp nước cho công nghiệp (Qcn) (tính cho 60% diện tích CN)	20 m ³ /ha.ngày	12.216	14.016
4	Cấp nước cho SX nhỏ, tiểu thủ CN	8 % Qsh	1.354	1.739
5	Nước cho thất thoát, rò rỉ	5 % tổng các loại	1.610	1.983
	Tổng cộng		33.803	41.648

* Nguồn nước:

- Nguồn nước cấp cho huyện Gia Lộc được lấy từ trạm cấp nước Đức Xương và từ TP Hải Dương dẫn về trạm tăng áp Thạch Khôi, Hoàng Diệu.

- Nâng công suất trạm cấp nước Đức Xương, trạm tăng áp Thạch Khôi và trạm tăng áp Hoàng Diệu theo từng giai đoạn đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước tính toán.

Bảng các trạm cấp nước cho vùng huyện Gia Lộc

STT	Tên trạm	Vị trí	Công suất GD 2030	Công suất GD 2050	Nguồn nước
-----	----------	--------	-------------------	-------------------	------------

1	Trạm tăng áp Thạch Khôi	Xã Thạch Khôi	10.000 m ³ /ngđ	15.000 m ³ /ngđ	Từ TP Hải Dương dẫn về
2	Trạm tăng áp Hoàng Diệu	Xã Hoàng Diệu	18.000 m ³ /ngđ	20.000 m ³ /ngđ	Từ TP Hải Dương dẫn về
3	Trạm cấp nước Đức Xương	Xã Đức Xương	10.000 m ³ /ngđ	15.000 m ³ /ngđ	Lấy nước mặt sông Luộc
	Tổng cộng		38.000 m³/ngđ	50.000 m³/ngđ	

- Nước sạch từ các trạm tăng áp và trạm cấp nước dẫn đến các khu dân cư tại các xã theo hệ thống đường ống phân phối chạy ngầm, dọc theo các tuyến đường, đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất.

- Nâng cấp một số đường ống phân phối hiện có, kết hợp đầu tư xây dựng mới.

- Mạng lưới đường ống truyền tải sử dụng ống có đường kính Φ400 – Φ500.

- Mạng lưới đường ống phân phối là mạng vòng, kết hợp cấp nước sinh hoạt và chữa cháy cho các khu đô thị. Tuyến ống phân phối sử dụng ống nhựa HDPE có đường kính Φ110 – Φ230.

4.3. Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp

- Huyện Gia Lộc có tuyến sông Bắc Hưng Hải có vai trò chính điều tiết nước tưới, tiêu toàn huyện.

- Hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện Gia Lộc được xây dựng phù hợp với quy hoạch hệ thống thủy lợi của tỉnh Hải Dương đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 05/01/2009 về việc phê duyệt Dự án quy hoạch thủy lợi tỉnh Hải Dương.

- Công tác quản lý, khai thác được thực hiện đúng quy trình, quy định, đảm bảo điều hòa, phân phối nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và dân sinh.

4.4. Bảo vệ nguồn nước và sử dụng hợp lý nguồn nước

Nước là nguồn tài nguyên quý giá, có hạn, do vậy phải bảo vệ, cụ thể:

- Bảo vệ nguồn nước ngầm khỏi sự ô nhiễm của nước bề mặt do thẩm thấu.

- Bảo vệ nguồn nước mặt khỏi bị ảnh hưởng xấu do ô nhiễm từ các hoạt động như:

+ Khai thác khoáng sản,

+ Nước thải công nghiệp, sinh hoạt, bệnh viện, công trình dịch vụ chưa được xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn đã xả ra sông hồ.

+ Nước do canh tác nông nghiệp dùng thuốc trừ sâu bệnh rồi tiêu thoát vào kênh mương đổ ra sông hồ v.v...

- Cần phối hợp với các ngành thủy lợi, nông nghiệp có đầu tư tạo nguồn nước và giữ nước để điều hòa các mùa trong năm khỏi cạn kiệt.

5. Quy hoạch cấp năng lượng

* Nội dung điều chỉnh:

Lĩnh vực	QH đã duyệt	QH điều chỉnh	
	GĐ 2040 (KVA)	GĐ 2030 (KVA)	GĐ 2050 (KVA)
Nhu cầu dùng điện cho sinh hoạt, công cộng & sản xuất	28.385	86.834	182.254
Nhu cầu dùng điện cho công nghiệp	116.944	326.680	370.798
Tổng nhu cầu dùng điện	145.329	413.514	553.052

- Nhu cầu dùng điện cho sinh hoạt, công cộng & sản xuất tăng cao hơn do:
 - + QH đã duyệt chưa tính đến điện cho sản xuất nông nghiệp và thủy sản;
 - + QH đã duyệt áp chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt tối thiểu theo quy chuẩn, còn QH điều chỉnh áp chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt cao hơn cho phù hợp thực tế;
 - + QH đã duyệt tính đến năm 2040, QH điều chỉnh tính đến năm 2050.
- Nhu cầu dùng điện cho công nghiệp tăng cao hơn do:
 - + QH điều chỉnh diện tích đất công nghiệp tăng lên và tính thêm phần điện cấp cho cơ sở sản xuất phi nông nghiệp;
 - + QH điều chỉnh áp chỉ tiêu cấp điện cao hơn, cụ thể QH điều chỉnh lấy chỉ tiêu 250 (kW/ha) theo QCVN 01:2021 để tính điện cho công nghiệp; còn QH được duyệt lấy chỉ tiêu 160 (kW/ha).
- Điều chỉnh hướng tuyến đường dây 110kV cấp điện cho TBA Nghĩa An, đoạn qua các xã Đồng Quang, Đức Xương.

5.1. Các căn cứ quy hoạch:

- Dự thảo Quy hoạch điện VIII đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
- Quyết định số 4930/QĐ-BCT ngày 19/12/2016 của Bộ Công thương về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 – Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV.
- Quyết định số 6949/QĐ-BCT ngày 30/12/2010 của Bộ Công thương về việc phê duyệt Quy hoạch đầu nối các trung tâm điện lực vào hệ thống điện quốc gia.
- Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 17/07/2017 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung áp và hạ áp sau các trạm 110KV.

5.2. Nguồn điện.

- Dự kiến nguồn điện cấp cho huyện Gia Lộc được lấy từ TBA 220KV Gia Lộc tại xã Hoàng Diêu.

- Quy hoạch mới **5 trạm** biến áp 110 KV nối cấp 220 KV để phân phối điện cho các trạm 35 KV, cụ thể là các trạm:

- + Trạm 110 KV NC Gia Lộc;
- + Trạm 110 KV Gia Lộc 2;
- + Trạm 110 KV Gia Lộc 3;
- + Trạm 110 KV Gia Lộc 4.
- + Trạm 110 KV Gia Lộc 5.**

5.3. Tính toán nhu cầu dùng điện

- Phụ tải điện bao gồm các loại: sinh hoạt, dịch vụ công cộng, công nghiệp và nông nghiệp.

Hệ số $\cos \varphi = 0,85$.

Công suất toàn phần: $S = P/\cos \varphi$.

Bảng dự báo nhu cầu dùng điện

Stt	Loại nhu cầu cấp điện	GD 2030		GD 2050	
		Chỉ tiêu	P (KW)	Chỉ tiêu	P (KW)
1	Cấp điện sinh hoạt (Đsh)		59.190		121.860
	Khu vực đô thị	500 w/người	30.000	700 w/người	92.260
	Khu vực nông thôn	300 w/người	29.190	500 w/người	29.600
2	Cấp điện dịch vụ, công cộng (Đcc)		13.379		32.118
	Khu vực đô thị	30 % Đsh	9.000	30 % Đsh	27.678
	Khu vực nông thôn	15 % Đsh	4.379	15 % Đsh	4.440
3	Cấp điện cho công nghiệp (Đcn)		277.678		315.178
	Đất CN (2030:1018ha); (2050: 1168ha)	250 KW/ha	254.500	250 KW/ha	292.000
	Đất cơ sở SX Phi NN (2030:193,15ha); (2050: 193,15ha)	120 KW/ha	23.178	120 KW/ha	23.178
4	Cấp điện cho nông nghiệp (Đnn)		1.240		938
	Đất sản xuất nông nghiệp (2030: 3056,49ha); (2050: 2064,72ha)	0,30 KW/ha	917	0,30 KW/ha	619
	Đất thủy sản (2030: 949,98ha); (2050: 912,74ha)	0,35 KW/ha	332	0,35 KW/ha	319
	Tổng cộng		351.487		470.094
	Pmax =		351 MW		470 MW
	S =		414 MVA		553 MVA

5.3. Quy hoạch mạng lưới điện

- Quy hoạch lưới điện cao áp, trung áp, các trạm biến áp 220KV, trạm 110kV và các trạm phân phối xây dựng mới, cải tạo trên địa bàn huyện Gia Lộc như sau:

a) Lưới điện cao áp:

- **Xây dựng hệ thống các trạm biến áp:**

TT	Tên trạm	Công suất trạm (MVA)		Vị trí
		2030	2050	
A	Trạm 500KV			
	TBA 500KV Gia Lộc	900	3 x 900	Xã Hoàng Diệu
B	Trạm 220KV			
	TBA 220KV Gia Lộc	2 x 250	3 x 250	Xã Hoàng Diệu
C	Trạm 110KV			
	TBA 110KV NC Gia Lộc	1 x 63	2 x 63	Đặt trong TBA 220KV
	TBA 110KV Gia Lộc 2	1 x 40	2 x 40 + 63	Xã Toàn Thắng
	TBA 110KV Gia Lộc 3	1 x 63	3 x 63	Xã Thống Kênh
	TBA 110KV Gia Lộc 4	3 x 63	3 x 63	Xã Thống Nhất
	TBA 110KV Gia Lộc 5	3 x 63	3 x 63	Xã Gia Tân
Tổng công suất trạm 110KV		544	836	

- **Xây dựng các tuyến cao áp:**

Hướng tuyến các đường điện cao áp xây dựng mới đảm bảo đi tránh các khu dân cư hiện có.

Đường dây 500KV:

- GĐ II, đến năm 2030:

- Đường điện 500KV Nam Định – Phố Nối chạy qua phía Nam huyện Gia Lộc, cắt qua một phần xã Nhật Tân và xã Quang Minh.

- Đường điện 500KV 4 mạch nhánh rẽ trạm 500kV Gia Lộc đầu chuyển tiếp trên 2 mạch đường dây 500KV Phố Nối - Thái Bình – Hải Phòng.

Đường dây 220KV:

- GĐ I, đến năm 2030:

- Đường điện 220KV từ TBA 220KV Gia Lộc đặt tại xã Hoàng Diệu đi TBA 500KV Hải Phòng.

- Đường điện 220KV Hải Dương – Phố Nối chạy qua phía bắc huyện Gia Lộc, cắt qua các xã Yết Kiêu, Thống Nhất và TT Gia Lộc.

Đường dây 110KV:

- GĐ I, đến năm 2030:

- 02 đường dây 04 mạch rẽ nhánh cấp điện cho trạm 110KV NC Gia Lộc, đấu chuyển tiếp trên 02 mạch đường dây 110KV (trạm 220KV Hải Dương 1-Thanh Miện).

- Nhánh rẽ cấp điện cho trạm 110KV Gia Lộc 2, đấu chuyển tiếp trên 1 mạch đường dây 110KV (rẽ nhánh trạm 110KV NC Gia Lộc).

- Đường dây mạch kép Bình Giang 2 – Gia Lộc.

- Đường dây mạch kép Gia Lộc – Tứ Kỳ.

- Đường dây mạch kép cấp điện cho trạm 110KV Gia Lộc 3, 4, 5.

b) Lưới điện trung áp

Trạm phân phối

Dự kiến khối lượng xây mới và cải tạo các trạm biến áp phân phối trên địa bàn huyện Gia Lộc như sau:

	GD 2025		GD 2030		GD 2050	
	Trạm	KVA	Trạm	KVA	Trạm	KVA
Xây dựng trạm mới	110	66.550	389	244.884	221	139.538
Cải tạo	16	6.020	22	8.800	35	22.050

Đường điện trung áp

Dự kiến khối lượng xây mới và cải tạo lưới điện trung áp như sau:

	GD 2025		GD 2030		GD 2050	
	Cáp nổi	Cáp ngầm	Cáp nổi	Cáp ngầm	Cáp nổi	Cáp ngầm
Xây dựng mới	34,68	18,67	122,55	65,97	69,83	37,59
Cải tạo	34,89	14,91	41,10	17,56	35,13	15,01

- Lưới điện trung áp trong các khu đô thị mới phải dùng cáp ngầm, các khu vực khác dùng dây nổi bọc cách điện. Lưới trung áp khu vực nông thôn đi nổi.

5.5. Khai thác các nguồn năng lượng khác

a) Nguồn xăng dầu, khí đốt

- Do quá trình phát triển các ngành công nghiệp cũng như mạng lưới giao thông, nên nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trên địa bàn huyện sẽ tiếp tục tăng lên về quy mô và mở rộng theo địa bàn. Tuy nhiên, xuất phát từ hiệu quả đầu tư và hiệu quả kinh doanh, số lượng cửa hàng tăng thêm cần được xem xét cụ thể, phù hợp theo từng tuyến giao thông; khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu cải tạo, nâng cấp, mở rộng quy mô, hiện đại hóa cửa hàng hiện có đảm bảo đáp ứng đúng các quy định, điều kiện trong kinh doanh xăng dầu.

- Thực hiện nâng cấp và mở rộng quy mô một số cửa hàng hiện tại và điều chỉnh các vị trí kinh doanh đáp ứng quy định về các điều kiện kinh doanh và đảm bảo tính hiệu quả trong kinh doanh đối với hệ thống cửa hàng kinh doanh xăng dầu. Di chuyển, xây mới hoặc loại bỏ những cửa hàng không đảm bảo các quy

định về điều kiện kinh doanh, cũng như vi phạm nghiêm trọng hành lang an toàn giao thông và phòng chống cháy nổ.

- Phát triển loại hình cửa hàng kinh doanh chuyên sâu và tổ hợp các mặt hàng xăng dầu và các sản phẩm có liên quan (các cửa hàng ở khu vực đô thị sẽ phát triển thêm dịch vụ bán khí dầu mỏ hóa lỏng) ở những địa bàn có tiềm năng.

- Phát triển các loại hình cửa hàng, đa dạng về phương thức phục vụ, nâng cao trình độ văn minh thương mại trong kinh doanh.

- Nâng cấp và hiện đại hoá trang thiết bị của mạng lưới cửa hàng kinh doanh xăng dầu cũng như nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng của đội ngũ lao động tại các cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên địa bàn.

- Tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh xăng dầu trên cơ sở các chủ thể chấp hành đầy đủ các quy định của nhà nước về kinh doanh xăng dầu.

- Tạo lập mối quan hệ giữa các cơ quan quản lý và các chủ thể kinh doanh xăng dầu một cách thường xuyên để có thể chủ động điều chỉnh chính sách quản lý, bao gồm cả việc điều chỉnh quy hoạch phát triển hệ thống kinh doanh xăng dầu nhằm đảm bảo lợi ích cho các chủ thể kinh doanh và lợi ích kinh tế - xã hội chung của Tỉnh.

b) Các nguồn khác

Với phương hướng chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi phát triển ở gia đình và trang trại, đây là những cơ sở có điều kiện tốt áp dụng công nghệ sản xuất khí Metan, kể cả một số nơi ao trũng ngập có khí tự nhiên... cũng có thể khai thác phục vụ sản xuất sinh hoạt...

6. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

6.1. Mục tiêu phát triển

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" và Quyết định số 2374/QĐ-BTTTT ngày 30/12/2020 của bộ Thông tin & truyền thông phê duyệt "Kế hoạch chuyển đổi số của thông tin và truyền thông giai đoạn 2021-2025". Mục tiêu tổng quát như sau:

- Tái cấu trúc, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây (Cloud First); phát triển ứng dụng, dịch vụ mới theo hướng sử dụng chung hạ tầng số, nền tảng số và các dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có.

- Có khả năng sử dụng dữ liệu số và các công cụ phân tích thông minh để kịp thời đưa ra các quyết sách chính xác trong các hoạt động quản lý nhà nước; cung cấp dịch vụ công thuận tiện theo phương thức số (dịch vụ số), mang lại giá trị gia tăng cho người dân.

- Cung cấp dữ liệu mở có thể truy cập, sử dụng dễ dàng; hoàn thiện kho dữ liệu số đáp ứng các yêu cầu về kết nối, chia sẻ tài nguyên thông tin, dữ liệu trong Bộ.

Mục tiêu cụ thể chia làm 4 nhóm:

- Hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin;
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ;
- Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp;
- Bảo đảm an toàn thông tin.

6.2. Quan điểm phát triển

- Xây dựng hạ tầng viễn thông băng rộng dung lượng lớn, tốc độ cao, công nghệ hiện đại, hạ tầng IoT được tích hợp, ứng dụng rộng rãi trong các hạ tầng giao thông, điện, nước, đô thị, đáp ứng nhu cầu điện toán đám mây, đảm bảo phục vụ cho Chính phủ số, phát triển kinh tế số - xã hội số và đô thị thông minh.

- Hạ tầng viễn thông phát triển bền vững, hiệu quả, nâng cao chất lượng dịch vụ, an toàn và an ninh thông tin, đồng thời đáp ứng yêu cầu bảo vệ cảnh quan môi trường, nhất là tại các đô thị.

6.3. Giải pháp quy hoạch hạ tầng kỹ thuật thông tin liên lạc

- Duy trì, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ tại các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng tại các thị trấn và các xã, Kết nối Internet băng rộng tới 100% các điểm, đáp ứng nhu cầu của người sử dụng dịch vụ, đáp ứng tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển cột ăng ten trong giai đoạn tới: ưu tiên, khuyến khích doanh nghiệp xây dựng, phát triển loại cột ăng ten A1 (không cồng kềnh); hạn chế, không chế số lượng ăng ten A2 (cồng kềnh). Từng bước chuyển đổi hệ thống hạ tầng cột ăng ten A2 hiện tại sang cột ăng ten loại A1, đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Cở sở hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư, xây dựng theo quy hoạch để đảm bảo tính đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất, tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng, đảm bảo cảnh quan môi trường.

- Tăng cường sử dụng các hình thức cống, bể kỹ thuật, hào và tuynen kỹ thuật để hạ ngầm các đường dây cáp nổi trên các tuyến phố. Trong một số trường hợp, tại một số khu vực cụ thể (khu vực không đủ điều kiện xây dựng hạ tầng cống bể...) có thể sử dụng cáp chôn trực tiếp để hạ ngầm, đảm bảo mỹ quan

- Tại các khu đô thị mới đảm bảo hạ tầng thông tin liên lạc ngầm hóa 100%, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn ngành thông tin và truyền thông và được xây dựng đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật ngành khác.

- Mở rộng mạng lưới trạm 4G, 5G, phát triển hệ thống ăngten trạm thu phát sóng theo công nghệ đa tần: một ăngten có thể thu phát trên nhiều dải tần khác nhau. Đây là cơ sở để các doanh nghiệp đầu tư sử dụng chung hạ tầng, tiết kiệm chi phí (nhiều doanh nghiệp cùng sử dụng chung hạ tầng một ăngten, mỗi doanh nghiệp thu phát trên một băng tần khác nhau).

- Chuyển đổi hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin thành hạ tầng số, hạ tầng quan trọng của Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Đến năm 2025, hạ tầng

mạng băng thông rộng cáp quang phủ tới 100% xã, trên 80% hộ gia đình; 100 số thuê bao di động là băng rộng; tỷ lệ người dân sử dụng internet đạt trên 80%; 100% dân số trong độ tuổi trưởng thành có điện thoại di động thông minh; tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt trên 50%. 100% các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế xã hội như trường học, bệnh viện... tại các đô thị, các khu công nghiệp có đường truyền truy nhập internet tốc độ cao.

7. Quy hoạch thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang.

*** Nội dung điều chỉnh:**

- Quy hoạch đã duyệt chỉ tính đến năm 2040, quy hoạch điều chỉnh tính tầm nhìn đến năm 2050.

- Trong QH điều chỉnh nhu cầu dùng nước thay đổi dẫn đến lưu lượng nước thải thay đổi theo.

- QH điều chỉnh xác định cụ thể các trạm xử lý nước thải tập trung cho huyện Gia Lộc.

- Về chất thải rắn (CTR): theo quy hoạch đã duyệt CTR huyện Gia Lộc được thu gom vận chuyển về khu liên hợp xử lý tại xã Đông Kỳ, huyện Tứ Kỳ, QH điều chỉnh dự kiến CTR đưa về khu xử lý tập trung tại xã Việt Hồng, huyện Thanh Hà.

7.1. Định hướng

- Đầu tư, áp dụng mọi phương pháp xử lý thích hợp để:

+ Tái chế, sản xuất vi sinh, xử lý chất thải rắn công nghiệp, y tế bằng các công nghệ hiện đại để tận dụng tối đa các sản phẩm có thể xử lý được, hạn chế tối đa các chất thải rắn chôn lấp.

+ Nước thải công nghiệp, sinh hoạt, bệnh viện của cả đô thị, nông thôn phải được xử lý đạt tiêu chuẩn vệ sinh theo TCVN trước khi thải ra môi trường.

- Áp dụng công nghệ hiện đại từng bước, từng nơi để hoá táng, lưu táng; hạn chế tối đa tiến tới chấm dứt hình thức địa táng.

- Phát triển các khu xử lý chất thải rắn tập trung cho toàn huyện, khắc phục dần xử lý manh mún nhỏ lẻ.

- Phát triển các hình thức nghĩa trang nhân dân cấp vùng liên huyện hoặc vùng huyện, khắc phục dần hình thức nhỏ lẻ từng thôn xã chôn cất cải táng lãng phí quá nhiều đất, gây hại môi trường, khó khăn giải phóng mặt bằng.

- Nước thải phải được xử lý tại chỗ: khu đô thị, bệnh viện, cơ sở sản xuất, khu-cụm công nghiệp... tùy thuộc tính chất xử lý đạt các cấp độ A, B của TCVN mới được thải ra môi trường. Hình thức xử lý kết hợp tập trung và cả phân tán mục tiêu là đảm bảo hiệu quả môi trường và kinh tế.

7.2. Chỉ tiêu tính toán

- Áp dụng theo quy chuẩn quy phạm Bộ Xây dựng ban hành đối với đô thị loại IV-V cho các thị trấn.

- Hệ thống xử lý nước thải áp dụng cho các đô thị hiện trạng là dạng nửa riêng; cho các khu đô thị mới là dạng riêng hoàn toàn.

- Các trung tâm xã, các khu làng công nhân, trang trại hệ thống thoát nước chung, các điểm dân cư nông thôn cần xử lý tại bể tự hoại trước khi đổ ra cống thoát nước chung.

- Chỉ tiêu phát sinh nước thải $\geq 80\%$ chỉ tiêu cấp nước tương ứng;

- Chỉ tiêu chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp theo các quy định hiện hành.

7.3. Giải pháp quy hoạch

a) Quy hoạch thoát nước thải

Hệ thống thoát nước thải dự kiến là hệ thống thoát nước hỗn hợp bao gồm: hệ thống thoát nước nửa riêng và hệ thống thoát nước riêng. Bố trí các trạm xử lý nước thải và hệ thống mạng đường ống truyền dẫn nước thải theo từng lưu vực thoát nước.

- Xác định lưu lượng nước thải: Lưu lượng nước thải xác định bằng 80% lượng nước cấp.

Bảng tính toán lưu lượng nước thải

STT	Đối tượng dùng nước	Lưu lượng nước thải ($m^3/ngày$)	
		GD 2030	GD 2050
1	Nước thải sinh hoạt và công cộng	14.898	19.128
2	Nước thải công nghiệp	10.856	12.604

- Hệ thống thoát nước thải dự kiến theo sơ đồ như sau: Bể tự hoại → cống thu nước thải → trạm bơm nước thải → trạm làm sạch nước thải → nguồn nước (hoặc tái sử dụng nước thải sau khi đã xử lý nhưng có kiểm soát).

- Hệ thống thoát nước thải gồm: Các tuyến cống tròn thoát nước thải bằng BTCT; Trạm bơm nước thải xây chìm bằng BTCT; Trạm làm sạch nước thải.

- Công nghệ xử lý nước thải sẽ được quyết định trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng nhưng cần chọn lựa công nghệ hiện đại, chiếm ít diện tích đất.

- Đối với nước thải công nghiệp đặc biệt là các ngành công nghiệp thải ra nước thải độc hại, hoặc có tính chất khác xa với nước thải sinh hoạt thì cần phải được thu gom và xử lý cục bộ tới khi đạt các tiêu chuẩn của nguồn tiếp nhận theo QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Nước thải công nghiệp được thu gom và xử lý riêng trong mỗi khu – cụm công nghiệp.

- Đối với nước thải sinh hoạt ở các đô thị, các khu du lịch cần phải được thu gom để xử lý tập trung đạt tiêu chuẩn của nguồn tiếp nhận theo QCVN 14:2008/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Xây dựng

mới và hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải cho các đô thị, cống dẫn nước thải về khu xử lý tập trung.

- Đối với nước thải sinh hoạt khu vực dân cư nông thôn cần từng bước xây dựng hệ thống đường cống thu gom và tiêu thoát nước thải để tiến tới thu gom và xử lý tập trung cho toàn khu vực. Hiện tại cần được thu gom và xử lý cục bộ tại các hộ gia đình trước khi xả ra hệ thống chung.

- Dự kiến xây dựng 5 trạm xử lý nước thải tập trung cho các khu vực của huyện Gia Lộc:

Bảng các trạm xử lý nước thải

STT	Tên trạm	Vị trí xây dựng	Công suất (m ³ /ngày)	
			GD 2030	GD 2050
1	TXL nước thải Gia Lộc 1	TT Gia Lộc	5.000	5.000
2	TXL nước thải Gia Lộc 2	Xã Gia Khánh	5.000	5.000
3	TXL nước thải Gia Lộc 3	Xã Yết Kiêu		5.000
4	TXL nước thải Gia Lộc 4	Xã Đoàn Thượng	5.000	5.000
5	TXL nước thải Gia Lộc 5	Xã Đức Xương	5.000	5.000
Tổng cộng			20.000	25.000

- Nước thải y tế tại các bệnh viện cần được thu gom và xử lý riêng.

b) Quy hoạch CTR

Dự báo khối lượng CTR:

Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt: 0,9 kg/người.ngày.

Tỷ lệ thu gom CTR sinh hoạt: 90%

Chỉ tiêu rác thải xây dựng: 15% CTR sinh hoạt.

Tỷ lệ thu gom CTR xây dựng: 80%

Bảng: Tính toán khối lượng chất thải rắn thu gom

TT	Loại CTR	Tỷ lệ thu gom	Số dân (người)	Khối lượng (Tấn/ngày)	Số dân (người)	Khối lượng (Tấn/ngày)
			GD 2030		GD 2050	
1	CTR sinh hoạt	90%	157.300	127	191000	155
2	CTR xây dựng	80%		15		19
	Tổng cộng			142		174

- Rác thải sinh hoạt được thu gom chuyển đi trong ngày.

- Chất thải rắn trên địa bàn huyện Gia Lộc dự kiến được đưa về nhà máy xử lý rác thải tập trung tại xã Việt Hồng, huyện Thanh Hà.

Các điểm thu gom khác

- Khu thu gom rác thải sinh hoạt ở xã, thị trấn vẫn theo hiện trạng và không mở rộng diện tích. Xây dựng và phát triển hệ thống dịch vụ thu gom rác thải tại các khu dân cư đảm bảo vận hành liên tục.

- Rác thải công nghiệp được gom và tập kết (bố trí tại các khu vực công nghiệp) sau đó sẽ được vận chuyển đến khu vực xử lý tập trung.

- Rác thải tại y tế sử dụng các hình thức xử lý riêng (lò đốt thủ công...).

- Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người dân, vận động người dân phân loại chất thải theo quy định trước khi tập kết tại các điểm thu gom.

c) Nghĩa trang, nghĩa địa

- Các điểm nghĩa trang theo như nội dung của quy hoạch nông thôn mới và các quy hoạch chung.

- Xây dựng các nghĩa trang tập trung nhỏ cho các xã, thị trấn quy mô khoảng từ 3-5 ha/khu.

- Đối với vùng nông thôn, hướng tới việc từng bước di chuyển các điểm chôn cất nhỏ lẻ về khu nghĩa trang tập trung quy mô liên thôn và quy mô toàn xã, đảm bảo cảnh quan chung và các yêu cầu về vệ sinh môi trường.

- Nâng cao nhận thức, vận động người dân sử dụng giải pháp hỏa táng.

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC

I. MỤC TIÊU

- Đề ra mục tiêu đảm bảo phát triển kinh tế xã hội gắn với bảo vệ môi trường; Đánh giá xu hướng diễn biến môi trường khi thực hiện quy hoạch với các tác động tích cực tạo ra bởi việc hình thành và phát triển đô thị và một số tác động tiêu cực; Đảm bảo mục tiêu đánh giá, bảo vệ môi trường để phát triển bền vững trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa tại huyện Gia Lộc.

- Định hướng các giải pháp quản lý, bảo vệ môi trường, các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu đảm bảo tối thiểu hóa mức rủi ro; các giải pháp trong quản lý bảo vệ môi trường.

- Nhằm bảo vệ và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên môi trường, nâng cao hiệu quả các quá trình quản lý môi trường, đóng góp cho việc lập kế hoạch đầu tư một cách hợp lý hướng tới mục tiêu phát triển bền vững nền kinh tế xã hội của vùng. Dự báo môi trường, từ đó ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, bảo vệ và giải quyết cơ bản tình trạng suy thoái môi trường tại các cụm công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các cơ sở chăn nuôi, bệnh viện, khu dân cư. Nâng cao khả năng phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai, sự biến động khí hậu bất lợi đối với môi trường; ứng cứu khắc phục có hiệu quả sự cố ô nhiễm môi trường do thiên tai gây ra.

- Khai thác sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học. Đặt vấn đề bảo vệ môi trường lên hàng đầu trong quy hoạch và

phát triển đô thị, cụm công nghiệp và chú trọng có trọng điểm trong quy hoạch và phát triển nông nghiệp, nông thôn. Thực hiện phân vùng quản lý môi trường để quản lý phát triển kinh tế - xã hội và phát triển khai thác các hoạt động bảo vệ môi trường theo mục tiêu phát triển bền vững.

- Nâng cao nhận thức, kiến thức về phòng ngừa ô nhiễm môi trường của các tầng lớp nhân dân.

II. PHẠM VI NGHIÊN CỨU VÀ NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

- Phạm vi nghiên cứu trên toàn địa bàn huyện Gia Lộc, có gắn kết với các yếu tố vùng lân cận trong tỉnh và vùng lân cận tỉnh Hải Dương.

- Nội dung nghiên cứu:

+ Nghiên cứu đánh giá các vấn đề môi trường có tác động phạm vi lớn bao gồm việc sử dụng tài nguyên, áp lực phân bố dân cư, phân bố hoạt động kinh tế về công nghiệp, nông nghiệp, du lịch...môi trường lưu vực sông, ảnh hưởng biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường, thiên tai, lũ lụt...

+ Dự báo xu hướng các vấn đề môi trường do tác động của đô thị hóa, phân bố dân cư, hoạt động kinh tế, hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng. Các vấn đề tồn đọng, mục tiêu bảo vệ môi trường, các dự báo môi trường đề án quy hoạch.

+ Tổng hợp đề xuất các vùng bảo vệ môi trường, các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề về môi trường.

III. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG KHI THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Nhận diện, đánh giá diễn biến các vấn đề MT khi thực hiện quy hoạch

1.1. Áp lực của phát triển kinh tế - xã hội lên môi trường

a. Phát triển đô thị và sức ép của dân số đến môi trường:

- Di cư và sức ép của dân số đến môi trường.

- Sự gia tăng dân số là cần thiết vì nó bổ sung nguồn lao động trẻ, tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội...bên cạnh đó thì sự gia tăng dân số quá mức cũng gây ra các tác động tiêu cực biểu hiện ở các khía cạnh:

- Sức ép quá lớn tới tài nguyên thiên nhiên và môi trường do khai thác quá mức nguồn tài nguyên phục vụ cho các nhu cầu nhà ở, sản xuất lương thực, thực phẩm, sản xuất công nghiệp.

- Tạo ra các nguồn thải tập trung vượt quá khả năng tự làm sạch của môi trường tự nhiên, tại các khu sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.

- Sự gia tăng dân số đô thị và sự hình thành các đô thị mới làm cho môi trường có nguy cơ bị suy thoái nghiêm trọng. Nguồn cung cấp nước sạch, nhà ở, cây xanh không đáp ứng kịp cho sự phát triển dân cư. Ô nhiễm môi trường không khí, nước tăng lên.

- Hiện trạng di dân từ nông thôn lên các khu đô thị là một thực tế của hiện trạng xã hội ngày nay, mang theo nó là những thách thức lên môi trường mà Gia Lộc sắp tới phải đối mặt.

- Tập trung dân cư tại thành thị dẫn đến việc tăng dân số với tốc độ nhanh, suy giảm chất lượng môi trường sống, gia tăng các tệ nạn xã hội.

b. Phát triển công nghiệp

- Hiện trạng phát triển công nghiệp ở Gia Lộc

Hiện nay trên địa bàn Gia Lộc có 320,13ha đất công nghiệp & đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đây là đất thuộc các cơ sở kinh doanh, dự án lớn của huyện, là động lực phát triển quan trọng của huyện. Một số điểm sản xuất công nghiệp đã đi vào hoạt động mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Các tác động của công nghiệp đến môi trường

Sự phát triển của điểm CN, CCN cũng dẫn đến tình trạng ô nhiễm nguồn nước bởi có các điểm CN trên địa bàn chưa có hệ thống xử lý nước thải, rác thải, chất thải chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn đã và đang thải ra môi trường.

- Quá trình phát triển công nghiệp và đô thị cũng ảnh hưởng đến các tính chất vật lý và hóa học của đất. Những tác động về vật lý như xói mòn, nén chặt đất và phá hủy cấu trúc đất do các hoạt động xây dựng, sản xuất. Các chất thải rắn, lỏng và khí đều có tác động đến đất. Các chất thải có thể tích lũy trong đất trong thời gian dài gây ra nguy cơ tiềm tàng đối với môi trường.

c. Phát triển du lịch

*** Tác động của phát triển du lịch đến môi trường:**

- Tác động tích cực của phát triển Du lịch đến môi trường:

+ Du lịch góp phần khẳng định giá trị và góp phần vào việc bảo tồn các diện tích tự nhiên quan trọng, du lịch có thể cung cấp những sáng kiến cho việc làm sạch môi trường thông qua việc kiểm soát chất lượng không khí, nước, đất, ô nhiễm, tiếng ồn, rác thải và các vấn đề môi trường khác thông qua các chương trình quy hoạch cảnh quan, thiết kế xây dựng và duy trì bảo dưỡng các công trình kiến trúc.

+ Việc phát triển các cơ sở du lịch được thiết kế tốt có thể đề cao giá trị các cảnh quan. Các cơ sở hạ tầng của địa phương như đường sá, hệ thống cấp thoát nước, xử lý chất thải, thông tin liên lạc có thể được cải thiện thông qua hoạt động du lịch.

+ Tăng cường hiểu biết về môi trường của cộng đồng địa phương thông qua việc trao đổi và học tập với du khách

- Tác động tiêu cực của phát triển du lịch đến môi trường:

Du lịch là ngành công nghiệp tiêu thụ nước nhiều. Rác thải bừa bãi là vấn đề chung của mọi khu du lịch. Du lịch các điểm văn hóa, làng, xã gây ô nhiễm khí thông qua phát xả khí thải động cơ xe máy, đặc biệt là ở các trọng điểm và trục

giao thông chính. Tiêu thụ năng lượng trong khu du lịch thường không hiệu quả và lãng phí. Tuy nhiên, sự ảnh hưởng của hoạt động du lịch đến môi trường là không đáng kể.

1.2. Hiện trạng và xu thế diễn biến các thành phần môi trường tự nhiên

a. Hiện trạng môi trường nước

- Hiện trạng môi trường nước mặt

+ Chất lượng nước mặt

Chất lượng nước mặt tại Gia Lộc nhìn chung đang bị suy giảm và ô nhiễm đặc biệt là ở một số điểm ô nhiễm cục bộ do tiếp nhận nguồn thải từ các nhà máy, công nghiệp. Một số trạm cấp nước sạch có nguồn nước thô lấy từ sông Cửu An, sông Neo đang tạm dừng, phải có đổi nguồn cấp do nguồn bị ô nhiễm.

+ Nguyên nhân ô nhiễm:

Các hoạt động trong sản xuất nông nghiệp, hiện nay đã và đang sử dụng rất nhiều các loại phân bón và thuốc bảo vệ thực vật.... là một trong những nguồn có khả năng gây ô nhiễm nguồn nước mặt.

Hoạt động sản xuất công nghiệp tại các nhà máy trên địa bàn, hiện nay chưa có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn mà thường xả nước thải vào các nguồn nước mặt.

Hoạt động tại các khu dân cư, đô thị, hoạt động chăn nuôi tại khu vực các thôn là nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước mặt.

- Hiện trạng môi trường nước ngầm

+ Chất lượng nước ngầm tầng nông: Đây là tầng trầm tích Helocen. Tầng nước này hiện ngay trên bề mặt, diện phân bố rộng, chiều dày từ 2,5-27m. Chất lượng nước ngầm của tầng có khả năng bị ô nhiễm bởi chất hữu cơ, hóa chất, vi khuẩn thấm thấu từ trên mặt đất. Chất lượng nước ngầm khu vực gần các bệnh viện có nguy cơ ô nhiễm NO_3^- , sắt và vi khuẩn coliform...

+ Chất lượng nước ngầm tầng sâu: Ở tầng sâu, có tầng chứa nước trong trầm tích Pleistocen. Chiều dày tầng chứa nước trong trầm tích Pleistocen từ 18,5-37m. Đây là tầng giàu nước ngầm, nước có áp lực lớn, nguồn nước phong phú, khảo sát tại Gia Lộc áp lực khoảng 30l/s.

b. Hiện trạng môi trường không khí, tiếng ồn:

- Hoạt động sinh hoạt: Ô nhiễm không khí do sinh hoạt: chủ yếu phát sinh từ đun nấu, lò. Khí độc chính là CO và CO_2 (nếu đốt củi), và CO, CO_2 , SO_2 , NO_x (nếu đốt than, dầu). Tuy nguồn thải nhỏ, nhưng phân bố dày và cục bộ gây tác hại trực tiếp. Nhiên liệu sử dụng khu vực đô thị chủ yếu khí hóa lỏng (gas) nên tải lượng ô nhiễm thấp, không đáng kể.

- Hoạt động công nghiệp: Phần lớn các nhà máy, xí nghiệp quy mô vừa và nhỏ trên địa bàn Gia Lộc đã có hệ thống xử lý ô nhiễm không khí, tiếng ồn nhưng chưa được xử lý triệt để.

- Hoạt động giao thông: Ô nhiễm không khí, tiếng ồn tại Gia Lộc do hoạt động giao thông tăng tại khu vực tập trung dân số, xây dựng cơ sở hạ tầng, các bãi khai thác... có sự biến động theo mùa và vị trí địa lý các khí gây ô nhiễm như SO₂, NO₂, CO, bụi.... Nguồn gốc ô nhiễm khí thải chủ yếu là do các phương tiện tham gia giao thông.

- Qua kết quả khảo sát mức ồn khu vực dân cư và các tuyến đường giao thông khu vực của phường cho thấy, mức ồn tương đương tại các điểm đo trong khu vực dân cư và trên tuyến đường giao thông có độ ồn là 55-60 dBA, nằm trong tiêu chuẩn cho phép. Tại các thời điểm đo ban ngày thì tiếng ồn khu dân cư và tuyến đường giao thông có lúc vượt mức cho phép quy định cho khu vực sản xuất (>70dBA) do tiếng động cơ và còi của phương tiện giao thông gây nên.

- Hệ thống giao thông khu vực quanh các dự án đang xây dựng và các tuyến đường huyết mạch của huyện: QL 38B, QL 37, ĐT 392, 393, 395... có lượng xe lưu hành trên các tuyến đường này rất lớn, nồng độ bụi đều cao vượt tiêu chuẩn cho phép.

c. Hiện trạng môi trường đất

Bảng: Cấu trúc địa chất Gia Lộc

TT	Hệ tầng	Độ dày (m)	Thành phần đất và khu vực phân bố
1	Hệ tầng Tiên Hưng	> 129	Phân bố rộng khắp ở vùng đồng bằng của huyện, chỉ phát hiện qua các lỗ khoan sâu. Thành phần gồm cát kết, bột kết xen cuội kết gắn kết yếu. Đây là tầng chứa nước ngầm rất lớn
2	Hệ tầng Vĩnh Bảo	> 220	Phân bố khá rộng khắp vùng đồng bằng của khu nghiên cứu, chỉ phát hiện qua các lỗ khoan sâu. Thành phần gồm cuội kết xen cát kết gắn kết yếu. Đây là tầng lưu thông và chứa nước ngầm có triển vọng nhất trên địa bàn tỉnh.
3	Hệ tầng Lê Chi	> 37	Phân bố ở vùng đồng bằng khu nghiên cứu, chỉ phát hiện qua các lỗ khoan sâu. Thành phần gồm cuội, sỏi, cát, sét.
4	Hệ tầng Hà Nội	> 85	Phân bố ở vùng đồng bằng của khu nghiên cứu, chỉ phát hiện qua các lỗ khoan sâu. Thành phần gồm cuội, sỏi, sạn, cát. Đây là tầng có nguồn nước ngầm lớn
5	Hệ tầng Hải Hưng	2-34m	Thành phần gồm sét, cát bột. Đây là tầng có chứa vật liệu xây dựng.
6	Hệ tầng Thái Bình	từ 0.5 - 7	phân bố ở hầu hết ven các sông. Thành phần gồm cát, sét, bột xen cát

- Hiện trạng các hoạt động tác động đến môi trường đất ở Gia Lộc:

+ Hoạt động nông nghiệp: Việc sử dụng không hợp lý phân bón, hóa chất thuốc bảo vệ thực vật và các loại thuốc kích thích sinh trưởng, đã làm đất bị chua, phèn hóa, mất độ tơi xốp, mất cấu tượng của đất làm suy giảm chất lượng đất.

+ Việc khai thác nước ngầm, xây dựng công trình ngầm... khiến ảnh hưởng đến cấu tạo đất, gây bụi, thay đổi môi trường tự nhiên

d. Hiện trạng hệ sinh thái cảnh quan

- Hệ sinh thái dưới nước

Gia Lộc có đầy đủ các kiểu hệ sinh thái nước ngọt sông, hồ, ao đầm, ruộng lúa nước. Mỗi kiểu hệ sinh thái nước ngọt kể trên có đặc tính riêng về khu hệ thủy sinh vật.

- Thực vật nổi: Kết quả khảo sát thực vật nổi trên Sông, hồ, đập... như sông Kim Sơn, sông Đinh Đào, sông Đồng Tràng... xác định được các loài thực vật nổi thuộc ngành tảo lam (Cyanophyta), tảo Silic (Bacillariophyta), tảo lục (Chlorophyta) và tảo mắt (Euglenophyta), Thành phần thực vật nổi thu được chưa đủ so với hệ thực vật nổi trong thực tế.

- Động vật nổi: Kết quả phân tích hệ động vật nổi trên các con sông xác định được các loài và nhóm động vật nổi thuộc trùng bánh xe Rotatoria, giáp xác râu ngành Cladocera, giáp xác than chèo Copepoda..... đây là các loài nhiệt đới phân bố rộng.

- Động vật đáy: Hệ động vật đáy xác định được loài thuộc nhóm tôm, cua, ốc, hến,...

- Khu hệ cá và nghề cá: Một số kết quả khảo sát khu hệ cá, nghề cá ở trên ao, hồ, sông, ngòi phổ biến là các loài cá chép, trôi, mè, rô phi, cá mương,...

- Hiện trạng mức độ suy giảm đa dạng sinh vật và cảnh quan. Xác định các vùng cần bảo vệ cảnh quan hiện trạng, mức độ suy giảm loài được lồng ghép trong các định hướng quy hoạch

- Hệ sinh thái nông nghiệp: Diện tích đất nông nghiệp của Gia Lộc là **6.587,5 ha**, trong đó bao gồm diện tích trồng lúa ổn định, đất trồng các cây rau màu khác có giá trị kinh tế cao như: cần tây, su hào, bắp cải, dưa, rau các loại..... Đến nay sản xuất nông nghiệp đã đạt được nhiều kết quả cao và mang lại nhiều lợi ích kinh tế.

e. Biến đổi khí hậu và tác động môi trường

Gia Lộc là một trong những vùng đang chịu tác động của sự biến đổi khí hậu (BĐKH). Trong đó, yếu tố mưa (lượng mưa, phân bố mưa và cường độ mưa) có những thay đổi khá rõ nét:

+ Thay đổi nhiệt độ và lượng mưa:

Hàng năm được chia làm 2 mùa rõ rệt mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau thường mưa ít (chiếm 15% tổng lượng mưa tổng năm), nhiệt độ thấp, nhất là tháng 1 nhiệt độ trung bình $13,8^{\circ}\text{C}$ Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 thường nhiệt độ cao (nhất tháng 7 nhiệt độ trung bình $32,4^{\circ}\text{C}$), mưa nhiều chiếm 85% lượng mưa cả năm tập trung vào tháng 7, 8. Tổng lượng mưa trung bình hàng năm từ 1.500 – 1.600mm, nhiệt độ trung bình cả năm $23,5^{\circ}\text{C}$, Chế độ thủy văn thay đổi thất thường trong ngày, trong năm vào mùa lũ có 2 - 3 lần gây lũ lụt ở mức báo động cấp 3, vào mùa khô thì có những đợt thiếu nước cung cấp cho sản xuất và sinh hoạt.

+ Thay đổi mực nước ở các dòng chảy, sông hồ: Tác động tiềm ẩn của BĐKH đối với tài nguyên nước là sự phân phối dòng chảy năm của các sông, ao, hồ...

+ Biến đổi địa chất:

Gia Lộc nằm trên hệ thống đứt gãy địa cấp III: Phát triển theo hướng á vĩ tuyến. Các đứt gãy nêu trên có ý nghĩa khống chế cấu trúc địa chất, hình thành các bậc địa hình và liên quan đến sự thành tạo khoáng sản nội sinh, nước nóng khoáng và kéo theo các phá huỷ đứt gãy tân kiến tạo. Trong phá huỷ đứt gãy tân kiến tạo đã xác định được các khối nâng, khối hạ. Những vùng phát triển các khối nâng, khối hạ đã gây ra nứt đất, lở đất, làm thay đổi một số lòng sông.

2. Nhận dạng và đánh giá những tác động riêng lẻ

2.1. Tác động do phát triển không gian đô thị

Trong giai đoạn tới Gia Lộc sẽ có biến đổi mạnh về dân số đô thị, từ **134.455 người lên 157.300 người, tỉ lệ đô thị hóa đạt 38,22% vào năm 2030**. Đô thị hoá là sự phát triển tất yếu và đáng mừng, song cũng mang lại không ít những tác động tiêu cực do các hoạt động trong đô thị như:

Hoạt động phát triển và khu vực diễn ra	Nguồn/nguyên nhân gây tác động	Tác động/hậu quả môi trường
Gia tăng dân số, dịch chuyển dân cư	- Tăng nhu cầu sử dụng tài nguyên đất, nước, năng lượng và hạ tầng đô thị - Di dân từ nông thôn vào thành thị đô thị	- Nảy sinh những tranh chấp, xung đột quyền lợi trong sử dụng tài nguyên và môi trường - Tăng áp lực về nhu cầu nhà ở, dịch vụ, thông tin, giáo dục, chăm sóc y tế, cơ sở hạ tầng, việc làm, ô nhiễm môi trường - Tăng nhu cầu về việc làm, tăng nạn thất nghiệp, thu nhập thấp - Thay đổi lối sống, nảy sinh các hiện tượng xã hội tiêu cực
Mở rộng đô thị	- Chuyển đổi từ đất đất canh tác nông nghiệp sang đất ở đô thị, đất xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị - Đô thị hoá xung quanh khu vực sản xuất	- Ảnh hưởng đến an toàn lương thực, an toàn sinh thái trong vùng và đời sống nhân dân ngoại thành - Thu hẹp diện tích thảm thực vật, không gian mặt nước - Thay đổi cân bằng nhiệt ẩm, làm mất cân bằng sinh thái khu vực - Các khu dân cư xen kẽ khu công nghiệp, ô nhiễm môi trường - Làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội phức tạp
Sử dụng tài nguyên (đất, nước, sinh vật)	- Khai thác và sử dụng quá mức tài nguyên nước mặt và nước ngầm - Sử dụng thiếu hợp lý quỹ đất	- Suy giảm về chất lượng và trữ lượng nguồn nước - Hạ thấp mực nước ngầm và biến động địa chất thủy văn - Giảm hiệu quả sử dụng đất - Làm mất đất tốt cho nông nghiệp - Ô nhiễm và suy thoái đất
Sinh hoạt đô thị	- Nước thải, CTR từ các khu đô thị - Nước thải, CTR sinh hoạt từ các hộ gia đình thuộc khu vực phi đô thị thường không được thu gom - Nước thải, CTR bệnh viện	- Ô nhiễm nước mặt, nước ngầm, đất bởi các chất hữu cơ (BOD, COD); cặn lơ lửng (SS), các chất dinh dưỡng (N, P), dầu mỡ phi khoáng, vi sinh vật gây bệnh (E.Coli, Coliform) - Suy giảm đa dạng sinh học - Ô nhiễm các chất độc hại, vectơ gây bệnh truyền nhiễm

- Tại các cụm công nghiệp, khu TTCN, làng nghề phát triển nằm trong khu dân cư hoặc tiếp cận khu dân cư gây ô nhiễm vùng xung quanh.

- Quá trình hình thành, xây dựng mở rộng đô thị, các trung tâm thương mại dịch vụ... sẽ làm tăng quá trình di dân tự do đến các đô thị tạo nên sức ép về nhà ở, giao thông, vệ sinh môi trường, tệ nạn xã hội....

- Lầy đất nông nghiệp xây dựng tạo nên sự căng thẳng đời sống việc làm của dân các vùng ven đô.

- Tốc độ phát triển giao thông chậm hơn tốc độ đô thị hoá và tốc độ gia tăng các phương tiện giao thông ô tô, xe máy và cơ giới khác đã làm tăng ô nhiễm bụi, khí thải, tiếng ồn do hoạt động giao thông gây ra.

- Đô thị phát triển tạo nên sức ép đối với nhu cầu dùng nước bản sinh hoạt, rác thải đô thị... dẫn đến ô nhiễm môi trường và suy thoái tài nguyên.

2.2. Tác động tiêu cực do phát triển hạ tầng.

- Do hoạt động khai thác và sử dụng quá mức tài nguyên nước mặt, nước ngầm tiêu hao nguồn tài nguyên nước, dẫn tới hạ thấp mực nước ngầm, ô nhiễm nước dưới đất, thay đổi chế độ thủy văn, mực nước ngầm.

- Do hoạt động thải nước mưa, tưới tiêu, nước bản sinh hoạt, nước thải công nghiệp, bệnh viện, rác thải sinh hoạt đô thị và rác thải công nghiệp, phát sinh dịch bệnh, ảnh hưởng môi sinh.

- Do hoạt động chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng đô thị, công nghiệp đặc biệt là san nền gây bụi bặm, gây bẩn đường sá, tiếng ồn san ủi...

- Do hoạt động xây dựng đường sá, cầu, cống, các phương tiện xe đi lại phát sinh khói, bụi, khí thải, tiếng ồn vùng xung quanh.

- Do phát triển hệ thống cấp điện, năng lượng, chiếu sáng, thông tin liên lạc từ nhà máy điện, đường dây đường cáp, trạm đài phát sóng thông tin dẫn tới ảnh hưởng tiêu cực ở các mức độ khác nhau.

2.3. Tác động do phát triển kinh tế

Các hoạt động phát triển kinh tế là nguyên nhân gây ra nhiều tác động tới môi trường

a. Phát triển công nghiệp:

- Các tác động của sản xuất công nghiệp tới môi trường bao gồm:

- Phát triển không theo quy hoạch gây nguy cơ giảm dần diện tích đất nông nghiệp, ảnh hưởng đến an ninh lương thực vùng.

- Nước thải từ sản xuất công nghiệp nếu không được xử lý sẽ gây ô nhiễm môi trường nước mặt, nước ngầm, môi trường đất là nguồn phát sinh nguồn bệnh.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường không khí và sức khỏe cộng đồng.

- Trong các cụm công nghiệp địa phương cũng được xây dựng theo quy hoạch, quản lý chặt chẽ về công nghệ, môi trường song các các làng nghề, cơ sở sản xuất phân tán nhiều trong khu dân cư, quản lý khó khăn thì sẽ gây không ít tác động xấu về môi trường như sản xuất chế biến thực phẩm, thủy sản, cơ khí, ...

b. Hoạt động sản xuất tại các làng nghề:

- Nước thải từ các làng nghề chế biến thực phẩm... gây ô nhiễm môi trường nước mặt, nước ngầm.

- Ô nhiễm đất do các loại hoá chất và kim loại nặng từ các làng nghề cơ khí đóng tàu

- CTR phát sinh từ các làng nghề nếu không được thu gom và xử lý cũng là nguồn gây ô nhiễm môi trường và sức khỏe cộng đồng.

c. Phát triển du lịch:

Phát triển du lịch sẽ mang lại hiệu quả kinh tế rất lớn nhưng đồng thời sẽ gây ra áp lực lớn đối với tài nguyên và môi trường như:

- Gia tăng nhu cầu cấp nước cho khách du lịch
- Việc quản lý CTR phát sinh từ hoạt động du lịch thường rất khó kiểm soát.
- Suy thoái tài nguyên sinh vật do khai thác để phục vụ du lịch.

d. Phát triển nông nghiệp:

- Sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, do xây dựng các công trình thủy lợi, tưới tiêu...

- Các vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm có thể gây ô nhiễm không khí, nước mặt, nước ngầm đất do phân rác, từ đó gây ra các dịch bệnh.

2.4. Những tác động tiêu cực do quá trình quản lý, quy hoạch

- Mở rộng đô thị, sát nhập các làng xã vào nội đô không đầu tư đầy đủ hạ tầng đô thị, đô thị hoá làng xã dẫn tới thiếu thôn giao thông, điện nước, công trình thoát nước vệ sinh môi trường, cây xanh công viên và các dịch vụ công cộng kể cả tệ nạn xã hội cũng phát sinh từ đây.

- Nhiều khu chức năng đô thị do thiếu quản lý, không thực hiện theo quy hoạch, dễ tự phát sinh, lấn chiếm phá vỡ không gian cảnh quan.

- Quy hoạch không sát, thiếu thực tế không khả thi và chưa có quan điểm môi trường, hay đánh giá tác động môi trường đầy đủ ở mỗi dự án đầu tư....

3. Biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu, khắc phục các tác động tiêu cực

3.1. Thực hiện đánh giá tác động môi trường mang tính chiến lược đối với mỗi quy hoạch cấp huyện:

- Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH huyện Gia Lộc.
- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc.
- Các quy hoạch ngành:

- | | |
|---------------|----------------------|
| + Sử dụng đất | + Công nghiệp |
| + Nông nghiệp | + Thương mại dịch vụ |
| + Du lịch | + Giáo dục đào tạo |
| + Văn hoá | + TDTT |
| + Đô thị | + Y tế |
| + Giao thông | + Cấp điện |

+ Cấp nước...

- Thực hiện đánh giá môi trường chiến lược ở các quy hoạch trên là một giải pháp chiến lược, đi trước, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên và bảo đảm phát triển bền vững có hiệu quả nhất.

- Sau quy hoạch là các chương trình dự án phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường. Kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường là căn cứ để phê duyệt chương trình dự án.

3.2. Tiến hành khoanh vùng bảo vệ môi trường trong quá trình công nghiệp hóa – đô thị hóa Gia Lộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Vùng bảo vệ môi trường công nghiệp, nghề trên địa bàn huyện.

- Vùng bảo vệ môi trường các khu văn hoá, du lịch sinh thái, các điểm du lịch, tham quan trong huyện...

- Vùng bảo vệ môi trường đô thị: thị trấn

- Vùng bảo vệ môi trường nông nghiệp, nông thôn.

Có yêu cầu bảo vệ môi trường riêng ở mỗi vùng, mỗi đối tượng.

3.3. Các giải pháp quy hoạch bảo vệ môi trường

a. Bảo vệ môi trường đô thị.

- Đầu tư xây dựng các bên tĩnh kết hợp vườn hoa cây cảnh tại các cửa ngõ ra vào đô thị; tại các khu đất trống cần đầu tư xây dựng các điểm đỗ xe, trồng giữ xe kết hợp vườn hoa cây xanh giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tạo cảnh quan.

- Thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt: phân loại rác tại nguồn, tổ chức thu nhặt, phân loại rác tại chỗ, tái sử dụng...

- Thu gom xử lý nước thải: cải tạo, nâng cấp hệ thống cũ.

b. Bảo vệ môi trường công nghiệp.

- Cần phải di chuyển các cơ sở công nghiệp cũ, đặc biệt là công nghiệp gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư.

- Các ngành công nghiệp có khả năng gây ô nhiễm môi trường lớn như công nghiệp nặng, khai thác; công nghiệp chế biến nông, thủy sản; công nghiệp chế biến thực phẩm; công nghiệp cơ khí... cần được bố trí xa khu dân cư.

- Ưu tiên thu hút đầu tư xây dựng các trạm xử lý nước thải tập trung, các trạm quản lý và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.

- Nâng cao nhận thức về sản xuất

- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải từ công nghiệp

c. Bảo vệ môi trường nông thôn-làng nghề

- Nước sạch và vệ sinh môi trường:

+ Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa, nước thải tại các khu vực trung tâm xã và tập trung dân cư; xây dựng các nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Sử dụng đất nông nghiệp:
 - + Xây dựng các kè, đập, đê, đẩy mạnh trồng rừng phòng hộ; cải tạo, xây mới, kiên cố hóa kênh mương thoát nước.
 - + Sử dụng phân vô cơ với hữu cơ để tránh thoái hóa đất, kiểm soát sử dụng phân bón, thuốc BVTV.
- Nghĩa trang:
 - + Tuyên truyền, vận động thực hiện hỏa táng tại các trạm để hạn chế chôn cất tại các nghĩa trang; đắp bờ bao và hàng rào cây xanh xung quanh các nghĩa trang.
 - + Xây dựng và triển khai thực hiện quy chế bảo vệ môi trường.
- Làng nghề: phát triển cơ sở hạ tầng, quy hoạch không gian làng nghề, nâng cao chất lượng môi trường cục bộ.

d. Bảo vệ môi trường mặt nước, vùng ven sông:

- Phòng chống suy thoái môi trường do xói lở và bồi tụ vùng cửa sông
- Phòng ngừa và ứng cứu các sự cố do thiên tai, bão, lụt, tràn dầu.
- Bảo vệ đa dạng sinh học, các giống loài đặc thù.

IV. CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU VÀ QUẢN LÝ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Các giải pháp quản lý, kiểm soát môi trường

a. Tổ chức quản lý:

- Xây dựng tổ chức và cơ chế quản lý tổng hợp môi trường toàn vùng.
- Xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý môi trường các cấp (cấp CSSX, cấp CCN, cấp xã, thị trấn, cấp huyện).

b. Bảo vệ môi trường nước ngầm:

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động thăm dò, khai thác và hành nghề khoan giếng khai thác nước ngầm
- Giáo dục môi trường và nâng cao ý thức BVMT cho cộng đồng.

c. Giải pháp bảo vệ môi trường đất:

- Thực hiện các chính sách, giải pháp quản lý đất đai bền vững. Quản lý các hệ thống nông nghiệp nhằm đảm bảo có sản phẩm tối đa, đồng thời duy trì độ phì nhiêu của đất.

d. Bảo vệ môi trường nước mặt:

- Cụ thể đối với các đô thị và CCN:
 - + Quản lý và giám sát tại các nguồn phát sinh nước thải
 - + Quản lý và giám sát chất lượng nước tại nguồn tiếp nhận, khả năng tự làm sạch của chúng.

+ Quản lý, giám sát việc sử dụng thuốc BVTV, phân bón hoá học trong sản xuất nông nghiệp

e. Giải pháp bảo vệ môi trường không khí và giảm tiếng ồn:

- CCN cần thực hiện nghiêm chỉnh việc xây dựng báo cáo ĐTM cũng như triển khai thực hiện các giải pháp BVMT đã được đề ra trong báo cáo ĐTM.

- Hạn chế và giảm thiểu các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường ở từng cơ sở sản xuất, cụm công nghiệp theo hướng áp dụng và đổi mới công nghệ để sản xuất sạch hơn.

f. Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp

- Để giảm thiểu các tác động của sản xuất nông nghiệp tới môi trường cần áp dụng biện pháp phòng trừ sâu hại tổng hợp

2. Chương trình quan trắc và giám sát chất lượng môi trường

b. Đối tượng cần quan trắc

- Môi trường không khí; Môi trường nước lục địa; Môi trường nước, ven sông; Môi trường đất; Chất thải rắn; Tiếng ồn; Phóng xạ và điện từ

c. Địa điểm quan trắc

Quan trắc tác động môi trường do nguồn ô nhiễm công nghiệp và đô thị (giao thông và sinh hoạt đô thị) gây ra cần tập trung vào các khu đô thị; khu, cụm công nghiệp.

d. Tần suất quan trắc

- Môi trường không khí - hàng quý (3 tháng một lần)
- Môi trường nước lục địa - hàng quý (3 tháng một lần)
- Môi trường đất - một năm 2 lần
- Chất thải rắn - hàng quý (3 tháng 1 lần)
- Tiếng ồn - hàng quý (3 tháng 1 lần)
- Phóng xạ và điện từ - một năm 2 lần

Kết luận

Bên cạnh những tác động tích cực, những lợi ích lớn về kinh tế, xã hội thì việc xây dựng vùng huyện Gia Lộc theo quy hoạch không thể tránh khỏi những tác động, ảnh hưởng tiêu cực đến tài nguyên và môi trường vùng, đó là các vấn đề môi trường liên quan đến sử dụng tài nguyên đất, tài nguyên nước và các loại tài nguyên thiên nhiên khác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, ô nhiễm môi trường do nước thải, khí thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại từ các hoạt động sinh hoạt, công nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ...

Để bảo vệ môi trường vùng một cách hiệu quả, ngoài việc quản lý xây dựng vùng theo quy hoạch cần thực hiện đầy đủ, đồng bộ các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực đã được đề xuất. Ngoài ra cần tiếp tục theo dõi, phân

tích, đánh giá chi tiết các tác động môi trường trong quá trình xây dựng vùng nhằm điều chỉnh kịp thời quá trình xây dựng vùng một cách phù hợp hơn về mặt môi trường.

PHẦN V: CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ, DỰ BÁO NHU CẦU VỐN VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

I. MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG ĐẦU TƯ

1. Mục tiêu

Từ nay đến năm 2050 công cuộc đổi mới đất nước tiếp tục được đẩy mạnh trên mọi lĩnh vực nên việc thực hiện các mục tiêu và phương hướng phát triển trong quy hoạch của Vùng sẽ có nhiều thuận lợi nhưng mặt khác cũng sẽ có những khó khăn do đang trong quá trình chuyển đổi. Vì vậy, các giải pháp thực hiện quy hoạch phải đồng bộ, một mặt phải dựa trên cơ sở phát luật, chính sách, quy định của nhà nước mặt khác phải phù hợp với tình hình cụ thể của vùng. Trên cơ sở đó việc đầu tư sẽ tập trung theo định hướng sau:

- Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế thị trấn Gia Lộc đảm bảo tiêu chí đô thị loại IV trước năm 2025.

- Xây dựng, đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng toàn đô thị như hệ thống giao thông, các khu công nghiệp, hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội như giáo dục, công trình văn hóa thể thao..., hệ thống trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng...

- Đến năm 2050: Phát triển cân đối công nghiệp- dịch vụ và nông - ngư nghiệp đảm bảo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo định hướng chung đảm bảo an ninh lương thực và phát triển bền vững.

2. Phương hướng thực hiện

*** *Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng hoàn thiện***

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp đồng bộ hệ thống đường bộ hiện đại theo tiêu chuẩn; Đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực đô thị theo tiêu chuẩn của đô thị văn minh, hiện đại;

- Hoàn thành cơ bản mạng lưới giao thông nông thôn theo hướng hình thành các cụm điểm dân cư văn minh hiện đại;

- Thực hiện đầu tư phát triển hệ thống bưu chính viễn thông với công nghệ và trình độ hiện đại, đạt mức trung bình chung của tỉnh;

- Đầu tư nâng cấp các công trình quan trọng, đầu mối trong các lĩnh vực giao thông, thủy lợi, cấp điện, cấp thoát nước đô thị, y tế, giáo dục, ...

- Đẩy nhanh tiến độ và sớm đưa vào sử dụng các công trình: Các tuyến đường quy hoạch, các tuyến cải tạo và mở rộng.

*** *Kêu gọi và xúc tiến các dự án đầu tư trọng điểm***

- Tiếp tục đầu tư xây dựng, hoàn chỉnh hạ tầng cụm công nghiệp đã được thành lập; kêu gọi đầu tư phát triển các cụm công nghiệp mới và ổn định mạng lưới các cụm công nghiệp vào giai đoạn đến 2030;

- Kêu gọi và xúc tiến đầu tư các dự án phát triển công nghiệp có công nghệ hiện đại, suất đầu tư lớn, công nghiệp sạch, công nghiệp chế biến sử dụng nguyên liệu tại chỗ trong các cụm công nghiệp đã được xác định.

- Kêu gọi các nhà đầu tư sản xuất các sản phẩm công nghiệp mới trên cơ sở khai thác nguồn nhân lực tại chỗ và thị trường bên ngoài do các điều kiện thuận lợi về giao thông thương mại mang lại;

- Kêu gọi và xúc tiến đầu tư phát triển một số dự án trọng điểm trong lĩnh vực dịch vụ. Hình thành các dự án đầu tư phát triển du lịch trên cơ sở kết hợp phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng khai thác và bảo tồn các di tích, phát triển các dịch vụ vui chơi giải trí chất lượng cao...

- Đầu tư hình thành các trung tâm thương mại và dịch vụ tài chính, tín dụng áp dụng các công nghệ hiện đại trong các hoạt động dịch vụ.

**** Đầu tư phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn nâng cao***

- Xây dựng các chương trình ứng dụng kỹ thuật công nghiệp mới, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, theo hướng hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn;

- Kêu gọi, thu hút đầu tư của các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp công nghệ cao;

- Phát triển kinh tế trang trại. Có chính sách cụ thể về yêu cầu bảo vệ môi trường, tăng cường áp dụng công nghệ sinh học; tập trung các trang trại chăn nuôi theo quy hoạch xã, hạn chế chăn nuôi nhỏ lẻ trong nông hộ;

- Sản xuất lúa hàng hoá theo vùng, cây vụ đông cho giá trị kinh tế cao, đặc sản của huyện Gia Lộc. Xây dựng các sản phẩm nông nghiệp mang thương hiệu địa phương: Gạo đặc sản, rau màu, các loại thủy sản

- Đầu tư nâng cấp, ổn định hệ thống hạ tầng thủy lợi, kiên cố hóa hệ thống kè.

- Tiếp tục triển khai và hoàn thành việc xây dựng nông thôn nâng cao hướng tới xây dựng và phát triển nông thôn kiểu mẫu.

**** Hình thành các chương trình đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các dự án trọng điểm trong lĩnh vực phát triển xã hội***

- Chương trình đầu tư hiện đại hoá các cơ sở giáo dục, đào tạo;

- Chương trình đầu tư hiện đại hoá các thiết chế văn hoá - xã hội;

- Chương trình đầu tư hiện đại hoá các cơ sở y tế, chăm sóc sức khoẻ.

**** Hình thành các chương trình đầu tư nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ.***

**** Xây dựng chương trình bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, đặc biệt là bảo vệ nguồn tài nguyên nước, môi trường nước.***

**** Xây dựng chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa huyện Gia Lộc và các huyện trong tỉnh.***

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN.

1. Giai đoạn đến năm 2030.

1.1. Định hướng chung.

- Tiếp tục phát triển đẩy mạnh công nghiệp và dịch vụ công nghiệp, làng nghề. Khai thác hệ thống đường bộ, đường sông

- Phát triển các khu vực du lịch văn hóa - tín ngưỡng, du lịch sinh thái trên cơ sở phát triển hệ thống đô thị, du lịch mới có đặc trưng về cảnh quan môi trường và sản xuất truyền thống.

- Quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các quy hoạch phát triển ngành hàng, sản phẩm chủ lực. Tái cơ cấu nông nghiệp Gia Lộc theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với chương trình xây dựng nông thôn nâng cao – kiểu mẫu.

1.2. Danh mục các dự án triển khai.

a. Công nghiệp.

- Đầu tư xây dựng và mở rộng các vùng dự kiến phát triển công nghiệp theo quy hoạch các vùng: Gia Lộc, Gia lộc 2 và 3; Hoàng Diệu; Toàn Thắng, Yết Kiêu, Gia Tiến, Gia Lương – Gia Khánh, Thống Nhất,

- Đầu tư và mở rộng cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, mở rộng và củng cố làng nghề...

b. Giao thông.

- Đầu tư xây dựng đường tránh QL37 phía Đông thị trấn Gia Lộc, Trục giao thông vành đai I, II thành phố Hải Dương; đường vành đai V thủ đô Hà Nội;

- Quản lý dành quỹ đất đầu tư các tuyến giao thông quan trọng quốc gia: Đường vành đai V Hà Nội, đường sắt cao tốc quốc tế Hải Phòng – Lào Cai- Côn Minh (Trung Quốc).

- Đầu tư tuyến giao thông mới theo quy hoạch.

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường huyện và một số trục giao thông theo quy hoạch xây dựng nông thôn.

c. Đất ở.

- Đầu tư xây dựng Khu dân mới theo quy hoạch.

- Đầu tư các khu nhà ở công nhân gắn kết với khu vực dự kiến phát triển công nghiệp

d. Công trình hạ tầng xã hội, dịch vụ, du lịch.

- Đầu tư xây dựng, hoàn thiện các công trình hạ tầng xã hội của huyện; cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc của các xã, thị trấn; bể bơi trung tâm huyện; nhà thi

đầu đa năng của huyện; di chuyển Trung tâm y tế đa chức năng; di chuyển trụ sở UBND huyện và trụ sở Huyện ủy...

- Đầu tư hoàn thiện các thiết chế văn hoá, thể thao cấp huyện và tại các xã, thị trấn.

- Đầu tư khu dịch vụ tổng hợp, du lịch sinh thái, giải trí, nghỉ dưỡng xã Đức Xương, xã Thống Kênh, Yết Kiêu, Thống Nhất.

- Hoàn thiện các dự án đã và đang thực hiện; trùng tu, tôn tạo các di tích tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn huyện.

- Đầu tư các trung tâm thương mại, dịch vụ theo quy hoạch.

Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư Theo đề án xây dựng đô thị xanh, thông minh hiện đại Giai đoạn 2021-2035

VI	HUYỆN GIA LỘC
A	Dự án phát triển khu đô thị, dân cư, thương mại dịch vụ
1	Phân khu 3,4,5 khu đô thị phía Nam thành phố Hải Dương (tại thị trấn Gia Lộc)
2	Khu đô thị mới Đông Bắc thị trấn Gia Lộc
3	Khu đô thị mới phía Nam thị trấn Gia Lộc
4	Khu đô thị mới Đông Nam thị trấn Gia Lộc
5	Khu dân cư dịch vụ phục vụ khu công nghiệp tại xã Toàn Thắng
6	Khu dân cư dịch vụ phục vụ khu công nghiệp tại xã Hoàng Diệu
7	Khu dân cư dịch vụ phục vụ khu công nghiệp tại xã Thống Nhất
4	Khu đô thị mới gần với KCN tại xã Gia Khánh
5	Khu đô thị mới xã Gia Tân
6	Khu đô thị mới sinh thái tại xã Đức Xương, Thống Kênh
7	Khu dân cư mới Quán Phe
	Khu dân cư thương mại Quang Minh
8	Khu dân cư mới phía Tây xã Quang Minh
9	Khu dân cư sinh thái tại xã Quang Minh - Đức Xương
10	Khu dân cư mới tại xã Yết Kiêu
11	Khu dân cư mới tại xã Lê Lợi
12	Khu dân cư mới tại xã Thống Kênh
13	Trung tâm thương mại, logistics Toàn Thắng
14	Sân golf và khu nghỉ dưỡng cao cấp tại xã Đoàn Thượng, Thống Kênh
8	Khu dịch vụ vui chơi giải trí chất lượng cao tại xã Hồng Hưng, Thống Kênh
9	Các dự án KĐT, KDC khác được chấp thuận quy hoạch, đầu tư
B	Dự án hạ tầng xã hội
1	Dự án Trụ sở công an tỉnh

2	Dự án trung tâm hành chính tập trung huyện
3	Dự án Bệnh viện Gia Lộc
4	Các dự án cải tạo chỉnh trang kiến trúc đô thị
5	Các dự án xây dựng trường học (<i>mầm non, tiểu học, trung học</i>)
6	Các dự án trụ sở làm việc, nhà văn hóa, sân thể thao các xã, thị trấn
C	Dự án hạ tầng kỹ thuật
1	Tuyên đường tránh QL 37 đoạn qua thị trấn
2	Cải tạo, nâng cấp QL37
3	Dự án đường gom hai bên Cao tốc
4	Dự án đường nối Trục Bắc Nam tỉnh với đường gom cao tốc (<i>đi qua KCN Hoàng Diệu và KCN Gia Lộc</i>)
5	Dự án tuyến tránh tỉnh lộ 395 nối sang huyện Bình Giang
6	Dự án hệ thống thu gom, xử lý nước thải thị trấn Gia Lộc
7	Các tuyến đường nội thị, giao thông nông thôn
8	Các dự án cải tạo hệ thống thoát nước
9	Hoàn thiện tuyến đường 62m
10	Các dự án hạ tầng thông tin, viễn thông hiện đại

2. Giai đoạn 2030-2050: Giai đoạn ổn định và phát triển bền vững.

2.1. Định hướng chung.

- Tăng tốc, tăng trưởng kinh tế cao hơn, đô thị hóa mạnh.
- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ công nghiệp, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp. Xây dựng cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp.
- Phát triển mạnh mẽ sản xuất nông nghiệp hàng hóa, khai thác tối ưu lợi thế vùng và sản phẩm nông sản chủ lực của huyện.
- Tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc phải giải quyết những vấn đề vừa mang tính chiến lược lâu dài, vừa đáp ứng nhu cầu trước mắt của nhiệm vụ phát triển lãnh thổ, để hướng tới nền kinh tế phát triển cao, xã hội tiên tiến và môi trường bền vững.
- Nền kinh tế tăng trưởng kết hợp, hợp lý chiều rộng và chiều sâu, chuyển dịch về cơ cấu đầu tư. Nâng cao chất lượng, phát triển bền vững có tính chất và quy mô phù hợp; cơ cấu theo hướng tiến bộ có năng suất tăng trưởng cao, có tính cạnh tranh tốt, khả năng liên kết hợp tác trong nội và ngoại vùng.

2.2. Danh mục các dự án triển khai.

- Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới theo quy hoạch và tiếp tục hoàn thiện các khu đô thị đang thực hiện dở dang tại giai đoạn trước ...
- Hoàn thiện đầu tư xây dựng một số Trục giao thông theo quy hoạch.

- Quy hoạch, đầu tư xây dựng các khu văn hoá thể thao tại các cụm xã; cải tạo, nâng cấp các công trình văn hoá, thể thao nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của nhân dân.

III. GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ.

- Xác định cơ cấu nguồn vốn đầu tư: vốn ngân sách tập trung, vốn vay tín dụng, vốn huy động trong dân và của doanh nghiệp trên địa bàn. Cần xác định nguồn vốn trong nước là quyết định, nguồn vốn nước ngoài là rất quan trọng. Phải huy động tối đa nguồn lực nội tại và thu hút vốn trong nước, đặc biệt là của các tập đoàn doanh nghiệp lớn trong nước; đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư nước ngoài bằng nhiều hình thức thích hợp. Đa dạng hoá các hình thức huy động nguồn vốn trong tỉnh, trong nước, đây là nguồn vốn có ý nghĩa quyết định về lâu dài, đảm bảo có đủ năng lực nội tại để tiếp nhận đầu tư trong và ngoài nước một cách bình đẳng và đôi bên cùng có lợi.

- Đầu tư từ nguồn vốn nhà nước trên địa bàn được thực hiện theo Luật Đầu tư công, Kế hoạch đầu tư trung hạn. Nguồn vốn này chủ yếu đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, các lĩnh vực xã hội và phúc lợi công cộng.

- Nguồn vốn doanh nghiệp và vốn từ dân. Thu hút nguồn vốn của các doanh nghiệp trên địa bàn, từ các tỉnh/thành phố trong cả nước. Nguồn vốn này có xu hướng tăng lên, đáp ứng khoảng 13-15%, chủ yếu đầu tư cho phát triển sản xuất, kinh doanh, một phần xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Nguồn vốn đầu tư từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Dự báo trong các giai đoạn phát triển, đây vẫn là nguồn vốn quan trọng nhất, chiếm trên 80% tổng vốn đầu tư phát triển hàng năm trên địa bàn.

Một số biện pháp huy động vốn.

** Sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách Nhà nước.*

- Cần đầu tư có trọng điểm, tránh dàn trải, tập trung đầu tư dứt điểm các công trình ưu tiên, các dự án có khả năng thu hồi vốn nhanh, phát huy được hiệu quả.

- Tăng cường quản lý, giám sát đầu tư, chống thất thoát vốn. Thực hành tiết kiệm trong sử dụng vốn ngân sách.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thu ngân sách, tăng thêm các nguồn thu trên cơ sở khuyến khích phát triển nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh.

-Phấn đấu tăng thu ngân sách bình quân hàng năm đạt 10% - 15%. Có biện pháp quản lý chặt chẽ các nguồn thu, hạn chế thất thu ngân sách.

** Huy động vốn hỗ trợ từ các chương trình, dự án quốc gia:* cần tranh thủ sự hỗ trợ các nguồn vốn từ các dự án như quỹ giải quyết việc làm, quỹ xoá đói giảm nghèo, vốn vay đầu tư chiều sâu trung hạn, ngắn hạn của các ngân hàng thương mại, quỹ hỗ trợ đầu tư phát triển quốc gia v.v...

** Huy động vốn từ quỹ đất đai.* Thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu các dự án đã được quy hoạch để tạo vốn đầu tư cho xây dựng các công trình

hạ tầng, phát triển các khu đô thị. Đẩy mạnh cấp giấy quyền sử dụng đất cho các doanh nghiệp và dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các giao dịch liên quan đến đất nhằm huy động nguồn vốn từ đất (thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất...) để vay vốn ngân hàng.

** Tăng cường xúc tiến đầu tư.*

- Xây dựng danh mục các dự án kêu gọi đầu tư, các trang thông tin cụ thể về nội dung dự án, địa chỉ liên hệ, cán bộ phụ trách v.v để thông tin, giới thiệu các dự án phát triển.

- Tạo thuận lợi tối đa để thu hút nguồn vốn tư nhân vào các dự án đầu tư hạ tầng theo hình thức PPP trên địa bàn.

- Hỗ trợ đền bù, giải phóng nhanh mặt bằng, tạo các điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư sớm triển khai dự án.

** Đẩy mạnh các cơ chế, chính sách.*

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho các thành phần kinh tế đầu tư trên địa bàn.

- Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng theo hình thức phù hợp (PPP, BOT, BT, BTO...) Tạo nguồn vốn từ quỹ đất đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và các nhiệm vụ có tính đột phá.

PHẦN VI: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.

Nội dung Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc đã bám sát các yêu cầu của Nhiệm vụ quy hoạch được duyệt, phù hợp với các nguyên tắc và định hướng phát triển của Nghị Quyết số 01-NQ/ĐH ngày 27/10/2020 của Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 và các thành phố, huyện trong tỉnh.

Đề án định hướng trong việc khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên, môi trường sinh thái, phát triển hệ thống dân cư Đô thị - Nông thôn với ý đồ tổ chức không gian quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi toàn huyện, gắn với đặc trưng riêng của huyện. Hệ thống điểm dân cư nông thôn và các thế mạnh về phát triển tiểu thủ công nghiệp – làng nghề, nông nghiệp chất lượng cao, áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ sinh học trong việc phát triển nông nghiệp chất lượng cao...cũng được đề cập trong phạm vi vùng với việc dành lại cho huyện một dải không gian vùng đệm với hệ thống các đô thị mới xen kẽ đồng thời vẫn gìn giữ và bảo tồn các vùng văn hóa đặc trưng, làng nghề truyền thống.

Đề án Điều chỉnh Quy hoạch vùng xây dựng vùng huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt là cơ sở pháp lý thực hiện và giải quyết các vấn đề trong phát triển đô thị và điểm dân cư nông thôn. Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Lộc được duyệt cũng là cơ sở pháp lý: Để định hướng các hoạt động về xây dựng phát triển đô thị trong toàn huyện; Xây dựng huyện nông thôn nâng cao; Để các cơ quan chức năng triển khai các bước tiếp theo nhằm cụ thể hóa các nội dung của đề án./.